

ng. 2

o chí
ất bản
ng tháng

VĂN NGHỆ



reformed by Le Tung Chau

u. v. m. g.



nộ ng àn chí n tr ă m s ă m u o i m ố t

tháng 2-1961

tạp chí văn nghệ	3	lời mở đầu
kiến trúc	5	vàng trên thế kỷ
anh oanh	9	triển lãm tự ty
ngọc dũng	12	phía trước mặt
lò thủy yển	14	tự do
song hồ	16	hòa bướm vàng
viên linh	17	di vồ
trụ vũ	20	một mình
trần da lư	21	oa lâu hang ba
chế vũ	20	tam bệch
viếng lữ	27	budapest
quách thoại	29	như bằng trường tỉnh
lân ngọc quýnh	32	bóng lẻ
nguyễn sỹ tể	38	hai chàng làm việc nước
luong nguyễn nhữ	52	trong lòng bàn tay
thao trường	63	cơn sốt
vũ phiến	78	nhân vật tiểu thuyết
most hemingway	83	cảnh tuyết ở kilimanjaro

VĂN NGHỆ

tạp chí xuất bản hàng tháng

tổng nhiệm :
7 hoàng phong

trợ lý tòa soạn :
ngọc dũng

1

tòa soạn và trị sự

554, trương minh

giảng, saigon

điện thoại: 20.678

XUÂN TÂN SỬU
TẠP CHÍ VĂN NGHỆ
GỬI LỜI CHÚC MỪNG
NĂM MỚI ĐẾN CÁC
BẠN ĐỌC GIÀ

Đang trình bày, minh họa

LỜI MỞ ĐẦU

Xuất bản tạp chí này chúng tôi muốn nó sẽ là diễn đàn của mọi xu hướng văn học nghệ thuật tự do và có ý thức, chúng tôi muốn sẽ được giới thiệu những tác phẩm tiêu biểu của thời đại, những sáng tạo có tính chất tiên bộ, khai phá, giải phóng, những công trình mới mẻ, những thử thách, những cố gắng cần khuyến khích, những bước đầu hứa hẹn.

Hơn nữa, trong những năm tháng lịch sử này, chúng tôi còn muốn tạp chí sẽ là nơi phát động một phong trào sáng tác phấn khởi và hào hứng, là nơi thúc đẩy một phong trào văn nghệ tham dự vào đời sống, tham dự vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc, của thế giới ngày nay, cho một tương lai sáng sủa hơn, cho một chân lý chân thật của tự do và hòa bình.

Chúng tôi sẽ đăng liên tiếp trên mặt báo những tác phẩm dài, sẽ thường xuyên dịch thuật giới thiệu những tác phẩm quốc tế. Trong đó chúng tôi đặc biệt lưu ý những tác giả của những dân tộc Á-Đông và phi-châu đang cùng chung một số phận với chúng ta, chúng tôi sẽ chú trọng đến công việc phê bình, nghị luận về những vấn đề văn học nghệ thuật trong nước và ngoài nước để xây dựng và nâng cao trình độ nhận thức thưởng ngoạn của người đọc.

Nhưng khó khăn không phải là ít. Chiến tranh đã đưa đến sự chia cắt đất nước, những cuộc cách mạng đã gây một cuộc khủng hoảng xáo trộn xã hội tận gốc rễ, sự đe dọa thường trực của một chủ nghĩa độc tài xâm lược, sự chiến đấu hằng ngày để bảo vệ tự do, dân chủ, tất cả những thực trạng ấy đưa đẩy những nhà văn nghệ ngày nay vào một đời sống bất an, ám ảnh bởi những xáo động. lo âu, có hại ít nhiều cho công việc sáng tạo. Cũng cần thẳng thắn nói thêm rằng sự kiểm duyệt bất buộc mà nhà cầm quyền đã xet cần thiết đối với sách

báo xuất bản đã hạn chế một phần nào cảm hứng và tự do của người viết. Mặt khác, sự thiếu sót những nhà xuất bản có đầy đủ khả năng và sự làm việc chưa được tổ chức hoàn bị của một số nhà văn nghệ, đi theo đó số người mua sách báo còn đang ít ỏi hiện tại, đã đem theo một tình trạng nghèo túng, bị động của văn nghệ bây giờ.

Nhưng tình thế vẫn có thể giải quyết ổn thỏa được. Một công việc làm có tổ chức và hợp tác đồng đạo, một tờ báo xây dựng chu đáo, một công trình sáng tạo dịch thuật đều đặn cung cấp đầy đủ cho một nhà xuất bản có thiện chí, một sự hưởng ứng lớn lao, hùng hậu của độc giả — đặc biệt những độc giả mua dài hạn — sự thông cảm sáng suốt của những cơ quan phụ trách kiểm duyệt đặt trách nhiệm cho người viết trước pháp luật, đó là những yếu tố có thể đưa đến sự thành công cho một phong trào văn nghệ có uy tín và ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội chúng ta, một phong trào văn nghệ không thể không có mặt trong gia đoạn hiện thời.

Chúng tôi muốn nói rằng cuộc tranh đấu của văn nghệ hôm nay cũng là cuộc tranh đấu của dân tộc để tồn tại và trưởng thành với thế giới. Chúng tôi nghĩ thế và khởi đầu.

văn nghệ

văng trần thế kỷ

KIỀMMINH

Đoạn văn dưới đây là một phần trong tập "Trên văng trần thế kỷ" của Kiềm Minh. Tác giả suy nghĩ như một vết đen nhỏ trong cái trong sáng lớn của cuộc sống hiện tại

L.T.S.

Những người nào có cặp mắt nghiêm khắc, những người nào mang sẵn những thành kiến sẽ không bao giờ hiểu được nụ cười và giọt nước mắt thật của cuộc sống.

Vì sao người thanh niên ấy là kẻ mà thiên hạ gọi là đư đấng? Nó lờn lờn vào khi thế giới đầy những tiếng nổ chát chúa kinh hoàng. Trước hết là mái nhà thân yêu, nơi đã nhìn thấy hạnh phúc của nó, bị sụp đổ. Người cha ra đi rồi, không biết cái gì xảy ra ở đằng sau. Người mẹ làm gì để nuôi đàn con, ai biết nổi?

Nó lờn lờn giữa một sự tan nát lớn. Cây sừng làm chủ. Lời nói của lẽ phải bị tiếng bom đạn che lấp hay làm cho vô nghĩa. Sự giết người trở nên quen thuộc nhưng vô lý. Những con đường vinh quang thật khó cất nghĩa. Nó thấy tương lai bị phủ bởi sương mù. Ngày mai nó làm gì? nó tự hỏi. Học hành đưa nó tới đâu? Thật không thể nào. Cũ sức để đi vào sự hiểu biết mà sách vở sẵn sàng dâng hiến khi nà hàng ngày nó hiểu biết rằng mẹ nó thương đi với một người đàn ông có tiền để lấy tiền cho nó ăn học. Mẹ nó tồi bại, không trung thành với cha nó, mẹ nó là một con đĩ? Nó khinh mẹ nó. Nhưng vì sao nó lại khinh mẹ nó cho được khi mà nó bắt gặp tình thương trên đôi mắt mẹ nó? Nếu nó khinh mẹ thì nó phải khinh tất cả mọi người chung quanh nó.

Mẹ nó thường nói: « Chờ hết chiến tranh, sẽ kiếm việc làm, hơn nữa khi đó con đã lớn con có thể giúp mẹ ». Nhưng khi mà tiếng súng ngừng nổ ở hai trận tuyến chẳng phải là khi mà chiến tranh chấm dứt. Cái áo chui áo đen kinh khủng của chiến tranh vẫn còn lờn vờn đe dọa mọi người. Tình trạng này người ta vẫn lạc quan để gọi là hòa bình.

Vậy thì trong giai đoạn hòa bình này, người thanh niên của chúng ta đã hai mươi tuổi. Hai mươi tuổi nhưng mà già. Đời nó đã thấy, đã nghe nhiều và nhất là đã trải qua mọi chuyện. Nó khinh mãi trường nên không tha thiết học. Bởi kích thước tinh thần và vật chất của nó lớn quá. Nó nghĩ sai hay đúng, đâu phải lỗi tại nó.

VÀNG TRẦN THẾ KỶ

Nó muốn làm người của đường sá. Từ lâu nó hờn oán xã hội. Xã hội đã làm cuộc sống của nó tắc nghẽn. Đã lấy của nó người cha. Đã kéo người mẹ nó vào cảnh nhục nhã. Đã làm cho em nó thiếu thốn. Nhiều lần nó đã buồn vì nhà cửa chật chội. Nó thiếu không gian để mà sống. Nó hẳn học chung quanh trong lúc tình thương của nó vẫn dồi dào. Nó bị quan, trong lúc đó thì nó nuôi nhiều mộng đẹp. Nó phá phách nhưng mà nó vẫn thấy sự xây dựng là cần thiết — để cho nó được hạnh phúc. Vì sao nó phá phách? Tôi nghĩ rằng bởi vì nó nghĩ cái xã hội với kiến trúc cũ đã chèn ép nó. Chính trong khung cảnh thế giới già nua thâm kiện của gia đình nó được diễn ra. Vậy thì nó cần phá phách. Nó khóc và nó cười. Nó yêu thương tất cả nhưng nó có thể giết người. (Vì sao người ta không trừng trị những kẻ thả bom nguyên tử làm cho hàng vạn người chết mà lại để yên cho những kẻ đó sống, bảo vệ những kẻ đó trong lúc người ta giam giữ những kẻ chỉ giết một người, hai người. Nó tự hỏi và nó muốn chất vấn xã hội.)

Cặp mắt của nó đầy sự khó hiểu. Đó là cặp mắt vừa hiền vừa dữ vừa trong sáng mà cũng vừa đục ngầu, cặp mắt của thiên thần và của ác quỷ. Nó có thể bênh vực lẽ phải mà cũng có thể chà đạp lẽ phải. Bởi vì nó nghe có cùng một ý nghĩa tất cả những danh từ trái ngược nhau.

Trong khi đó thì nhiều điều kỳ dị vẫn tiếp tục xảy ra chung quanh nó. Những kẻ cắp nói chuyện nhân nghĩa. Những kẻ giết người nói chuyện công bình.

Người thanh niên tuyệt vọng. Nó thấy rằng nó sinh ra giữa một thế giới không có một lời hứa hẹn, một sự bảo đảm cho nó. Cuộc sống trở nên vô lý. Không có gì đau xót hơn, đáng cay hơn. Nó phản ứng lại bằng cách điên cuồng — đó là một sự chửi rủa vào một xã hội. Không ai hiểu nó, kể cả những người thân yêu của nó. Mẹ nó khóc rấm rứt, nghĩ rằng tương ngộ nó, ai nhờ nó lại đem đến cho gia đình sự buồn rầu và âu lo. Những người em nó lại ảnh hưởng nó. Đứa em gái 17 cũng muốn sống với sống vàng. Khôn ngoan và ranh mãnh. Tất cả sự thông minh đem dùng một cách phí phạm vào những chuyện không đâu vào đâu. Trả thù, phá phách.

Đó là những người trẻ tuổi đau khổ đang sống giữa cái đồ vỡ của một cuộc chiến tranh đã chấm dứt nhưng không thấy bắt đầu một hòa bình thật sự. Lớp người nhiều tuổi hơn họ cũng đang chán chường cũng đang hoài nghi thì thử hỏi lớp người này tin yêu được ở cái gì?

Tôi đã gặp trên mọi nẻo đường những con người rất bơ vơ này. Có khi họ giữ bộ mặt im lìm trầm lặng, có khi họ ồn ào náo động. Người ta thường nhìn họ với đôi mắt e dè, đôi khi hơi khinh bỉ. Như thế, người ta muốn gạt họ ra ngoài cuộc sống bình thường. Người ta cũng có lý. Bởi vì trong cuộc sống bình thường, người ta không thể nào chấp nhận được những kẻ còn trẻ mà đã say sưa và nghiêng ngả sớm. Không thể nào chấp nhận được những kẻ tóc còn xanh nhưng muốn làm ra vẻ già

nua, những kẻ còn non nhưng muốn tỏ hơn người, tưởng rằng giàu kinh nghiệm trong khi thực sự không khôn ngoan tí nào cả.

Họ là như vậy, nhưng đâu phải không có nguyên nhân. Những người trẻ đó muốn gì? Họ đã thấy mơ màng rằng con đường mà lắm người đang đi là con đường cụt. Họ sẽ bị dẫn đến đó. Họ không muốn thế. Họ lúng lộn, họ phản ứng lại bằng mọi cách. Hoặc họ tự tử bằng thế này hay bằng thế khác, hoặc họ tỏ ra căm hờn những lớp người lớn tuổi, họ cho rằng lớp người đó không làm gì cho tương lai của họ. Họ thấy rõ sự bất lực của lớp người đó. Vì sao lại không đủ sức dọn dẹp sửa soạn cho họ một xã hội để họ sống. Và vui cười hạnh phúc. Từ ý nghĩ đó những con người trẻ tự thấy có quyền xem thường lớp người đã đi trước họ. Họ thấy rằng chính họ, họ phải làm cho đời sống của họ được quang đãng. Nhưng họ làm được không. Chuyện không phải là dễ dàng.

Bởi vì họ không nắm được gì cả trong đôi bàn tay trắng của họ. Của cải vật chất và của cải tinh thần đều ở trong tay những lớp người khác luôn luôn xem họ là lớp người có bốn phen kéo dài một nền văn minh hơn là bắt đầu một nền văn minh. Tệ hơn nữa, họ bị xem như những dụng cụ. Vì thế họ bức tức, vì thế họ chống đối xã hội. Nhìn thấy họ có tinh thần chống đối, nhiều lực lượng kêu gọi họ. Một số gia nhập, nhưng phần lớn gia nhập là để giải quyết *giải quyết mình, giải quyết con người đau khổ của mình*.

Chúng ta thường thấy nhiều người trẻ dấn thân vào một hành động nào đó là để mong quên chuyện dĩ vãng, là để tìm cách xóa những u uất, là để trả lời cho những người đã hắt hủi họ biết rằng họ vẫn có giá, vẫn có lý do để tự xem là quan trọng.

Trong lúc một số như thế thì phần lớn vẫn giữ sự hoài nghi, vẫn mang niềm chán nản. Những kỷ-niệm của một cuộc chiến tranh tàn khốc vẫn còn rõ quá. Những người cha đã chết bây giờ họ không còn nhớ mặt nhưng hình như họ vẫn còn nghe văng vẳng giọng nói thân yêu, những người mẹ ốm đau vì đã hy sinh cho sự sống của con cái...

Tất cả đó cộng thêm những khổ sở, những phi lý chung quanh làm cho họ không đủ sức đề tin tưởng vào bất cứ cái gì cả. May ra chỉ còn tin ở tình thương của anh chị em, của bè bạn, của người yêu.

Trở lại câu chuyện của nó. Nó chỉ còn tin ở tình thương của anh chị em và của bè bạn... Một hôm rất tuyệt vọng vì bị người yêu hắt hủi bởi vì người yêu vừa khám phá ra sự nghèo nàn của nó và sự không có tương lai của nó, nó tìm đến người em gái nay đã có chồng. Người em có chồng nhưng vẫn còn đi nhẩy vì chồng nó làm không ra được nhiều tiền cho lắm để tiêu xài.

Nó đến vào lúc 10 giờ sáng. Em nó còn ngủ, ôi giấc ngủ ngày mệt mỏi. Nó ngồi nhìn em nó và nhận thấy mặt em nó đầy vẻ tiều tụy. Điều làm nó xúc động là: với vẻ tiều tụy đó, em nó đẹp. Nó im lặng nhìn em gái,

VĂNG TRẦN THẾ KỶ

lòng đầy thương yêu, nghĩ đến những ngày xưa, những ngày êm đềm và những ngày đau xót gai góc.

Nó ngồi như thế thật lâu, trước mắt hiện ra những hình bóng cũ, thêm nhà, một cảnh hoa, những nụ cười, ánh nắng buổi chiều, lửa hồng reo vui. Tất cả đó là những hình bóng êm đẹp. Không còn nữa từ lâu.

Ánh nắng buổi chiều ngày đó sao mà ấm, bây giờ đây nắng ban mai chiếu xuống một người ngủ ngày nhọc và chán. Như thế này đến bao giờ?

Mười một giờ. Đôi mắt người em gái bắt đầu hé mở. Thấy cả một sự già nua bệnh hoạn.

Người em gái bằng đôi mắt còn buồn ngủ nhìn nó vừa ngạc nhiên vừa vui mừng. «Anh đến từ bao giờ?» — «Đã lâu» — «Sao không đánh thức em?» — «Để cho em ngủ» — «Sao đã lâu rồi chẳng gặp được anh?» — «Ừ, anh bận» — «Bận chuyện gì?» Nó cười chưa chát. Nó bận chuyện gì đâu, chẳng bận gì cả. Chỉ buồn và chán, chẳng biết làm cái trò gì, không biết làm cái trò gì.

— «Sao trông anh buồn thế?» người em gái hỏi, vừa ngồi dậy, ngáp. Nó không trả lời. Chính câu đó nó cũng muốn hỏi em nó : — «Sao trông em buồn thế?»

«Nhiều khi em sợ anh, nhất là khi nhìn vào đôi mắt của anh : không ai rõ các anh sẽ làm gì!» người em gái nói. Nó cười. Và tự hỏi : «vi sao lại các anh?» Cuối cùng nó hiểu. Rất nhiều người như nó. Rất nhiều người như em nó.

Tôi đã gặp trên các nẻo đường những con người ấy, những con người bơ vơ lạc lõng. Họ rất dỗi dằn tình cảm, nhưng có thể giết người một cách dễ dàng vì những lý do không đâu vào đâu. Đã có lần tôi hiểu cử chỉ tàn bạo của họ như sau : họ giết một kẻ nào vì thấy ở kẻ đó có một sức nặng đè ép họ, một chướng ngại vật ngăn chặn con đường của họ. Sau hành động đó, họ bị lên án. Họ bị lên án, và người ta kính sợ họ, gớm ghiếc họ, nhưng người ta quên một điều : họ đã là những kẻ lên án lao động, là tất cả những hành động bạo tàn đã làm cho con người chảy nước mắt.

Trước những sự việc ghê tởm đó cứ được quyền tiếp diễn dưới ánh mặt trời, trong một thế giới đang nuốt họ, phải chăng họ có quyền điên loạn? Nhưng sự điên loạn đó làm đau lòng đời sống bởi lẽ đời sống đổ vỡ vì nó. Họ biết thế. Mâu thuẫn. Tin rằng từ cái mâu thuẫn này nở ra một bông hoa.

(trích trong tập Trên vầng trán thế kỷ)

kiêmminh

triền lãm tạ ty

ANH HOANH

Tạ Ty là một họa-sĩ nổi tiếng tại Việt-Nam từ thời tiền chiến do cái khuynh hướng mới của ông. Có một căn bản vững chắc nhờ trải qua những năm ở trường Mỹ-thuật Hà-nội và tốt nghiệp tại đó, ông đã làm giới thương ngoạn tin tưởng về tài nghệ của ông. Không còn gì bảo đảm, ở đây, hơn cái bằng Mỹ thuật Hà-nội.

Năm nay, tại phòng triền-lãm thường-trực đô thành, Tạ Ty đã trình bày cho công chúng xem những đũa con tinh thần đã được thai nghén từ 5 năm nay : Trên 50 bức tranh được nâng niu với hình thức lập thể và trù tượng. Khuynh hướng về hội họa trù tượng của ông được thấy rõ ràng nhất.

Những đề tài được suy tư, chọn lọc kỹ lưỡng đề rồi được diễn tả bằng những hình thể, màu sắc cũng được cân nhắc kỹ-lưỡng. Chúng ta hãy nghe một vài đề tài rất thi vị của ông : «Biển và đàn bà», «Máu và nước mắt», «Mẫu thời gian», «Biên giới không gian», «Những viên đá không gian». Những đề tài ấy được một vẻ sâu rất đa cảm, thêm vào đó cái không khí của triết học khiến tranh ông có vẻ tri thức vô cùng.

Tinh thần của tác phẩm ông như vậy đã làm ta nhớ tới không khí kịch trường hay tiểu thuyết. Nó không còn mang cái tinh chất của Hội họa nữa. Hội họa, cái nội dung và kỹ-thuật chỉ là một; cái «một» ấy chính là nghệ-thuật. Ở tranh của Tạ-Ty, người ta thấy nội dung và kỹ thuật bị tách rời ra, chúng không còn liên lạc nhau nữa vì ngụ ý «diễn-tả» của ông; những hình thể và màu sắc không gọi cho ta một ý gì về tinh thần của thể tài. Ít nhất, ở loại tranh minh họa người ta cũng gặp sự ăn ý giữa thể tài và hình thức ấy theo cái tinh thần diễn tả, ở đây sự ăn ý ấy không có.

Cái ý thức sáng tạo của ông bị đổ vỡ ngay từ đó. Sự ép ưỡng hội họa để làm phương tiện diễn tả những đề tài khuôn sáo và được mùi triết lý ấy khiến cho sự thuần túy nghệ thuật không còn nữa.

TRIỂN LÃM TẠ TY

Nó không còn là hội họa nữa. (Không phải những gì có hình dáng của một khuôn bố, trên ấy phơi bày những tầng màu vui mắt, được lồng trong một cái khuôn hình chữ nhật thì đều được mệnh danh là hội họa cả đâu. Một nét cũng là là hội họa, nhưng ép uổng quá thì hội họa trốn đi mất). Cái thi vị của hội họa, điều ấy là vốn, tự nó gọi lên. Cái triết lý của hội họa thì cũng thế. Tranh của Tạ Ty thì không như vậy. Chúng như những xác chết nằm trong quan tài; trên quan tài, người ta đề ngày sanh và chức tước của người chết.

Kỹ thuật của Tạ Ty không cho ta thấy được một kinh nghiệm quý báu nào của một người làm hội họa lâu năm. Mặc dầu ông đã theo khuynh hướng mới, nhưng những luật lệ của nhà trường đã trói buộc ông quá chặt chẽ, khiến cho nét vẽ không còn linh động. Màu sắc thì được pha trộn cẩn thận, không thấy được những thích thú của bất ngờ. Bố cục thì chặt chẽ quá làm chúng có vẻ cứng nhắc, không tự nhiên. Tất cả đều được làm trong sự chín chắn, không có sự rung cảm. Ở hội họa, sự rung cảm lúc làm việc rất cần thiết. Nó tạo sự sôi nổi, sự bất ngờ, gây thích thú cho người xem. Ở Tạ Ty, sự rung cảm của ông chỉ có trong lúc chọn đề tài. Sự khéo léo của bàn tay Tạ Ty không làm ra sự giả dối của kỹ thuật. Cái khuynh hướng mới của ông bị sự khéo léo ấy, sự chín chắn ấy, cái luật lệ nhà trường còn vương lại ấy đánh chết cái tinh thần phóng khoáng của ông. Chúng cũng không cho phép ông tạo được một thể chất mới, một thể chất quý cho tranh ông. Cái thể chất ở đây không ngụ ý là dụng cụ tạo tác, mà là cái ấn tượng mà bức tranh gợi cho người thưởng ngoạn.

Có người cho tranh Tạ Ty thuộc về loại trang trí. Đó là nhận xét sai. Không phải một bức tranh lập thể hay trừu tượng không có nghệ thuật thì biến thành loại tranh trang trí. Loại tranh sau này vẫn có nghệ thuật riêng của nó. Xem tranh trang-trí của Lưát, ai chối nhận được điều đó?

Có nhiều người lại bảo về phòng triển lãm này chính là một sự lừa gạt khán giả. Đó là một nhận xét sai lầm thứ hai. Tôi chắc chắn là Tạ Ty đã làm với tất cả lương tâm mình. Trong 5 năm trời, năm mươi tác phẩm. Thời gian ấy, số lượng ấy không chứng minh được sự đó sao? Hơn nữa nhìn vào toàn thể, ta thấy ở đó một sự tung tuốt ít thấy so với tranh những họa sĩ ở đây. Sự lừa gạt ấy nếu có, thì đó là sự lừa gạt của Tạ Ty với chính cá nhân mình, nội tâm mình. Ở đó chúng ta thấy một sự đa cảm núp sau dạng thức của thơ văn và triết lý. Hai thứ đó biến hội họa của Tạ Ty thành một thứ sân khấu có lối đóng-trò khó hiểu.

ANH OANH

Tôi nghe lắm được câu này trong phòng tranh của Tạ Ty : «Nếu những tấm đồng này (những tấm đồng gắn ở mỗi khuôn tranh, có khắc tên của bức tranh ấy) được gỡ khỏi khuôn tranh, hội họa của Tạ Ty mới phục hồi được ý nghĩa».

anh oanh

phía trước mặt

NGỌCDŨNG

1

Tiếng nói sẽ vô cùng huyền bí khi tên em là những phiêu lưu đột khởi từ rừng hoang, khi buổi chiều nhìn xuống thung lũng. Mùa xuân vút đến như mũi tên một loài hoa. Anh gọi : cánh tay của biển

Cánh tay như vết chém xuống thân mình cần cỗi : một sự hủy diệt bắt đầu. Những giòng mưa đêm kéo dài sự buồn ngẫm ấy làm gì.

Cái cách biệt của con đường anh đặt tên với từng bước chân xuôi theo giòng mái ngói : tên em đỏ và tiếng harmonium trầm buồn : khuôn mặt em đỏ.

2

Em biết không, tiếng khóc bắt đầu xanh rữ xuống như hơi thở vội vàng từng giọt mưa ngoài hiên mau

Em biết không với tiếng hát nổi theo từng bước chân suốt đời người buồn tủi là vòm cây chim

xanh như màu da em hôm nay. Những khám phá cuối cùng đã trở lại trong linh hồn người với chùm tóc mưa phún lần thứ nhất.

Sự cô đơn heo hút như khoảng trống lạnh buồn trên không kia, là giới hạn của nụ cười dần tắt đi trong vòng tay anh bờ ngõ

đầy mùa xuân và tia nắng đen.

NGỌC DŨNG

tự do

TÔ THÙYÊN

Có khi cô đơn, tôi xoè bàn tay gầy guộc ra, xem chỉ nào bắt bạnh

Và Thượng Đế có chăng.

Tôi hằng mơ ước trở thành một kẻ bàn tay không có chỉ, đi bưng ở ngoài quang trường soi mói của Thượng Đế nhỏ nhen. Ôi vinh dự, một hành tinh không thái dương!

Thường buổi chiều, đất trời hoen rỉ, tôi ngó xuống đời tôi, vương quốc suy tàn, sâu đau công hãm.

Tôi hành hung tôi, nhân danh mối thù không đối tượng, tôi hành hung kẻ thủ vai trò hãm hiếp Thượng Đế gán cho Vai trò con quay bị quất cho quay, quay tròn một chỗ.

Tại sao con sâu cứ phải thành con bướm, mây phải thành mưa?

Tôi cải trang thường xuyên tâm hồn tôi.

Tôi đổi khác ngày ngày như hình thẻ chất lỏng lưu thông.

Cho quá khứ, hiện tại, tương lai rời rạc nhau, không cùng sắc thái.

Cho định mệnh truy tìm mất dấu tôi.

(Sự nhất trí một đời công nhận quyền uy Thượng Đế)

Hẹn chết căng ra như chiếc lưới sau một mùa gặt hái biển khơi, Trên những cây sào khỏe chống không trung, mái lều vô biên tưởng tượng.

Tôi trèo qua bờ đậu xương rồng cáo xé thịt da, chạy ra

đồng rộng.

Mặt trời giận dữ phóng tua lửa vào đôi mắt hỗn xược hăng
hà mũi giáo sáng choang.

Con nhím hoảng kinh là tôi thu mình xù bần tiếng kêu ghim
ngược vào tôi.

(Xin hiểu tiếng kêu đó là lời xưng tụng tự do.)

Con chim bị giam cầm từ khi mới nở, lúc được xỏ lồng lao
đầu vào cùm tặn không gian mà ngã chết.

Tôi xô tôi rụng xuống hư vô giá lạnh, rách ngon một lần sơn
bi thăm lên nền trời khuya trong khoảnh khắc của họ sao
băng

Và của vĩnh cửu.

Có tan nát, hãy tan nát thật huy hoàng, một đời như một
chiếc pháo bông.

TÔ THÙY YÊN

hoa bướm vàng

SONGHỒ

trên cành cây xanh
có bông hoa vàng
một làn gió thổi
hoa vàng bay đi

cùng làn gió thổi
bướm vàng đang bay
đậu cành cây xanh
một bông hoa vàng

tưởng hoa là bướm
tưởng bướm là hoa
cùng mối tình si
hoa vàng ở lại
bướm vàng bay đi

một bông hoa vàng
một con bướm vàng

SONG HỒ

đi về

VIÊN LINH

chiều trên núi còn trông theo biển rồi
lúc này bầu trời âm u
tôi vượt ve bờ đá hốc thủng mòn

thân thể quên là một giấc mơ

vì sao khuất rồi cùng niềm im lặng
bầu trời mang lên dấu trên cao
trong cuộc sống tuổi thơ già như xây

mọc chen chân ngoài cõi đơn đau

tôi lạnh lẽo đêm năm dáng xâu
rụng lốt chân chui cùng cỏ rối
hạnh phúc mọc hoang khắp cánh đồng lầy
trừ những lối đi những con đường kia

ôi những bước chân kẻ nào lao chạy
đêm tàn đêm lười hái treo lên

hoàng hôn chết rồi còn một cánh tay
một sợi dây đen móc vào bóng tối

tôi rơi bồng trong vòng va chạm hải hùng
một mình xoay suốt cuộc tang thương

TRÊN CAO

về phía những cơn giông sắp tới
bấy giờ không còn gì không còn gì
trông lai trời theo với năm bụi trên đầu
và thân thể anh em chờ đợi
đã thiếp trong niềm đón đau tàn rữa

bấy giờ không còn gì không còn gì
cuộc sống cùng một mũi tên bay

buổi chiều mùa hè trên sông
anh ôm em trong niềm tuyệt vọng
nước trôi một lần thôi em biết rõ
anh ghi em không thể nào hơn
dục vọng thì suốt đời theo đuổi
nên anh dù cố đến cùng
khi trở lại bến tàu ngồi trên móng sắt
cũng tự hỏi tại sao tôi đoạn tuyệt nàng

bấy giờ không còn gì không còn gì
ngoài sự kiếm tìm sui tôi khuấy động chân tay
về phía những cơn giông sắp tới

bấy giờ không còn gì không còn gì
ngoài một mũi tên nàng lượn được
mà người ta thấy xuyên qua cổ nàng

THỜI SỰ

trên núi non cây cối thì buồn
đá ở không hàng muôn nghìn năm

bây giờ cùng thế kỷ sau
trên đó cùng linh hồn muông thú
của một kẻ nào đã già biệt,
y chết đi nằm ôm gốc cổ thụ này, những đôi xương chắp một
vòng rộng rãi lặng yên, không nói năng, những tiếng cười bao
khắp khu rừng, ở những nơi có chiếc răng mòn trắng hếu

những chiếc răng loài chim nào tha rải rác trên cành cao

trên núi non cây cối thì buồn
đá ở không hàng muôn nghìn năm.

Có hiểu sao tiếng nói của em đã mất
mang đi đâu niềm vui tươi anh hằng mong
một ngày xa em anh không hề thức dậy
cùng mặt trời chui xuống miền tối đen

anh trốn tránh một ngày anh bỏ sót, thành đêm không, trên
cánh đồng sâu không người qua lại, ở đó, rần rết trườn
lên như cánh tay mềm của tử thần, ở đó mộng mị được đem
điễn vô bồi, có những cặp sừng những bộ râu treo sẵn bên
trong, ở đó không dấu chân người qua lại, trừ một đám tang
đương đi tới.

ở đó, anh tìm lại được tiếng nói em trên nắp quan tài, dưới
làn bụi mỏng,

trên núi non cây cối thì buồn
đá ở không hàng muôn nghìn năm.

Bây giờ em ở đâu kim xuyên ơi
thành phố tiên điền, những chiếc móng tay trên khe cửa kính,
tâm hồn anh rất âu châu, nổi chán chương niềm tuyệt vọng,
bây giờ thôi chẳng còn hạt bụi nào của quá khứ, mai anh sang
brésil cùng ít bạn bè vào các đồn điền cao su mệnh mông
mệnh mông, cùng xứ sở,

trên núi non cây cối thì buồn
đá ở không hàng muôn nghìn năm.

Đêm tối xuống anh nằm đè lên bóng mình mỗi mệt, con sông
dưới sàn nhà lặng lẽ trôi cùng hơi lạnh ngắt. Anh trở dậy tìm
một que diêm trên bàn. Mười ngón tay quờ quạng trên mặt
gỗ trơn, anh động chiếc chai không kính hoàng gặt vỡ và
ngã xuống.

Anh trườn mình trên đồng thủy tinh, rượu đã hết. Những ly
rượu cuối cùng cạn sáng hôm qua, trong đám tang người bạn
tự kết liễu mình, anh lằm bằm trong một giấc mơ,

trên núi non cây cối thì buồn
đá ở không hàng muôn nghìn năm.

VIÊN LINH

một mình

TRUY VŨ

mặt trời đỏ chân trời
giòng sông về chân trời
cánh bướm treo rặng đỏ
cũng đi về chân trời

lầu cao đứng một mình
giòng sông cũng một mình
mặt trời cũng một mình
lòng ta cũng một mình

tiệc văn đông đảo khách
rượu hiện chân tương đời
thế giới là ảo mộng
giòng sông về chân trời

chẳng bao lâu gặp gỡ
tại sao chẳng mở lòng.
đông hồ hoa gấm cũ
hồn châu á mệnh mong

TRỤ VŨ

trên toa tàu hạng ba

TRẦN DATÙ

rừng bắt đầu bằng cái chết của chiều
và đưa trẻ mùa đông dơ nón vẫy
cây bắt đầu như tiếng biển cồn theo
và kỷ niệm vừa lay tôi thức dậy.

một người đàn ông, một màu thuốc vàng
tôi ngồi lên quờ tay tìm chút lửa
rồi một chiếc giấy cho một bàn chân
rồi một chiếc giấy cho một bàn chân nữa.

tôi bước nhờ trên những bước tàu đi
khuôn cửa gầy ngọn đèn lu chiếc bóng
nhịp máy liên hồi kéo gót chân qua
tiếng còi không, tiếng còi không sắt động.

tiếng còi không, và gió, gió điên cuồng
gió điên cuồng hút thịt xương đêm tối
và rừng, ôi rừng, ôi rừng, ôi rừng :
những kẻ dơ tay tình nguyện đời chạy đuổi.

tôi che mặt tôi bằng tiếng trầm ca
hai bàn tay với một trời sương muối
mỗi vực thẳm đó, mỗi vực thẳm đó là
sự căm dỗ mãnh liệt của những lời kêu gọi.
và rừng, ôi rừng từ một kẻ tay
những cây lá không bao giờ thức dậy
hãy ở lại, chút lửa hèn mọn này
chút lửa hèn mọn này, đêm tối bao la ấy.

PHẠM NGŨ LÃO, SAIGON

ở cuối con đường này
là dĩ vãng khủng khiếp
quẹo về bên trái
những chuyển lắt tắt giờ
tiếng còi trầm réo gọi

thôi tôi ngừng lại đây
hai vĩa hè ăn năn

ở cuối con đường này
là dãy văng khùng khiếp
mỗi đêm mỗi đêm
một thẳng mù vươn vai
những hộp đời mỗi mẹt

thôi tôi dừng lại đây
hai gốc cây vừa đốn

ở cuối con đường này
là dãy văng khùng khiếp
không ngừng không ngừng
khuôn mặt em
những giòng lệ của trời
anh làm sao vượt kịp.

thôi tôi dừng lại đây
mãi - mãi - mãi - mãi.

THƠ TÌNH TRÊN SÔNG

trước mặt sương mù, sau lưng bờ bãi
khi gió bắc gọi linh hồn thức dậy.

những giòng sông bắt đầu trong mỗi người
kể - tình - nhân - ấy - qua - cầu - sớm - mai
lên - tiếng - hát.

nước vô định bỗng se mình nhớ biển
lá vàng bỗng rơi, mặt trời bỗng hiện.

kẻ tình nhân ấy qua thời lãng quên
không ngó xuống

bờ bãi chôn anh sương mù lấp em
một người hiu quạnh khóc trên mũi thuyền
vọt - cảnh - đông - trời - lên - chùi - nước - mắt.

ĐIỆP KHÚC CỦA MỘT NGƯỜI

người ấy hai mắt buồn
một đời tha rét mướt
chân bước mù thiên dằng
tay vơi lấm cô đơn.

người ấy hai trán buồn
một đời nuôi bóng tối
biển xô lưng nếp nhũn
tóc dày che tiếng dỗi.

người ấy nghìn điều tàn
một đời ru hối tiếc
đi qua đây một lần
bóng dài ôm tháng năm
thế kỷ buồn khôn xiết.

người ấy không thanh xuân
một đời mang gió bão
người ấy không linh hồn
người ấy không thời gian.

thời nhớ làm gì em
chàng đi qua lần đó.
thời nhắc làm gì em
chàng đi qua từ đó.

bây giờ cây cối đỏ
còn run hoài tiếng than.

BUỔI CHIỀU ĐÃ ĐẾN

buổi chiều đã đến
mặt trời hiền lành
ngậm ngùi chút nắng
chia nhau ngày xanh
bằng gác chuông cao

giòng sông giòng sông
như một nỗi dịu dàng

buổi chiều đã đến
thanh sắt mùa đông
trong khu vườn lạnh lẽo
vừa thức dậy xong

giòng sông giòng sông
như một niềm hối tiếc

buổi chiều đã đến
chiếc xe máy dẫn
nở ngoài phố đông
mọi người bốc cháy
anh nhìn thấy em

giòng sông giòng sông
như một lời than thở

buổi chiều đã đến
mọi người mù lòa
đi tìm thấy mình
ngủ ngoài cánh đồng
trên những hòn đá trắng
và giòng sông giòng sông
như một lời khuyên răn.

TRẦN DẠ TỪ

tâm bệnh

CHẾ VŨ

Nếu tôi đương tình bỗng hóa thành điên
Quơ gậy đuổi hết mọi người
Hay cầm súng gây nên đồ võ
Thì đầu phải tại tôi
Hay chính tại cuộc đời giận dữ
Những kẻ lừa đảo không lên
Tôi đã quăng đi rất nhiều món nợ
Bởi vẫn yêu thương mọi người...
Xin tất cả đừng gieo kinh sợ
Trong linh-hồn tôi, có rất nhiều tình tử.

CHẾ VŨ

budapest

VƯƠNG TÂN

Viên đạn bắn lên trời
Và cành cây rụng xuống
Tà áo trắng em đỏ
Những vết tích chiến tranh

Anh bước xuống hè đường
Hai bàn tay vung lên
Nghe tiếng hát chiều hồn
Người em gái mười tám

Anh trở về giấc ngủ
Con sỏi buổi chiều hoang
Vết thương nhức nhối đau
Bệnh nóng lạnh thương hàn

Anh khoanh tay trước ngực
Nghe tiếng hét inh tai
Máu chảy đỏ hai vai
Nỗi hờn Budapest

Tuổi trẻ cất tiếng kèn
Đạn nổ rền ngày tháng
Mỗi bước đời phiêu liêu
Con người thêm bằng lớn

EM

Anh ngồi trong quá khứ
Những chiếc lá vàng rơi
Câu chuyện tình lạnh buốt
Ly cà phê nhạt buồn

Bản nhạc quay trở lại
Tiếng hát nghe dừng đọng
Anh đã mãi bản tilt
Không một ván thả cửa

Phát này bắn cho em
Phát này cho tương lai
Những viên đạn nổ tròn
Chúng nó thi nhau ngã

Anh quăng cây súng đi
Bọn Nga chặt đường phố
Vời tờ thông hành giả
Anh đã tới Paris

Mùa này nước sông xanh
Giòng Danube chảy buồn
Anh nghe lại bản nhạc
Và khoác áo lên đường

VUONGTÂN

như-băng trường tình

QUÁCH THOẠI

Ta ngạt thở bởi mùi hương xa vắng
Hương thiên đang vừa thoảng bến trần gian
Ta đề mê cảm động đến mơ màng
Nghe màu nhiệm thấm nhuần trong mẩn cảm
Nghe sống lại trong hồn ta âm đạm
Một tình yêu thanh thoát quá diệu huyền
Ôi ! mắt em trời mơ mộng còn nguyên
Cho ta gởi mối tình ta trinh bạch
Cho ta hôn bàn chân em cầm thạch
Dẫm trên đường khổ hạnh chốn tu hành
Ôi ! giáo đường nở kín đóa xuân xanh
Hoa cao quý tằm mình trong tuyết ngọc
Như Băng ơi ? vì sao ta thắm khóc
Nghĩ thương em hồn ngưỡng mộ Chúa Trời
Ta xót đau nhìn hỗn loạn cuộc đời
Không dám tưởng giờ em đang cầu nguyện
Em có biết một cõi lòng đang xao xuyến
Nhớ thương em đứng đợi trước nhà chung
Bởi yêu em ta yêu cả vô cùng,
Thềm tôn giáo ta đặt hồn mơ ngủ
Giữa đêm nay đến đời sau Vũ-Trụ
Trong tình em trong tim Chúa Giê-Zu
Ta dặt mình bóng tối vẫn mịt mù

Trăng nhợt nhạt và hồn ta thấy lạnh
Lời tụng niệm vang đưa lữ cô quanh
Ta lắng nghe hồn vắng tiếng kinh em
Ta lắng nghe hồn vắng tiếng chuông đêm
Lệ nóng chảy lòng đau kêu cứu Chúa
Như Băng Như Băng vì đau mà lệ ứa
Ta khóc than nghĩ tội phận đời ta
Một linh hồn lạc lõng giữa bao la
Một tình yêu chưa một chiều trao gửi
Tim cô đơn chưa một lần ấm sưởi
Lạnh trong hồn, lạnh thấu ở trong xương
Hoàng hôn về ta lạc giữa mù sương
Nghe đêm xuống tưởng buồn như tận thế
Ta rất nhỏ cảm sâu thương thế hệ
Lệ rất nhiều mà khóc chẳng ai lau
Ta một mình ôm tất cả đơn đau
Không dám nói bởi chung rằng khó nói
Viết lời thơ thành lời kinh kêu gọi
Nào voi chi sâu hận của nhân gian
Như Băng em xin ngó nẻo thiên đàng
Đề nguy hiểm ta sống đời địa ngục
Ta chỉ sợ rời đây nơi nhà phúc
Máu tai ương sẽ vấy tẩm thân em
Lưỡi dao người sẽ xẻ gót chân sen
Em sẽ chết dập bàn tay ngà ngọc
Rồi ta khóc đến tan tành trí óc
Như Băng ơi nào em hiểu gì đau
Đã từng đem ta nguyện với ta cầu
Lòng tự hỏi vì đâu đời khổ lụy
Bởi vì đau hơi loài hoa cao quý
Mà hương thơm còn mãi đến ngàn sau

Nỡ chi đây phở sắc thắm nhiệm màu
Đất sắp sửa nứt nẻ mình phun lửa
Nư Băng em đau thương là thế rĩa
Bởi yêu em mà khóc mảy cho vừa
Đây lệ tình ta em biết cho chưa
Xác hồn ta chết đau gần quá nữa.

Nư Băng Nư Băng một chiều hơi hóp lửa
Là một chiều tận thế của tương lai
Thôi chết cả linh hồn đời nhân loại
Bao xây dựng đi về trong hủy hoại
Bao văn minh hạnh phúc vẫn không thành
Bao đền đài cũng chỉ vẫn hư danh
Bao khoa học không giữ người giá trị
Bao cao thượng chỉ thành ra vị kỷ
Bao lợi quyền mà hóa vụn tay không
Kìa điều linh thi cứ đẩy em trông
Xe hiện tại dẫn ngày mai xuống hố
Đời hy vọng mà vẫn tin tận số
Ô hô hô ! thôi mặt kiếp con người
Mà Nư Băng ơi hỡi ! môi em tươi
Mắt em ngó nhiệm màu là biết mảy
Giữa tim em nguồn thiêng rào rạt dậy
Vàng trán em phảng phất bóng hư linh
Em hát đi cho ta hết dục mình
Em cầu nguyện để ta còn tin tưởng
Ta nhìn em qua niềm mơ ảo tưởng
Phủ màn sương mộng ảo xuống che em
Ta muốn lấy hoa kết lại thành rèm
Để vây phủ đời em trong cõi sống
Để nguyện vẹn ta nhìn em vững chống
Lái con thuyền tình ái đến sông trăng
Để tình ta còn đẹp giữa sông Hằng
Để Nư-Băng còn mãi thế Nư-Băng

Mà hôm nay ta khóc lạy than rằng :
Xin chầm chậm hoàng hôn đừng vội lặn
Ôi ! đau thương loài người xin hữu hạn.

QUÁCH THOẠI

bóng lẻ

ĐOÀN NGỌC QUỲNH

Van cây đổ bóng đêm dài
Nhớ mai chim nhỏ vội bay vút về
Nghĩ mình sang một canh khuya
Thời gian bước bóng đêm lừa sau hiên

KHÚC RẦY

Về bên ni về bên mô
Đêm đêm tàu vọng tàu xô rượt tàu
Đường hắt lên vết lo âu
Ngày mai ga nhỏ bắc cầu xuống xuôi

ĐOÀN NGỌC QUỲNH



hai chàng làm việc nước

phiên lưu, trào lộng, tiểu thuyết.

NGUYỄN SỸ TẾ

HỒI THỨ NHẤT

*Xuân lịch sử, Cán, Văn làm việc nước,
Chấn nghị trường, kế hoạch bắt tương thông.*

T háng giêng, năm Ất-Dậu, dương lịch 1945. Sáu mươi năm sau vụ kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm-Nghi bỏ thành chạy ra ngoài mưu cuộc kháng chiến trường kỳ, nước Việt-Nam lại bắt đầu trải qua những năm rối ren, đen tối nhất trong lịch-sử của nó.

Mùa đông năm ấy, trời làm một trận rét chưa từng có trên Bắc-phần bán đảo Ấn-Độ Chi-na. Hàn-thử-biểu trung bình chỉ 8 tới 10 độ bách phân, và có nhiều ngày đã xuống sắp si tới 0 độ. Một số người dân quê cùng từng đã gục ngã vì không chịu nổi sự rét. Dạn dày đến như loài mục súc cũng không kham được. Trâu bò bỗng nhiên sưng chân khuyu xuống, từ chối mọi đồ ăn thức uống của người cho, trực không lên nữa. Lúa mạ chết khô vì giá buốt. Nhiều nơi, người ta đã phải cấy đi cấy lại ruộng đến ba bốn lần mà lúa vẫn không đậu.

Nạn đói đã chớm phát. Dân mấy tỉnh miền duyên hải Bắc-Việt như Thái-Bình, Nam-Định, Ninh-Bình đã bắt đầu lũ lượt bỏ nhà bỏ cửa, đi từng đoàn rách rưới trên con đường quốc lộ số 1 (thời ấy gọi là đường thuộc địa số 1) tươn lên miền Thái-Nguyên, Yên-Bái, với cái viễn tượng đi tìm củ mài, củ sắn sống cho qua ngày đoạn tháng. Thật là câu thơ của Tú-Xương thời nào bỗng trở nên ứng nghiệm :

HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC

*Phổ phương chạt hợp người đồng đức,
Bồng bề nhau lên chũng ở non !*

Và cũng chính là trong cái « bối cảnh lịch sử » này đã đột hiện hai nhân vật điển hình, hai con người nhất định không « bồng bề nhau lên ở non », hai chàng thanh niên của thời đại mà cuốn sách này có nhiệm vụ kể lại hầu các ngai cuộc đời gian lao khổ ải với những chiến công oanh liệt hay thất bại ê chề.

Nhưng trước khi theo dõi hai người trai trẻ này trong cuộc phiêu lưu cứu quốc của họ, hãy xin phép các ngài giới thiệu về tính danh, tướng mạo, quê quán, dòng dõi và gia cảnh của mỗi người.

Người thứ nhất tên gọi Trần Cán. Anh chàng này người béo trọc, béo tròn, tướng lại ngũ đoản. Người anh thấp, nước da ngăm ngăm đen, cổ rút, mặt vuông, mắt sáng, nhiều lúc trông dữ. Người ta kể rằng anh làm rất khỏe (tuy ít khi chịu làm), ăn rất nhiều và ngủ thì ngáy như bò rống. Tướng của anh chính là cái tướng Trương-Phi vậy.

Người thứ hai tên gọi Nguyễn Văn. Anh chàng này người cao cao, xương xương, nước da mai mai lại xanh xanh. Mặt anh dài, lưỡng quyền cao, mắt sáng nhưng nhiều lúc bỗng xiu lại như người buồn ngủ. Anh có một cái miệng nhỏ, duyên dáng, hay cười một mình. Ở anh cái gì cũng ít : ít làm (tất nhiên rồi), ít ăn và cả ít ngủ nữa. Người ta có thể ví anh với anh chàng Thúc-Sinh trong cuốn truyện của cụ Nguyễn-Du vậy.

Cán và Văn sắp si tuổi nhau, người cầm tinh con chó thì người cầm tinh con chuột, nghĩa là một anh 24 tuổi một anh 22 tuổi khi câu chuyện này bắt đầu. Hai anh cùng sinh tại một làng là làng Yên-Khê, phủ Yên-Khánh, tỉnh Ninh Bình, người ở xóm trên kê ở xóm dưới. Họ đều xuất thân từ giai cấp nông dân bậc trung mà ra. Nguyễn Văn bỏ côi cha sớm ở với mẹ, có một em gái và ba mẫu ruộng mầu ; Trần-Cán cũng bỏ côi cha sớm ở với mẹ, có một em gái và hơn Văn ở chỗ ngoài ba mẫu tư điền ra còn có thêm một con bò nữa.

Họ vốn là bạn học với nhau từ thuở hai người còn để đầu giải đào, ngày ngày cắp sách cùng nhau tới nhà cụ đồ làng tụng câu « thiên tích ». Sau đó vì phong trào tân-học lên cao, nơi nơi người ta bỏ chữ Hán, Cán và Văn được gửi ra học ở trường hương-học. Qua trường hương-học, họ theo trường phủ, ngày bốn buổi đi về trên một con đường dài năm, sáu cây số. Hồi ấy họ đã mười bảy, mười tám tuổi, ra vẻ người nhớn lắm, và đi học thì áo the khăn lượt hần hoi. Học đến nửa năm lớp Nhất ở trường phủ, sắp sửa đi thi Sơ-học Bồ-túc (thời ấy gọi là bằng Xéc-ti-phi-ca) thì chẳng ai bảo ai, vì lười vì chán học cũng có, mà vì ngại con đường công danh lên tỉnh xuống phủ cũng có, họ đều nằm lý ở nhà không chịu đi học nữa. Thằng hoặc có người hỏi tại sao công danh đã sắp tới ngày hái quả lại thôi, thì họ lập nghiêm mà tuyên bố rằng « học để biết như

thế cũng là nhiều lắm rồi » và lại « học làm gì cái văn hóa của phường bạch quỷ ».

Thế là từ ngày thôi học, họ ở nhà giúp đỡ gia đình trong công cuộc chấn hưng ba mẫu ruộng. Đề đề cao cái chủ trương của họ, Cán thi rằng « nước ta là một nước nông nghiệp sơ khai, vậy thì chúng ta phải dĩ nông vi bản », Văn thi rằng :

Đi về sao chẳng về đi,

Ruộng hoang vườn rậm còn chi không về.

Nói rằng họ ở nhà để giúp đỡ gia đình là nói cho nó sang, thực ra thì họ cũng chỉ làm ăn đại khái mà thôi. Vì mặc dầu không cấp sách đến trường nữa, song họ đã trót thuộc về cái thành phần xã hội « dài lưng tợn vãi » mất rồi.

Cũng nhờ có mấy năm phong đăng hòa cốc, làm ăn được mùa, gia đình cũng đỡ rầy la họ. Sự thuế đóng cho chính phủ bảo hộ « mười phần còn độ một hai » xong xuôi, nhà hai chàng cũng dư ăn ít chút nên họ vẫn tiếp tục công việc tự học để lập thân.

Song nếu hai chàng giống nhau về gia cảnh và sinh hoạt như thế, họ lại khác hẳn nhau về xu hướng và sở thích cũng như về cái diện mạo của họ phức họa trên kia vậy.

Thời ấy báo chí mà về được đến thôn quê là của hiếm, thế mà hai chàng vẫn cố làm mình làm mẩy với gia đình để có chút tiền đi mua, hoặc cất công chạy cùng làng cùng tổng đi mượn một số sách báo để học hỏi.

Văn thi đọc các tập-san văn-ngệ như Phóng-hóa, Ngày nay, Tiểu thuyết thứ bảy, Hanội báo, Phổ-thông bán nguyệt san... Nhà Văn ở, chỗ nào cũng treo la liệt những tranh cắt ở báo chí ra, nhất là các phụ bản số mùa xuân. Lúc rỗi rãi Văn thường chơi đàn tranh hoặc thổi sáo trúc và Văn vốn có chân trong phường Bát âm hàng xã. Những buổi tối mùa hè, nhiều khi đêm đã khuya sao Thần nông đã gục đầu mái bếp, và sao số năm đã ló đầu trên ngọn cây soan phía cổng, mà người ta còn nghe thấy vọng lên tiếng tiêu huyền của Văn chơi với nắn nói những khúc cổ điển như Bình Bán, Xuân nữ, Lưu thủy, Hành-vân, Kim tiêu... Có hồi Văn đã cất công vào tận Thanh-hoa nội-trấn (tức Thanh-hóa) để học cho kỳ được mấy bài Nam Bình, Nam Ai của một ông thầy Huế. Tuy nhiên bài mà chàng ưa vừa đơn vừa ca vốn là bài :

Ta là dân nước Nam (a)

Giống (a) Lạc, Hồng phải chịu lầm than (a)

Người trong xóm làng lại đồn đại rằng chàng còn là một nhà văn nữa : Thực ra không biết chàng có viết văn hay không, nhưng cô Hoa, em Văn, có kể rằng chàng cũng có làm những câu về lục bát ca

HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC

tung càn đi, con sáo sậu... nhưng mà chàng dẫu điểm kim lăm không mấy ai được xem!

Trái lại, Cán cho những sách đọc cùng trò tiêu khiển của Văn chỉ là những trò chơi phiếm của những kẻ vô công rồi nghề, không có ích gì cho sự tiến-triển của xã hội cả. Cán sinh ra ghét cay ghét đắng người bạn cũ. Chàng thường đem chuyện Văn ra công kích và giảng giải cho em chàng là cô Mai hay với ngụ ý khuyên em « chớ nên bao giờ có tư tưởng nông cuồng là lấy một người chồng nghề sĩ ». Cán thích làm đạo lính Pháp đánh Đức ở Tây về. Sau này chàng lại có một đám say mới là nghe mấy ông đi tù chính trị về kể những truyện Côn-Lôn, Lao-Bảo...

Sách báo của Cán cũng khác hẳn sách báo của Văn. Cán ưa đọc báo hàng ngày để theo dõi tin tức năm châu như báo Đông Pháp, Trung Bắc Tân Văn mặc dầu khi những tờ báo đi mượn đó có đến tay chàng thì cũng đã xa kỳ phát hành đến hàng tuần lễ. Cán lại còn đọc các tạp san khảo cứu và nghị luận như Đông dương tạp chí, Nam phong tạp chí, Trí tân, Thanh nghị... Người ta kể rằng có một bạn Cán đã cất công lặn lội qua sông Ngươi tìm vào tận Sĩ Lâm, Văn Hải mượn cho kỳ được bộ Nam Phong cũ của một ông giáo già về hưu, vừa mới qua đời, trong nhà không còn ai đọc sách nữa. Tập báo này, sau cái ngày hồi cư về Hà Nội, vì túng tiền chàng phải bán lại cho ông Nghiêm Toàn, chàng cứ xuýt xoa tiếc rẻ mãi. Đồn rằng nhờ có tập báo đó, ông Nghiêm sau này làm ăn khá giả lắm, bèn coi là gia bảo, nhất định không cho ai mượn. Kịp đến lúc tủ sách của nhà Hàn Thuyên và báo Khoa học của ông Hoàng-xuân-Hãn ra đời thì Cán lại say mê với loại sách này lắm. Cán sinh ra mê triết học, khoa học, chính trị, văn hóa, xã hội... Chàng riêng nghiên cứu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Văn, rất chê bai triết học Nguyễn-dinh-Thị, sách dạy làm người và làm nghề của P.N. Khuê và L.V. Siêu. Một năm kia vừa tuổi trưởng thành chàng nhất định vận động với dưới phủ trên tỉnh để được sung vào giữ chức *Thư-ký Hội Đồng Hương Chính*, chức vụ mà chàng rất lấy làm kiêu hãnh.

Cũng vì xu hướng khác hẳn nhau như thế, Cán và Văn hầu như đã xa nhau nhiều lắm, nếu không là giận thù nhau, kể từ ngày thôi học ở nhà. Mặc dầu kẻ xóm trên người xóm dưới, hàng năm chỉ vào những ngày tết, khi mẹ và em thúc giục, hai chàng mới chịu lại chơi nhà nhau, cho nó gọi là phải đạo cổ giao, nhưng vẫn nguyệt dãi nguyệt ngán nhau như chó và mèo vậy.

Cho đến mùa xuân cái năm Ất Dậu lịch sử kể trên, thì hai chàng bỗng lại có nhiều dịp để chạm trán nhau ở những nơi công cộng. Số là sau cái ngày 25 tháng giêng năm đó, khi quân Nhật đã đảo chính quân Pháp trong mấy tiếng đồng hồ và bằng vài tràng súng cối, dân Việt-Nam ngổ

đây là thấy Độc-lập, hai chàng học giả nhà quê của chúng ta tò mò lên tỉnh chơi. Thật là không hẹn mà nên. Họ gặp nhau ở chân núi Thúy Sơn (Dục-Thúy) trong lúc cùng đến xem cái cảnh bọn người chiến thắng và chiến bại. Những ông Tây trước khi đưa về tập trung tại Hanoi đầu trọc như sư, mình gầy như cá mắm, cỡi trần trùng trục, đang kiệt lực đào những hầm những hố dưới làn roi vọt của mấy ông Nhật. Những bà đầm đứng ở đằng xa ngấp nghé chỉ muốn tiến lại hỏi han chõng hoặc mang cho chõng quả trứng, màu bánh mà cứ lăm lét nhìn mấy ông Nhật Bản.

Văn sinh ra mũi lòng :

— Trông họ thương hại quá nhỉ !

Liền đó chàng bị Cấn lườm cho một cái dài;

— Thế những khi xưa các ông lớn bà lớn ấy chễm chệ xe hơi nhà lầu, khinh người như rác, bắt nạt dân đen thì ai thương chúng mình ?

— Chuyện ấy qua rồi.

— Qua là thế nào ? Rõ thương không phải lối.

Chừng nhận ra cái nhược điểm của mình, Văn cúi mặt. Lần đi không đáp.

Thế rồi ngày hôm đó họ còn gặp nhau ở một cuộc mít-tinh nữa. Chưa bao giờ hai chàng thấy người ta hội họp đông đến như thế ở tòa tỉnh trưởng, đông đảo hơn cả những dịp mộ phu đi Tân-thế-giới, và đông đảo hơn cả những lúc bắt lính đi Tây hay giam người muợn sưu muợn thuế. Ở giữa sân, một kỳ đài cao vọi, phất phới lá cờ quẻ ly. Dưới chân kỳ đài là một bàn thờ Tổ-quốc, khói trầm nghi ngút. Bên bàn thờ Tổ-quốc là diễn đàn. Người ta giới thiệu một ông thanh niên hay sinh viên thi sĩ tên là gì gì đó, Cấn và Văn không nghe rõ, lên diễn đàn nói chuyện. Một anh chàng mặt tuôn như con gái, nước da xanh như tàu lá búp bê lên nói thao thao bất tuyệt, nhiều nhiều lắm, Cấn và Văn không nhớ hết nữa. Hai chàng chỉ biết rằng có nhiều lúc cái ông sinh viên diễn giả đó tỏ ra cảm động lắm hết gọi Việt-Nam là « mẹ hiền » lại gọi Việt Nam là Mẹ « đau thương ». Người ta rầm rộ hát bài Tiếng gọi Sinh-viên được đổi ra thành Tiếng gọi Thanh-niên và ít lâu sau được tôn làm quốc ca. Lần này thì cả Văn lẫn Cấn đều có vẻ bùi ngùi.

Lần đầu tiên sau bảy năm trời xa cách cũng là bảy năm trời thôi học, lúc trở về làng người ta thấy hai chàng cùng ngồi chung một chiếc xe tay kéo. Và khi chiếc xe hạ càng xuống bên điểm đầu làng thì hai chàng cứ tranh nhau mà giả tiền xe mũi, gay gắt đến cái mực sau phải chia đôi món tiền ra cho nó công bằng vì họ đồng ý với nhau rằng « có sông phẳng mới là bạn tốt ».

Nhưng rồi cái nạn đói sang tháng hai trở nên trầm trọng. Số người tườn lên miền thượng-du có phần đông gấp bội mà số người gục ở dọc đường

HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC

đa bụng dán sát vào lưng cũng tăng già vô kể. Người ta chết nhiều đến nỗi Bảo-An đoàn không kịp chôn nữa vì có khi phải lấp đến hai ba người trong một hố. Làng Văn và Cán tương đối là làng trù phú ở vùng mà số người chết cũng đã chiếm gần một phần mười. Nhà Văn và nhà Cán đã phải bắt đầu ăn một bữa cơm khoai và một bữa cháo.

Nhìn cái cảnh thương tâm những đứa bé gầy nhom và dùm dó như con chuột, cổ bám lấy cái vú cạn sữa của mẹ chúng đã chết từ lâu, Cán cũng như Văn bỗng thấy nổi dậy một mối cảm phần vô biên... và một cái gì vừa đột khởi ở trong đầu óc họ : *lên đường cứu nước.*

Nhưng mà họ không cần phải đi đâu xa để cứu nước cả. Số là thời ấy người ta đang tuyên truyền cho thuyết Hưng-Thịnh-chung Đông Nam-Á. Chính Phủ Trần trọng Kim vừa lên. Nơi nơi, người ta « cũng gọi là » hy vọng. Các đoàn thể thanh niên được tổ chức. Đoàn thể thanh niên này có nhiệm vụ đầu là khát-thực và cứu-tế. Tức thì Văn quang cái sáo trúc đi, Cán xếp chông Nam Phong lại, hai chàng cùng gia nhập đoàn thanh niên hàng xã. Hai gia đình lại đi lại với nhau. Mai và Hoa không phải gặp gỡ nhau vụng trộm nữa. Hai nàng kể lể cho nhau nghe những nỗi niềm tâm sự ước mơ, và hai nàng không quên, mỗi người về phần mình, ca tụng các ông anh quý hóa của họ.

Về phần Cán và Văn người ta thấy hai chàng tất tả ngược xuôi, ngày đêm lên tỉnh xuống phủ. Họ làm việc nước say mê quên cả chuyện nhà và xuýt nữa nếu không có Văn nhắc kịp thời thì Cán cũng vô tình mà để quên con bò nhà chàng chết rét. Hai chàng cùng với mấy thanh niên khác vác rổ vác rá đi xin từng nhà năm gạo, củ khoai. Trong công cuộc khát thực đó, Văn lễ phép khiêm nhường bao nhiêu thì Cán nóng nảy và hách sẵn bấy nhiêu, làm cho nhiều người phải dờ rằng hai chàng đã lập thế trận cùng nhau kẻ đâm thì người vuốt. Với gạo, ngô, khoai xin được họ đem về sàng thối cơm trong những nồi ba mươi to tương nầm ra từng nầm nhỏ, chiều nấu cháo múc ra những chiếc bát sành sứ xó chợ, khắp xóm cùng làng.

Một ngày kia Huyện-đoàn Thanh-niên tổ chức một hội nghị đề bàn về kế hoạch khát thực và cứu tế chung cho toàn huyện. Cán và Văn cùng đi dự hội nghị. Nhiều ý kiến qua lại. Đến lượt Văn phải đứng ra trình bày kế hoạch của mình. Văn rằng :

— Thưa các anh em trong toàn huyện. Trước hết tôi có lời trần trọng xin lỗi các anh em toàn huyện vì những lời lẽ quê mùa và ý kiến thô thiển, thật là đánh trống qua cửa nhà sấm của tôi (Người ta si sào ; Cán tổ dấu sứt ruột nhìn Văn). Thực ra thì tôi chẳng có kế hoạch chi hết... nghĩa là cái kế hoạch của tôi, nếu có thể gọi là kế hoạch (Cán lườn Văn), cũng chỉ là những điều thông-thường mà chúng ta vẫn đã làm từ trước.

tới nay... nghĩa là chúng ta cứ khát thực và cứu tế (Cán nguyệt Văn). Một mặt chúng ta cứ khát, một mặt chúng ta cứ cứu ; khát được bao nhiêu chúng ta thổi cơm nấu cháo bấy nhiêu đem ra phân phát đều cho đồng bào đói. Rồi cao hứng, Văn ngâm :

Bần ơi thương lấy bi cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Mọi người vỗ tay hoan nghênh ý kiến. Cán bực quá đứng phắt ngay lên gân cổ la rinh đề đòi cho được im lặng. Xong đâu đó, Cán rằng :

— « Thừa toàn thể hội nghị, tôi cực lực phản đối cái kế hoạch của bạn Văn. Kế hoạch đó, thừa hội nghị, chỉ là một hành động thổ thiên, một hành động thiếu suy xét. Kế hoạch đó đã bất chấp cả những phương tiện của chúng ta. Chúng ta phải tự hỏi xem rằng : ta khát thực được bao nhiêu cân gạo, bao nhiêu cân ngô, bao nhiêu cân khoai cho đích xác. Xong rồi lại phải xét xem cái kho khát được đó có còn được bổ dưỡng tiếp sau nữa không. và bổ dưỡng thì bổ dưỡng bằng cách nào, trong mức độ nào. Xong đâu đó, chúng ta lại phải lập bản thống kê những người hiện bị đói, xem rằng số người đó còn có tăng thêm không, tăng thêm là bao nhiêu. Xong rồi chúng ta lại phải tính xem từ nay cho đến ngày có lúa sớm còn bao nhiêu ngày nữa. So kết quả lại với nhau để xem lực khát thực có thể nuôi làm tạm được bao nhiêu người.

« Song le, thừa toàn thể hội nghị, không cần phải đi sâu vào việc tính toán hẳn hội nghị cũng như tôi thấy rằng của kho thì ít mà người đói thì nhiều. Như thế có một sự chênh lệch quá lớn giữa « sự cung và sự cầu », số gạo ngô khoai rõ ràng là không đủ nuôi người đói rồi.

« Do đó, thừa toàn thể hội nghị, tôi xin đề nghị một kế hoạch vô cùng mới mẻ, vô cùng hợp lý, vô cùng đảo lộn. (Hội nghị im phăng phắc ; đến đây Cán ngừng đề lấy hơi và trịnh trọng tiếp) Kế hoạch đó là : Chúng ta chỉ cứu những người có thể cứu được, nghĩa là những người mới đói ít ngày thôi hãy còn ít chút sức lực để chống đỡ với thần đói thêm vào khâu phân phát, nghĩa là những người sống qua cái thiên tai này hãy còn ra con người có thể giúp ích được cho xã hội, nghĩa là những người có hy vọng và đáng hy vọng sống, nghĩa là chúng ta phải thẳng tay gạt ra ngoài những phần tử đã kiệt lực có cứu cũng không qua được, những phần tử già yếu và những phần tử tàn tật. u...u... hấp ! »

Cán nói một hơi đến đây thì dừng. Hội nghị lại một phen vỗ tay hoan nghênh, nhưng có lẽ lần này hoan nghênh cái tài hùng biện của Cán thì đúng hơn.

Lại vẫn chỉ có Văn đứng lên phản đối :

— « Tôi phản đối cái kế hoạch vô-nhân-đạo của bạn Cán. Đã cứu người thì cứu tất cả, dầu đến nửa chừng không còn ngô gạo những nạn nhân có phải chết cả cũng cam lòng.

HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC

Hội nghị lại vỗ tay. Cán cũng không vira, đập bàn mà rằng :

— « Nhân đạo hay vô nhân đạo chỉ là những danh từ vô nghĩa. Nhân đạo mà rồi hành động không thân lượm được một kết quả cụ thể cứu nhân thì cũng chỉ là vứt đi mà thôi. Vô nhân đạo nhưng mà được việc chứng minh cho phương tiện » (?) Cùng toàn thể hội nghị ! tôi thành khẩn phải cứu mà chiều chỉ hành động. Nay chúng ta cứ bám vào một ý niệm giả danh nhân đạo hẹp hòi để đưa cả một bọn người đói khát đông đảo đến cái chỗ chết đói cả nút mà không cứu lấy được một ai, thì tức là chính chúng ta đã vira vô nhân đạo lại vira phản quốc vậy ».

Lần này thì hội nghị vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Sau một buổi chiều thảo luận sôi nổi như thế, kế hoạch của Cán thắng chỉ vì nó có vẻ khoa học, minh bạch bằng những con số hăn hoi. Cán vênh vào nhìn Văn bằng một con mắt kiêu hãnh của người đắc thắng. Nhưng Cán cũng chỉ thắng được nửa chừng thôi là vì Văn cũng chẳng phải là tay vira. Vốn biết tính Cán, Văn đề nghị với hội nghị giao cho Cán cái trọng trách là thí người đói đã kiệt-lực, những phần-tử già-yếu và những phần-tàn-tật. Không biết nói làm sao được, Cán đành phải nhận. Ác hại hơn nữa là Văn lại xin được với hội nghị cho làm giám sát viên để coi xét sự thi hành kế hoạch của Cán. Thực tình ra thì Cán đã thấy hơi run sợ vì cái kế hoạch của mình.

Người ta đã xếp các người đói sắp phải hy sinh lên trên ba chiếc xe bò xung công ở phố phủ. Đã đảm lao phải theo lao, Cán bấy mưu đưa bọn người nạn nhân đó đổ xuống sông Kháng Thượng là con sông cách phủ Yên-Khánh chừng hai cây số. Sắp đặt xong xuôi công việc ở sân vận động thì trời cũng vừa tối, người ta chỉ còn chờ khuya khuya một chút là khởi hành để tránh con mắt tò mò của dân chúng.

Nhưng đến lúc khởi hành thì có mấy ông thanh-niên xung-phong thực hiện kế hoạch của Cán đã chuẩn đầu sạch cả. Thế là Cán đành trần lực ra kéo lấy một chiếc xe với ý định là chờ xong chuyến này sẽ trở về chỗ chuyển khác.

Khi chiếc xe người của Cán rong ruổi trên con đường Kháng Thượng thì trời cũng gần nửa đêm. Trăng hạ huyền thán hai vira mọc sau nóc tháp chuông nhà thờ Phúc-nhạc, trung cái lưới liềm cong cong nhọn hoắt, lạnh lùng trên nền trời tro xám lác đác mấy vì sao trắng muốt.

Nhìn trăng lưới liềm lạnh nghiêm, bao nhiêu nhuệ - khi ban chiều của Cán bỗng tiêu tan hết, Cán càng thấy run sợ. Bọn người phải hy sinh vẫn nằm ngổn ngang trên chiếc xe như một bóng ma không một lời nói năng.

Chiếc xe bò đã tiến đến chân cầu. Chỉ còn một quãng dốc nữa là tới bờ sông. Cán không giữ nổi mối kinh sợ của chàng nữa. Chân tay chàng bắt đầu run run, và răng chàng khe khẽ đập vào nhau. Vốn đề ý, Văn nhận thấy, gặng hỏi:

— Kìa anh Cán sao mà anh run lên cầm cập thế kia ?

Cán đành nói chống chế:

— Tôi rét anh ạ. Chẳng là con trư đi họp tôi quên không đem cái áo bông đi mà ! Nào anh cố giúp tôi lên cái dốc này chứ !

Chiếc xe đã lên tới bờ sông cao. Cán nhìn xuống. Dòng sông nước đen ngòm, chảy xiết thẳm thẳm, run run phản chiếu vầng trăng liềm và mấy vì sao khuya. Văn hỏi Cán:

— Thế nào chúng ta bắt đầu chứ, chỉ huy trưởng ?

Cán hèn hèn đáp:

— Một bỏ sừ đi thế này ! Nghĩ tí đã !

Trên chiếc xe bò bốn người hy sinh hốc hác như những xác chết lỏng cựa quậy và ú ớ kên. Tiếng kên vang lên rồi mất hút ghê rợn như tiếng cú kên trong đêm lạnh. Cán rợn tóc gáy, quay lại nắm lấy tay Văn lơn lơn:

— Bất khả thi chi kế, giám sát viên ạ. Ban chiều là tôi đề nghị cho nó vui đó thôi. Ai nỡ làm thế bao giờ. Họ chưa chết mà đã đem họ trôi sông, oan hồn họ hiện về oán chết.

— Anh nói đùa ?

— Không tôi nói thật đấy anh ạ !

— Tôi đã bảo anh mà, anh có nghe đâu.

— Thế bây giờ thì làm thế nào ? Thú thực với anh là tôi chỉ bạo miệng thế thôi. Anh có kế gì giúp tôi không... thì tôi chết mất !

Văn bèn hỏi vặn Cán:

— Thế tại sao ban chiều anh cứ gân cổ ra mà cãi ?

— Tôi cãi cho vui anh ạ.

— Anh phải nói rõ cho tôi hay cái kế hoạch của anh lấy ở đâu ra ?

— Xin thú thực với anh cái kế đó không phải là kế của tôi đâu. Giao họ tôi có được nghe lỏm của cái lão gì ấy đi tù Cộng-sản ở Côn-Lôn về, người ở trên làng Yên Cư ấy, nói cho tôi hay, tôi tưởng thật. Và bây giờ thì xin anh cứu tôi với.

Ra chiều suy nghĩ hồi lâu, Văn chậm chạp nói:

— Anh đã xử tình thực với tôi, thì tôi cũng lấy tình thực mà giúp anh. Anh hẳn biết nếu bây giờ anh lại chở cái xe người kia về thì mất hết cả thế diện.

— Anh nói chí lý lắm.

— Thế thì chỉ còn có một cái kế này khả dĩ với được danh dự cho anh, mà lại rất là « nhân đạo ». Anh cứ đem xe tuột cái xe người này qua

HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC

bên kia cầu, sang địa phận làng Phúc-nhạc, trút xuống đồng ruộng họ là tiện nhất.

Nghe xong Văn nói, Cán mừng rỡ khôn xiết nắm tay bạn lắc đi lắc lại cảm ơn diu cả lưỡi lại. Và thế là lòng cũng suốt một đêm đó đôi bạn cố giao trần lực ra lần lượt chở ba chiếc xe bò người đói từ Yên-Ninh chuyển xuống Phúc-Nhạc qua chiếc cầu xi-mo sông Khang-Thượng.

HỒI THỨ HAI

*Tìm vào chiến khu, hai chàng làm nạn.
Bầy ra quỷ kế, Cán, Văn thoát nghèo.*

Sau cái tích kế-hoạch cứu-đói mà uẩn khúc không ai hay như trên, danh Cán vang lừng khắp tỉnh. Người ta đồn đại nhiều điều về chàng: nào Cán có liên-lạc đã từ lâu với những tay cách mạng hoạt động bí mật, và chưa biết chừng Cán là cách mạng cũng nên; nào Cán sở dĩ thôi không đi học chữ Tây trước kia là để ở nhà nghiên cứu chính trị, và về cái khoa này, Cán còn có võ số không biết bao nhiêu là mưu thần chước quỷ.

Về phần Cán, chàng cũng có thay đổi tính nết đôi chút. Từ cái đêm hú vía hạ tuần tháng hai ở cầu sông Khang Thượng, Cán không hay ra khiếm nhường kín đáo không muốn lợi dụng cái chiến thắng về vang của chàng. Thực ra thì Cán ngại mặt Văn. Nếu công việc có bó buộc họ gặp nhau thì Cán tỏ vẻ khó chịu, ngập ngừng.

Nhưng rồi thực chất chế độ Nhật-Việt ngày một lộ dần. Các ông quan lùn bắt đầu thay thế các quan Tây. Bom Anh Mỹ cứ giáng xuống inh inh suốt ngày. Mặc dầu mọi cố gắng, dân quê Việt Nam cứ chột đời với một tốc độ tăng gia đều đều. Bất cứ một nơi nào, một gốc cây, một vế cỏ, đều có thể lấy làm nơi làm tử cho những kẻ chán đời tuyệt cốc. Người ta đói. Người ta ăn rơm ăn trâu, ăn phân và ăn cả thịt người nữa.

Thời gian thấm thoát, chẳng mấy chốc đã đến mùa. Nhưng mùa đến, người ta vẫn chưa qua cơn vận hạn: người ta sinh ra chết no, chết bệnh. Số là đôi tích lũy đã lâu ngày, gặp được cơm mới ngon đánh đầy vào, người ta chương ruột lên mà chết. Một số khác thậm trọng hơn nhưng vì cứ phải soi mãi những cái của trời sinh ra không phải để mà soi nên lục phủ ngũ tạng thành ra sộc sộc hết, cũng đánh theo ông bà ông vải về chầu trời.

Trong khi đó thì có những tin đồn đồn-dập về những chuyện kháng Nhật gồm ghê ở miền Thượng-du. Đồng thời người ta thấy các ông quân phiệt đó riết chặt cái giây thống trị của các ông ấy lại. Họ bắt đầu khủng bố thanh niên, bắt bớ, giam cầm, đánh đập thời thì đủ thứ. Nhiều nơi không chịu nổi, các thanh-niên bí-mật rủ nhau lên chiến khu.

Cán và Văn bỗng thấy lãnh vực hoạt-động của họ trở nên hẹp-hòi và nguy-hiêm. Thế là hai chàng chẳng ai bảo ai cùng nuôi mộng lên chiến khu. Khốn nỗi họ lại chẳng biết chiến khu ở chỗ nào cả. Thế là họ đành ngày ngày ra ngồi đầu làng để có bắt được cái liên lạc nào như người ta đồn đại chẳng. Họ đã miệt mài trong công việc đó quên cả mùa màng thóc lúa mà vẫn chẳng có ma nào đến rủ-rẽ cả. Họ chỉ biết thêm được một điều là nghe đâu như chiến khu ở bên trên phủ Nho Quan thì phải. Thế là nóng ruột làm việc nước, không chịu được cái cảnh anh hùng bỏ tay, chiến-khu chẳng tìm họ thì họ đành rủ nhau đi tìm chiến-khu. Sau mấy ngày bàn mưu lập kế và thuyết-phục gia-đình, họ ấn định cuộc lên đường vào hạ tuần tháng năm ta.

Một chương trình xuất phát đã được Cán nghiên cứu thảo ra rất là hoàn bị. Ngày ấy hai gia đình họ Nguyễn và họ Trần hội họp đông đảo ở nhà Cán, trên có hai bà cụ, dưới có các cô Mai và Hoa. Người ta chung tiền nhau đánh dựng một con chó, người ta không quên làm món rựa mận có diêm pha rượu đế. Người ta ngồi vào bàn tiệc hồi 3 giờ chiều, và tiệc tàn thì trời cũng hoàng hôn. Rượu uống vào, người ngà ngà say, trước khi lên đường, Cán cảm hứng bèn tức cảnh một bài còn « lung thiên thám thủy hồi tam chiến ».

Đề cảm nhíp cho Cán múa võ, Văn vờ vờ vào chum nước vừa ca rằng :

*Ta là tráng sĩ chừ gặp thời loạn lạc
Như cá gặp nước chừ vẫy vùng v.v...*

Trời xâm xâm tối thì hai chàng lên đường. Hai bà cụ giọt vắn giọt dài đưa hai chàng ra khỏi cổng rồi cũng chia tay nhau luôn. Duy có Mai và Hoa thì cứ nằng nặc đòi đưa chân hai anh cho kỳ đến bến đò Gián-Khâu. Cán mắng em gạt đi. Song trong lúc lăm lỵ, thấy đôi giọt lệ long lanh ở khóe mắt Mai và cái mặt nặng chịch chịch của Hoa. Văn năn nỉ mãi Cán mới bằng lòng cho hai nàng đưa tiễn.

Bốn người rong ruổi dặm trường. Họ đi như thế chừng hết trống canh hai thì tới chốn cao đình. Ôi cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy ! Mai thì lấy vạt áo lau nước mắt mà than rằng :

— Các anh đi giết giặc là bổn phận của kẻ nam nhi thời loạn, chúng em đâu giám đem tình nhi nữ ra để làm ngại chí anh hùng ! Song lẽ phận các anh lên đường đã vậy, phận chúng em ở lại thì sao ? Rồi đây vô vô nơi gió núi trắng ngàn biết rằng các anh có còn nhớ tới quê hương chớ... (chắc là Mai thuộc một đoạn tiểu thuyết Lan Khai nào đó do Văn cho nàng mượn).

HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC

Tức thì Cán quay lại mắng phất ngay em :

— Mày nói cái con khi gì thế, tao chẳng hiểu gì cả. Không biết mày học được ở đâu cái trò văn hoa ấy ? — Hoa vốn dốt nát đã toan nói điều gì lại thôi. Hai nàng bấy giờ đã khuất sau lùm tre mà Văn còn ngoảnh lại. Hồn thơ lai láng khôn cầm, đến lúc bước xuống đò, chàng lại cảm khái mà ngâm câu thơ cổ :

Phong tiêu tiên hử Dịch thủy hàn

Tráng sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn.

Bèn hỏi người lái đò :

— Đây là đâu ông lái ?

— Dạ thưa cậu đây là con sông phát tích nhà Đinh !

Văn cười ngặt :

— A ha ! Ta nhớ ra rồi. Đây chính là con sông Hoàng Giang.

Liền đó chàng lại ngâm :

Chiều thu hoa cỏ rầu rầu

Rừng thiêng thoáng bóng sông sâu nắng tàn.

Sốt ruột về cái trò ngâm thơ y ý như ma kêu quỷ khóc của Văn, Cán gắt :

— Đêm tối mờ mờ thế này mà nói năng toàn cái chết tiệt gì thế ?

Văn nhìn Cán bằng một cái nhìn khinh khi chưa xót của một kẻ « bị hiểu lầm. »

Hai chàng đã rời bến đò, thẳng trở phủ Nho Quan. Trong đêm tối mờ mờ bóng họ chập choạng trên con đường đầy ồ gà. Cảnh vật yên tĩnh sự im lặng thình thoảng lại ngắt quãng bằng một vài tiếng sủa lười biếng của mấy con chó buồn ngủ từ trong xóm làng vọng ra.

Đến chân một ngọn núi kia hai chàng còn đang bỡ ngỡ tìm đường thì bỗng thấy một vài người gậy gộc tua tủa, mũ tấu sáng loáng từ hai hông núi chạy ập tới, vừa chạy vừa la :

— A ha, anh em ơi, chúng nó đây rồi !

— Bắt lấy chúng nó ! Trói lấy chúng nó !

— Chúng mày có chạy đằng giới !

Liền đó hai người lực lưỡng, quần nâu áo vải, tiến đến vờ lấy hai chàng trói lật cánh khải ra đằng sau. Một chị phụ nữ quần đen áo đen nai nịt gọn gàng, mặt đen như quỷ dạ xoa cũng vừa hồng hộc chạy tới đơ cái gậy tre dài vừa bằng cái đòn gánh lên toan phang vào đầu Cán. Cán van lay rớt rít :

— Ấy ấy, em cần cớ lay chị. Có thể nào xin chị giết em sau.

Cũng may là có mấy người đồng bạn giữ kịp tay người thiếu nữ không thì Cán đã toi mạng rồi. Người ta đã trói xong xuôi và bịt mắt hai chàng đi. Giữa đường, Cán và Văn còn lải nhải kêu nài :

— Xin các quan có lấy gì cứ lấy đi, rồi thả cho chúng tôi về, kéo mẹ già em đại chúng tôi chờ mong. Đừng giết chúng tôi oan nghiệp.

— Thả ra cho chúng mày liếm gót quân Nhật, chúng mày quay lại hại chúng tao phải không?

— Oan chúng tôi lắm? Chúng tôi có bao giờ đi theo quân Nhật đâu.

— Mày lại còn già mồm hử! Thế thì đêm hôm chúng mày đi đâu?

— Thưa các quan...

— Chẳng quan cách gì cả.

— Thưa... thưa các ông, chúng tôi tìm vào chiến khu.

— À, quân này táo gan thật! Mày còn dám nói chuyện dưng dưng hử?

Được rồi về trụ sở (hắn nhấn mạnh chữ này) chúng mày sẽ biết.

Bọn người không để cho Cán và Văn kêu ca nữa, lôi tuột hai chàng đi. Tuy mắt bị bịt kín song Cán và Văn có cảm tưởng rõ rệt là họ đã bỏ con đường cái mà đi vào những khúc đường nhỏ quanh co, tiếng bước chân họ khi vang khe đá, khi chìm trong rừng cây.

Vào khoảng canh tư thì bọn người dừng lại. Cán và Văn đợi chờ, lo sợ quên cả một nhịp. Họ đã cởi bỏ khăn bịt mắt cho hai chàng. Ánh lửa đập vào mắt Cán và Văn. Chớp mắt một hồi lâu mới lấy lại được nhãn quan, hai chàng nhận ra rằng họ đang ở trong một khoảng rừng thưa, chừng như một ngọn đồi. Chung quanh đó là mấy cái lều, một đồng lúa lớn và rất nhiều người ăn mặc nài nịt không giống nhau, kẻ cầm giáo, kẻ cầm mã tấu, thậm chí có kẻ vào súng gỗ. Mấy người bắt Cán, Văn đẩy hai chàng tới trước mặt một người cũng quần nâu áo vải, ngồi xếp chân bằng tròn trên một đám lá khô. Bên cạnh người đó là một người khác uy nghi đi lại lần này thì vác một cây súng thật. Ánh lửa cháy bùng lên. Nhìn người xếp bằng tròn trên đám lá, Văn bỗng kêu lên:

— Kia bác cai Tèo!

Tức thì người thiếu nữ đi bắt chàng vấp vào mồm chàng một cái nên thân mà mắng:

— Lão hỗn nào! Đây là chỉ huy trưởng, mày có biết không?

Cán thúc khuỷu tay vào lưng Văn nói nhỏ:

— Thằng cha cai kho ăn cắp hàng ở thị-xã Ninh-Bình đấy mà. Ai còn lạ gì.

Văn cũng trả lời nhỏ nhỏ:

— Nó làm cái gì mà lên chóng thế?

— Ai biết được cái ma mánh nào của chúng nó!

Đương khi rầu rầu suy nghĩ về sự lên xuống của cuộc đời và của con người như thế thì Cán và Văn bỗng giật mình nghe tiếng thiếu nữ oang oang như cái lệnh vỗ:

— Thưa đồng chí chỉ-huy trưởng, em xin báo cáo!

— Thôi chớ nữa đồng chí hãy báo cáo, rồi ta cùng phân xử. Bây giờ hãy cho phép đồng chí cùng các đồng chí khác lên hoan vui mừng ngày chiến thắng.

HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC

Tức thì bọn người đi bắt Cán và Văn lúc chập tối với một số đồng chí nam nữ khác ở lại trại — trừ đồng chí chỉ huy trưởng và đồng chí vác cây súng thật — nắm tay nhau nhảy lảo nháo chung quanh đồng lửa. Họ đi lom khom, họ uốn ngựa lòng, họ hất chân ra, họ rút chân vào, họ bước thành vòng, họ hợp thành đôi, tay thì vỗ nhịp, miệng thì ca. Ca rằng :

Anh em trong đoàn quân du kích

Cùng lấp lưởi lê vào

Đi lên, đi lên v.v...

Cán và Văn vẫn bị trói ngồi dưới đất dựa lưng vào nhau. Một lúc, nhìn bọn người liên hoan, hai chàng gần như quên khuấy cái tai nạn riêng tư của họ, ít nhất là Văn. Thật là từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến nay họ chưa từng được chứng kiến cái cảnh tượng nào lạ lùng đến thế. Cán hỏi Văn : « Họ làm cái trò gì thế ? » Văn trả lời : « Họ trình diễn một màn ca vũ nhạc, tức là mình đang được dự khán một đêm văn nghệ ! » Văn là một người rất mê xem tuồng và xem chèo, ấy thế mà lần này chàng mới cảm thấy rõ là cái mớ tri-thức nghệ-thuật của mình đã phản lại mình. Chàng lục ký ức tìm hiểu. Về vũ, nhất định không phải là múa bông, đánh bông, sang sông, bơi thuyền rồng... rồi. Về ca nhạc, phường bát âm hàng xã chưa từng chơi bài nào như thế, nhưng cấp-tiến hơn Văn cũng biết lơ-mơ rằng đó là « mu rich son phe » bởi chàng có nhiều lần đã tò mò đứng nghe lính Tây thời kèn ở vườn hoa thị xã.

Suy nghĩ lao lung một hồi lâu, Văn nghĩ bàn với Cán :

— Hay là thế này bạn Cán ạ, tôi xin bày ra một cái mưu nghệ-thuật.

— Mưu nghệ-thuật là mưu gì ?

— Tôi có giọng ca cũng gọi là mùi, lại có thể ngâm thơ được. Tôi có đem cái sáo trúc theo đây. Tôi đề nghị với họ xin trình diễn đơn thanh một vài màn ca-nhạc....

Chưa nghe hết lời Văn, Cán đã cắt ngang :

— Cái mưu-kế của anh chỉ có mà đem ra thi hành với đàn bà con trẻ, như cái con Mai nhà tôi mà thôi.

Văn cụt-húng :

— Thế thì làm thế nào bây giờ ?

Ngẫm nghĩ hồi lâu, Cán quả-quyết :

— Tôi đã có cách.

— Cách nào ?

Không thấy bạn trả lời, Văn tức mình :

— Không phải cái cách câu sông Khang Thượng mấy tháng trước chứ ?

Vừa lúc đó bọn người liên hoan cũng dừng tay, ngồi xếp hàng thành hai dãy hai bên viên chỉ-huy-trưởng. Viên này cho điệu Cán và Văn đến trước mặt và ra lệnh cho người thiếu-nữ đi bắt hai chàng lúc trước :

— Đồng chí cho báo cáo !

Tức thì người con gái đó đường hoàng đứng dậy, bỏ hàng ngũ bước ra, đứng thẳng người vòng cánh tay ngang mang tai chào « cũ thui » mà đồng đặc nói :

— Báo cáo. Tuân theo mệnh lệnh của chỉ huy trưởng, chúng tôi đi trinh sát tiến về miền Gián-khâu. Hồi nửa đêm, giờ tý, trống canh ba, khi còn cách bến đò Gián chừng ba cột-mỏ-mét thì chúng tôi được thám thính viên mật báo rằng có một chiếc thuyền từ miền Hà-nam xuống chở một tiểu đội quân chó săn Nhật Bản vừa sang qua sông. Quá giang rồi, tiểu đội đó có thả ra hai tên Việt gian bán nước, tức là hai tên này, để tìm cách hãm hại quân ta. Chúng tôi bèn lợi dụng địa hình địa vật, bố trí anh em thành hai cánh tả hữu xếp theo thế gong kim ở hai bên hông ngọn núi Địch-Lộng. Vừa khi quân địch tiến đến yếu điểm, thì chúng tôi xung phong khép gong kim lại...

Bác cai Tèo — vì đó chính là bác cai Tèo — tức chỉ huy trưởng, ngắt lời thiếu nữ :

— Thế quân ta sát hại được bao nhiêu tên đế-quốc Nhật ?

Thiếu nữ lúng túng :

— Băm... băm... khi quân Nhật đi ngang qua thì... em lại chưa bố trí xong... Hơn nữa họ lại có khí giới mà em thì không...

— Còn gì nữa ?

— Cũng may là còn bắt được hai tên Việt gian bán nước này.

— Thôi được. Nghĩ.

Đội người thiếu nữ đã trở về ngồi lại chỗ cũ, viên chỉ huy quay lại hỏi Cán :

— Tên anh là gì,

— Dạ, Trần Cán.

— Còn anh kia.

— Dạ, Nguyễn Văn.

— Nguyễn văn cái gì chứ, Nguyễn văn Kèo, hay Nguyễn văn Cột ?

— Dạ, Nguyễn Văn không thôi.

Viên chỉ huy cười :

— Cái tên anh nghe nó « phản động » làm sao ấy !

Rồi nói tiếp :

— Quê quán ở đâu ?

— Dạ, Yên-kê xã, Yên-khánh phủ, Ninh-Bình tỉnh.

Một lúc sau viên chỉ huy trình trọng :

— Trần Cán, Nguyễn Văn, có phải hai anh làm thanh niên cho Nhật không ? Các anh vừa bày ra một kế hoạch cứu đói gồm ghiếc thế nào cơ mà ! Các anh bịt mắt tôi sao nổi ?

Rút lời người đó nhìn hai dãy đồng chí, ghé nói thầm thì với mấy đồng chí ngồi gần, rồi cao giọng tuyên cáo :

HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC

—Tội các anh là tội Việt gian, là tội phản quốc, là tội làm tay sai cho địch. Các anh có biết tội đó xưa kia phải chịu hình phạt gì không ? Ngựa xé voi đầy hiệu chưa.

Cán vội vàng:

—Quả là oan chúng tôi.

Vân cũng nói vào:

— Xin các ông cho chúng tôi chứng cứ.

Tức thì viên chỉ huy nổi xung, quát lên:

—Chẳng cần chứng cứ gì cả. Các anh đi đêm đi hôm thế này nhất định là Việt gian rồi. Luật chúng tôi là luật cách mạng, « luật rừng xanh » (?), các anh biết không. Bờ các đồng chí, hãy đem đi xử trảm !

Một tiếng dạ rạc, bốn người đàn ông nhẩy sấn ra, lôi Cán và Vân trói ghì vào hai gốc cây gần đó mặc dầu lời phản kháng của Vân. Hai người đàn ông khác vác mã tấu sáng loáng ra, vừa múa vừa tiến lại phía hai chàng. Trong khi đó tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng thanh la nổi bật của bọn người còn lại vang động cả rừng khuya. Hai người đao phủ đã múa xong bài đao, đứng lại nghiêm chỉnh chờ đợi lệnh của viên chỉ huy. Tiếng chiêng tiếng trống im bật. Không khí như nghẹt thở. Nhờ phút im lặng, Cán lấy tận bình sinh chỉ lực mà hét lớn lên rằng :

— Các đồng chí!

Mọi người ngơ ngác nhìn Cán. Chàng tiếp:

— Các đồng chí ! Các đồng chí đang làm một việc làm lẩn tránh ghê là lẩn tránh, một việc mà rồi mai sau sử xanh còn phỉ báng, một việc mà cấp trên biết tới sẽ ghép các đồng chí vào tội phản dân, phản nước, phản đảng.

Viên chỉ huy quay lại hỏi:

— Anh kia nói nhầm cái gì thế ?

Cán như không nghe thấy điều ấy:

— Các đồng chí thật là lẩn tránh, xét đoán quá vội vàng. Các đồng chí không hay rằng chúng tôi là đồng chí với các đồng-chí sao ?

— Anh có chứng cứ gì ?

— Lại chứng cứ rồi. Chẳng cần chứng cứ gì cả. Cách-mạng là cách-mạng, hiệu không? Thêm một lần nữa đồng chí tỏ ra lẩn-thần. Ai lại đại gì mà đi mang cái chứng cứ vào mình vào lúc lộn xộn này. Tội Nhật nó bắt được chúng mình thư thì có tội mạng không chứ ? Thì đây tôi cũng sẵn lòng cho các đồng chí rất nhiều chứng cứ khác. Các đồng chí có biết đảng ta là gì không đã ?

Có tiếng ai sào. Người thiếu nữ chập tới rụt rè :

— Là mặt trận Việt-Minh chứ còn gì nữa ?

Bám lấy câu nói đó, Cán tấn công:

— Thế thì các đồng chí chưa giác ngộ tí nào cả, biết một mà chẳng biết hai vậy. Đảng là mặt trận Việt-Minh nhưng bên trong nòng cốt

là đảng Cộng-sản, các đồng chí biết chưa? Các đồng chí có biết ai là lãnh tụ tối cao của đảng ta không nào?

Văn người thiếu nữ :

— Là cụ Hồ chí Minh chứ còn ai nữa?

— Các đồng chí vẫn còn mê muội lắm. Tôi hỏi tên thật của cụ Hồ chí Minh là gì cơ mà?

Mọi người si sào ra vẻ hỏi nhau. Cán tiếp :

— Là cụ Nguyễn ái Quốc. Cụ Nguyễn ái Quốc là người như thế nào các đồng chí có biết không?

Chẳng đợi trả lời, Cán ôn tồn giảng giải :

— Cụ Nguyễn ái Quốc là một nhà chí-sĩ làm cách-mạng từ nhỏ. Cụ có qua Pháp, qua Nga, qua Tàu, làm đủ mọi nghề từ bồi-tào, thợ ảnh, đến bán thuốc dạo... Sở dĩ cụ phải đổi tên như vậy là vì nhiều lý do. Thứ nhất là để tránh tiếng sợ rằng người ta nghĩ kỳ-mật-trận Việt-Minh là đảng Cộng-sản, như vậy khổ chiều mộ người vào mặt trận. Một lý do thứ hai là chữ Nguyễn-ái-Quốc nhắc nhở người ta nhớ tới nhà Nguyễn đã rước Tây về đây mở, đổi ra họ Hồ người ta nên tưởng tới Hồ quý Ly, nhà chính trị đại tài theo thuyết của giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Sau cùng còn phải kể tới một lý do thứ ba: đảng ta là một đảng quốc-tế, chữ Nguyễn ái Quốc người ngoại quốc không đọc được mà chữ Hồ chí Minh phiên âm tiếng Nga thì nghe thuận tai lắm, Hachimine hoặc Haukimine!

Ngừng một lát, Cán lại lấy giọng chán nản :

— Kinh nghiệm cách mạng và lịch sử giai cấp đấu tranh của các đồng chí kém cõi quá!

Từ bao lâu Văn tròn xoe, đôi mắt nhìn Cán, chàng này vẫn không hay :

— Ngay vừa rồi giả thử chúng tôi là Việt gian đi chăng nữa, các đồng chí cũng đã phạm vào mấy nguyên tắc làm việc và tỏ ra rất kém về binh pháp.

Đến đây bác cai Tèo mới tò mò dụ vào câu chuyện của Cán, khởi đầu một cách ngưng ngưng :

— Chúng tôi sai nguyên tắc và phạm binh pháp như thế nào xin cho biết!

Biết đối phương đã trúng kế, Cán lên giọng đàn anh nói thật bạch :

— Trước hết, theo gia đạo đảng nhà, bắt được đối phương ta phải khai thác triệt để trước khi xử tử họ. Chẳng hạn, bắt họ đi các nơi làm cái bung xung tự giác ngộ kể kể những tội lỗi, có hay không của họ, tố cáo hối hận vì đã nhầm đường lạc lối, sau cùng lớn tiếng ca ngợi công đức của đảng ta... Ấy là chưa kể rằng các đồng chí phải xử án trước rồi mới liên hoan sau, trước khi hành hình, đảng này, các đồng chí đã sáo trộn thủ tục mất rồi.

Thấy Cán ngưng, xã Tèo sốt ruột :

— ...

HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC

— Thế còn binh pháp ?

Cán lừng khừng :

— Về binh pháp ấy ư ? Nhưng mà cánh tay tôi bị trói như thế này thì giảng giải làm sao được binh pháp ?

Xã Tèo ra lệnh cởi trói cho Cán và luôn thề cả Văn. Bấy giờ Cán mới hoa chân múa tay, gọi một người lấy một cái que, vạch xuống đất bản đồ trận chiến mà cất nghĩa cho mọi người :

— Đánh gong kim là hồng,

Người thiếu nữ chấp tối quá tò mò hỏi vội :

— Hồng ở chỗ nào ?

Cán lờm dờm thiếu nữ :

— Để yên người ta trình bày cho mà xem nào. Này nhé, đây là ngọn núi Địch Lộng (chàng vẽ một cái vòng tròn). Đây là con đường từ bến Gián qua trước mặt ngọn núi (chàng vẽ một giải thẳng). Đây là hai hồng núi (chàng gạch chéo hai phía). Địch quân rời bến đò, tiến lên đường, vào đến khúc đường trước núi. Các đồng chí ở hai cánh tả hữu ập ra, họ tiến thoái lưỡng nan, tốt. Nhưng tôi hỏi các đồng chí, thế nhờ họ chẳng tiến, chẳng thoái mà đóng tuốt lên trên núi thì các đồng chí tính sao. Đại đầu là đại. Ở trên sườn núi nắp ắp cẩn thận, họ mà bắn xuống thì ta chỉ còn có cách chết.

Văn người thiếu nữ hỏi dồn :

— Thế đồng chí bảo phải bày mặt trận như thế nào ?

— Có gì là khó cái trò nhỏ mọn này. Một là bố trí ba bề bốn bên, nghĩa là trong trường hợp của chúng ta, giữ hai cánh tả, hữu và thêm một cánh trên giữ sườn núi phòng khi họ có leo lên thì choảng xuống. Hai là dùng cách « điện hồ ly sơn » (chỗ này có lẽ Cán bịa). Các đồng chí cứ để cho địch quân qua núi cái đã. Xong đầu đó, một toán quân ta ở phía trước này (Cán chỉ xuống con đường cách xa ngọn núi chừng một trăm thước) reo hò cho địch quân hoảng hốt quay trở lại chân núi. Khi đó thì một toán quân khác của ta chực sẵn ở chân núi đánh ra, tha hồ nhằm rõ mục tiêu. Còn một kế thứ ba nữa, gọi là kế « mo nang »... Nhưng thôi để khi nào rồi rồi công tác qua đây ghé lại thăm tôi sẽ giảng giải các đồng chí nghe.

Mọi người xem ra thần phục tài thao lược của Cán lắm. Để cho thêm phần chắc chắn, Cán khoe khoang :

— Các đồng chí có biết tôi học những chiến thuật này ở đâu không ? Ở trường Hoàng Phố bên Tàu, cùng với các đồng chí Võ nguyên Giáp và Chu Văn Tấn.

Bác cai Tèo hỏi :

— Số đồng chí có thể cầm được bao nhiêu quân ?

Cán bắt chước lời Hàn Tín :

— Đa đa ích thiện !

— Thế đồng chí đi đâu mà qua chốn này ?

— À, chúng tôi có nhiệm vụ lên thiết lập chiến khu ở Hòa Bình.

Sau đó mọi người xúm lại xin lỗi hai chàng nhất là người thiếu nữ lúc chạm tối. Cán tỏ vẻ hào hiệp :

— Thôi có làm quái gì về cái vật này. Miễn là lần sau các đồng chí phải thận trọng hơn. May mà các đồng chí gặp chúng tôi là những người quân tử không thì các đồng chí ắt bị khiển trách nặng. Để lần này về, tôi thừa cấp trên gửi cho các đồng chí một chính trị viên mới được.

Một lần nữa người ta tạ lỗi Cán và Văn. Bác cai Tèo sai đem thực phẩm tặng hai chàng. Thiếu nữ thì móc hầu bao ra lấy mấy đồng bạc giấy dúi vào tay Cán :

— Em thiết tha xin lỗi đồng chí. Đây là cái quà mọn giúp vào tiền lộ phí lên Hòa Bình cho đồng chí. Lễ thì bạc bèo, nhưng lòng em thì rộng như con sông Gián Khâu.

Sau mấy câu chối từ lấy lệ, lại thấy mắt người thiếu nữ rơm rớm lệ tình. Cán bèn nhét mấy tờ giấy bạc vào túi.

Người ta chào cử thụy (Cán, Văn bắt chước cũng nhanh) lẫn nhau và chia tay. Theo lệnh cai Tèo, một dẫn lộ viên đưa hai chàng xuống núi chỉ đường. Trời đã tảng sáng khi ba người ra đến đường cái quan. Dẫn lộ viên dừng lại kính oân thưa :

— Đây là đường cái : Đi về phía trái, ngược lên này, bậc đàn anh sẽ đến Hòa Bình. Bây giờ thì kẻ đàn em xin phép trở lại kéo trời sáng đến nơi rồi.

Đợi cho người đưa đường đi khuất thật xa rồi, Cán mới kéo Văn đi phía tay phải. Văn hỏi :

— Sao lại đi phía này ? Không ngược lên Hòa Bình sao ?

— Sau cái vụ chết hụt vừa qua thì anh em mình xuôi về Ninh Bình chứ còn ngược lên làm cái chết tiệt gì !

Văn vẫn còn thắc mắc :

— Nhưng mà chúng mình còn cái mặt mũi nào nữa mà trở về làng chứ !

— Cán ứng dụng :

— Thì hãy tạm thoát cái đã. Rồi sau sẽ tính lại con đường tiến.

(còn tiếp)

nguyễn sỹ tế

trong lòng bàn tay

DƯƠNGNGHIEMMAU

Cúng tôi bước chân vào tiệm cà phê lúc bảy giờ đã khuya, những bàn ghế gỗ đơn nằm im từng góc. Người đàn bà mặc áo đen trở ra, tôi gọi hai café phin. Tôi châm thêm thuốc, những điều thuốc cháy suốt buổi chiều làm tay tôi ám khói vàng ệch — và lưỡi hơi rát, nhưng tôi vẫn còn muốn được châm tiếp. Tôi và Thu ngồi đối diện với nhau. Tiệm nước buồn hẳn xuống những khoảng tối, trời khuya nằm gọn một vùng ngoại ô. Tiếng chân ngựa của mấy chuyến xe trống khách nề oải gõ gỏi trên mặt đường nhựa. Tôi nghe rõ từng bước chân ngằn. Tiếng ho khô của người đứng tuổi nào vọng lên rồi lịm đi. Ánh điện mờ không đủ cho tôi nhìn mặt Thu. Chúng tôi cúi xuống nhìn mặt bàn. Thu im lặng. Tôi muốn được cất tiếng nói nhưng không thể nặng nề một lời làm tôi không sao thoát ra được.

Từ ngày tôi rời khỏi nhà người chị họ về ở với Thu đến nay chưa bao giờ chúng tôi khó nói với nhau bằng những ngày này. Bây giờ đầu mùa đông rồi đấy. Tôi nghĩ rằng chúng tôi sắp rời nhau. Căn nhà thuê trống trải. Người chủ đang thôi thúc tiền tháng này chúng tôi còn chịu lại — chúng tôi cũng chưa biết tìm đâu ra để trả — và như thế chúng tôi chỉ chờ họ vứt bỏ đồ đạc ra đường: mấy cuốn sách nát, mấy chiếc quần áo cũ — chiếc bàn đóng lấy bằng ván thông ọp ẹp. Chẳng còn gì để họ có thể trừ nợ được. Chúng tôi có thể bỏ lại tất cả rồi đi tay không không tiếc rẻ gì — nợ nần kéo ntu. Bữa no bữa đói trong những bữa cơm đầu ngõ — nghĩ về tương lai thì không dám nghĩ đến ngày thứ năm thứ sáu.

Đời sống như thế tôi đã bị ruồng ra tìm những ràng buộc khác. Ngồi trong quán cà phê buổi tối tôi muốn nói với Thu một vài điều về những ràng buộc.

— Chẳng thể thế này được, mình không đi đâu cả, còn Quyên.

Tôi nói nhỏ cho Thu đủ nghe, nhưng trong quán trống không âm thanh như muốn đập mạnh. Thu hút một hơi thuốc dài thờ đầy vào mặt tôi một cách bất ngờ. Khói thuốc cay sẽ làm tôi chảy nước mắt ràn rụa. Thu ngừng lên nhìn ra ngoài đường bảo tôi :

— Cậu hãy quên nó đi. Nó là em mình mình phải có trách nhiệm về nó.

— Quên ?

— Coi nó như một kẻ qua đường... một thứ dĩ vãng thì hơn...

Tôi nhìn ra ngoài đường : bên kia quán chợ có một người đàn bà mặc áo đen đi qua đáng buồn thảm — tôi nghĩ đó là một thiếu phụ — với buổi tối này về hình ảnh người qua đường tình cờ ấy khó làm tôi quên. Tôi sẽ nhớ mãi nữa là khác. Cũng như Quyên — dù đó là sự tình cờ tôi đã yêu thì cũng không thể nào gột rửa những kỷ niệm, hình ảnh của nàng trong tôi nữa — tôi lấy muống cà phê viết tên Quyên trên mặt bàn tôi cúi nhìn, nhỏ giọt nước mắt chảy xuống đó :

— Chắc mình không quên được — chúng ta có những đời sống riêng mà sự tình cờ đến đời sống đã tạo ra — và tôi giữ gìn nó, Thu nhìn thẳng vào tôi :

—... rồi tương lai.

— Thì mình nhìn đây...

— Đừng nhìn xa — mình muốn cậu nhìn xuống lòng bàn tay xem sao. Không thể phiên lưu vào một thứ tương lai vẽ vời được... hãy nhìn cho kỹ...

Tôi bàn thần nhìn vào ly cà phê đen và soi thấy khuôn mặt mình bốc hắc và buồn thảm im lìm dưới đó. Tôi khua động lên nhưng sau mỗi lần dừng lại tôi vẫn thấy tôi hiện ra thiếu não tôi muốn quát lớn và đập vỡ ly cà phê cho hết cái giận. Thu yêu cầu được nghe một bản nhạc — không khi vầy phủ cất lên như từ trong lòng đất tối sâu đen nào nuốt tiếng nghẹn ngào, khắc khoải. Tiếng khóc lẫn và tiếng hát trườn lên. Let me go let me go let me go lower — Tôi cúi xuống nhìn vào lòng tay mình. Dưới ánh đèn vàng bệnh hoạn những ngón tay khô gầy ám khói — Trong lòng bàn tay ẩm ướt mờ mờ những đường gân nổi lên nhằng nhịt những móng tay dài nhỏ yếu tôi soi tay lên nhìn qua những khe hở giữa các ngón. Cả bàn tay khô gầy như một cành cây già nua, cằn cỗi. Thu bảo tôi nhìn vào lòng bàn tay. Trong lòng bàn tay tôi nào có gì...

Khi tên Thu được gọi đến tôi chỉ kịp đưa cho anh điều thuốc dở ở tay — tôi lựa lấy chiếc xe đạp. Thu lách mình vào khỏi cửa sắt. Người ta bắt đầu xem giấy tờ. Anh là người cuối cùng trong toàn người buổi sáng hôm ấy. Hai đứa đều làm thính, không nói với nhau nửa lời. Trong số những người đứng ở ngoài có hai bà cụ già, một người con gái và tôi. Hai bà cụ chắc là mẹ của người nào, và người con gái là em của một người nào. Vì trong số những người ra đi hôm nay tôi nhìn rõ mặt họ — họ không thể có người yêu — hay vì thử có chắc họ cũng dấu chuyện họ đi — Và nhất nữa người con gái ấy không khóc. Tôi nghĩ người yêu

TRONG LÒNG BÀN TAY

chỉ là người để khóc cho mình. Tôi là một người bạn của Thu. Và là người hạn độc nhất của họ ra tiễn họ — đưa họ.

Đoàn người được điểm danh, xếp hàng rồi được dẫn đi có ba người trở ra đứng ở cửa sắt vẫy tay từ giã. Nhưng Thu đứng vào hàng rồi theo đoàn người bước đi không ngoảnh lại. Tôi dơ tay vẫy và không ai nhìn thấy. Hai người mẹ già khóc nước mắt chảy trên gò má. Tôi muốn được làm con một người mẹ nuôi.

Người con gái đứng lại cho tới khi có toàn người ở phía trong hàng rào trở ra buông lời trêu ghẹo mới trở gót. Tôi dắt chiếc xe đạp ra theo. Có lẽ Thu đã quên, tôi không biết đi xe đạp — bây giờ tôi phải dắt xe về.

Cách đây hơn một tuần Thu nói với tôi ý định ra đi. Thôi không tổ thái độ tôi không muốn đồng ý hay trái ý như tôi vẫn thường nghĩ — đối với bạn bè chúng ta hoàn toàn tự do — và như thế sự lựa chọn không bao giờ liên can với nhau. Tôi kể cho Thu nghe chuyện năm trước cũng vào độ này Long đi. Long đã bảo Hoài :

— Ít nhất đi tao cũng được ăn mỗi ngày hai bữa cơm, buổi sáng một mẩu bánh mì với quả chuối và có quần áo để mặc và để được thấy rằng được sử dụng một ngày tự do là quý.

Chuyện Long mãi về sau tôi mới biết đó là lần tôi vào thăm nhà cũ của mẹ Long ở bên Phát Diệm và đọc thấy giòng chữ : Nhà này bán.

Mẹ Long bỏ đi Lào với em Phụng và chị Ngọ. Lần bác đi Long ra tiễn ở phi trường muốn nói một lời nhưng cửa kính một sớm mai nhiều hơi nước giữ cả lại và Long khóc.

Đến năm nay Long đi rồi tôi được đọc một lá thư ở Vientiane gửi về với lời khuyên : «con hãy cố bớt chút để có tiền mua xổ số và biết đâu lại không trúng một lô độc đắc để mẹ con mình được sum họp với nhau» — bữa ấy Long cho tôi uống bia — tôi chỉ nhìn thấy bọt bia trào trên miệng ly còn đồn lại sau mỗi lần tôi nâng ly lên — nhưng bia thì chỉ có thể đầy bụng mà không say bao giờ.

Bây giờ Thu lại đi nữa. Tôi đi với Thu một đêm ở bến tàu, chúng tôi không có lấy một đồng trong túi. Không có lấy một điếu thuốc hút. Chúng tôi đi loanh quanh trên khoảng bến ấy. Tôi có gặp một cặp tình nhân cầm tay nhau đi im lặng, tôi bảo Thu :

— Tôi vẫn có ước vọng ấy.

— Sợ rồi nó sẽ tàn thương quá thôi có gì đâu. Tôi không nghĩ đó là một ước vọng.

— Nhưng trong thâm tâm tôi đau đớn mỗi lần như thế. Sao mình không cầm lấy tay người yêu một lần mà đi trong một con đường nhiều bóng cây có thể rằng ước vọng bé nhỏ — nhưng mong cho một điều bé nhỏ vẫn còn khó khăn. Chúng tôi ngồi ở một tấm ghế đã nhìn những

con chuột chạy kiếm ăn trên lẫn xỉ mùng đen. Nước thủy triều rút xuống phơi ra dưới ánh đèn những thân cột cầu tàu đen bần từng ngắn, và rác rưởi bám đầy. Những thân cột đèn buồn và ánh đèn xa gọi về những thành phố cũ. Thu không nói gì. Tôi ngồi kể chuyện ngày xưa cha tôi đi qua Âu-Châu đánh tội Phát-xít Đức rồi bỏ mình ở bên đó và có lẽ lúc đi người đã từ bến tàu này ra khơi. Tiếng máy ở bên hăng Caric -đội lên từng hồi. Tôi cũng muốn làm một chân thủy thủ trong một chuyến tàu rời bến đêm nay. Tôi sẽ hát bài hát mẹ tôi dạy khi người còn sống — ông giàng mà lấy cô sao, bao giờ cô cưới cho tôi miếng giàu. Có cưới thì cưới bằng trâu, chớ cưới bằng lợn có dầu không về. Dầu về đâu ăn dầu chơi. Dầu đi gánh nước bằng sọt chẳng rơi hạt nào... —Hát bài hát ấy với đủ giọng, rồi mỗi lần tàu đến một hải cảng nào tôi sẽ dừng lại, với số tiền mình có sẽ uống rượu. Rượu ở xa như thế chắc ngon và say lắm. Say rồi có thể nôn mửa, có thể chết ngất.

Nhưng có lẽ đêm nay không có tàu nào ra khơi cả, nước thủy triều xuống như thế kia thì tàu đến mắc cạn chứ nói gì — và tôi vẫn không là thủy thủ được.

"Tôi ngả đầu lên vai Thu — Quyên ơi! Anh muốn được ngả đầu lên vai em mà ngủ một lần, đôi vai mảnh yếu mà cuộc đời phải xuống chúng ta. Anh muốn khóc nhưng anh thừa biết nước mắt chả làm tan đi được gì — mờ đi được gì — mất đi được gì — nước mắt chả bao giờ đầy được đôi mắt khi đã khoét đi những gì chứa trong đôi mắt ấy, khi rồi họ đã khoét đi cả sự chung thủy rồi có biết thế không em ?

Chúng tôi ngồi tới khuya và chẳng trở về nên đành ngồi lại đến khi trăng lặn, khi nước thủy triều bắt đầu lên tôi nghe thấy tiếng còi tàu, tôi bảo Thu :

— Tàu của hãng Năm Sao ra khơi đấy. Chúng tôi trở về Bru-điện. Văn mua cho chúng tôi mỗi đứa một ổ bánh mì jambon giá 5\$. Ngồi dưới chân tượng đức mẹ tôi nhai và nghe rõ ràng những miếng dưa leo ròn tan trong miệng. Văn nói :

— Có một lần ngồi dưới chân bệ này, mình làm dấu và cầu nguyện thì thấy tâm hồn bình yên lắm.

— Bây giờ có Đức Mẹ mình cũng muốn được bình yên.

Thu làm dấu rồi quỳ xuống. Lúc ấy cũng có một người đàn bà mặc áo đen quỳ ở mé bên kia, tôi định bảo : giá như đức mẹ màu nhiệm cho hai kẻ quỳ dưới chân này lấy nhau — nhưng tôi lại nói :

— Tôi không có hy vọng như thế.

Lúc hồi chuông sớm reo lên báo lễ đầu, tôi thấy đau đớn âm thầm. Thu bỏ về. Tôi đi với Văn qua công viên gặp người đàn bà chải tóc trên phiến ghế đá, mặt nhem nhuốc, tôi nói cho Văn nghe :

TRONG LÒNG BÀN TAY

— Thu nó lại đi nữa rồi.

Chờ đến sáng hôm nay, khi cánh cổng sắt khóa lại, khi toàn người ở phía sau hàng rào trở ra buống lờn trên ghẹo người con gái, khi tôi dắt chiếc xe đạp quay về — tôi chắc chắn rằng: Thu đã đi thật và cũng như Long.

Trời buổi sáng rỗng không. Mây xám đùn trên bầu trời, mùa me chín làm những cánh lá khô dát khắp mặt đường nhựa. Có lẽ cũng sắp sang mùa mưa.

Tôi muốn được bước lên dấu chân người con gái đi phía trước để thấy chân mình to hay nhỏ, nhưng thân guốc cũn không để lại dấu gì trên làn vỉa hè si măng khô cứng lắm rồi.

Tôi trở về căn nhà trống trơn thêm một lần. Thu đã đi thật rồi — cũng chỉ có trong người một bộ quần áo, tôi dành tới buổi tối đi qua nhà Quyền hai lần trước khi rời đi.

Tôi bỏ về nằm bằm vào một người bạn cũ. Căn nhà nhìn ra một nghĩa địa mà phía trong là một trường học ngày ngày ngồi nhìn những đứa trẻ cắp sách, miệng hát vui tươi đi bên những ngôi mộ nằm cô đơn lắm rồi. Buổi tối tôi sòe bàn tay nhiều lần nhìn vào đấy. Có gì đâu ngoài sự trống trơn...

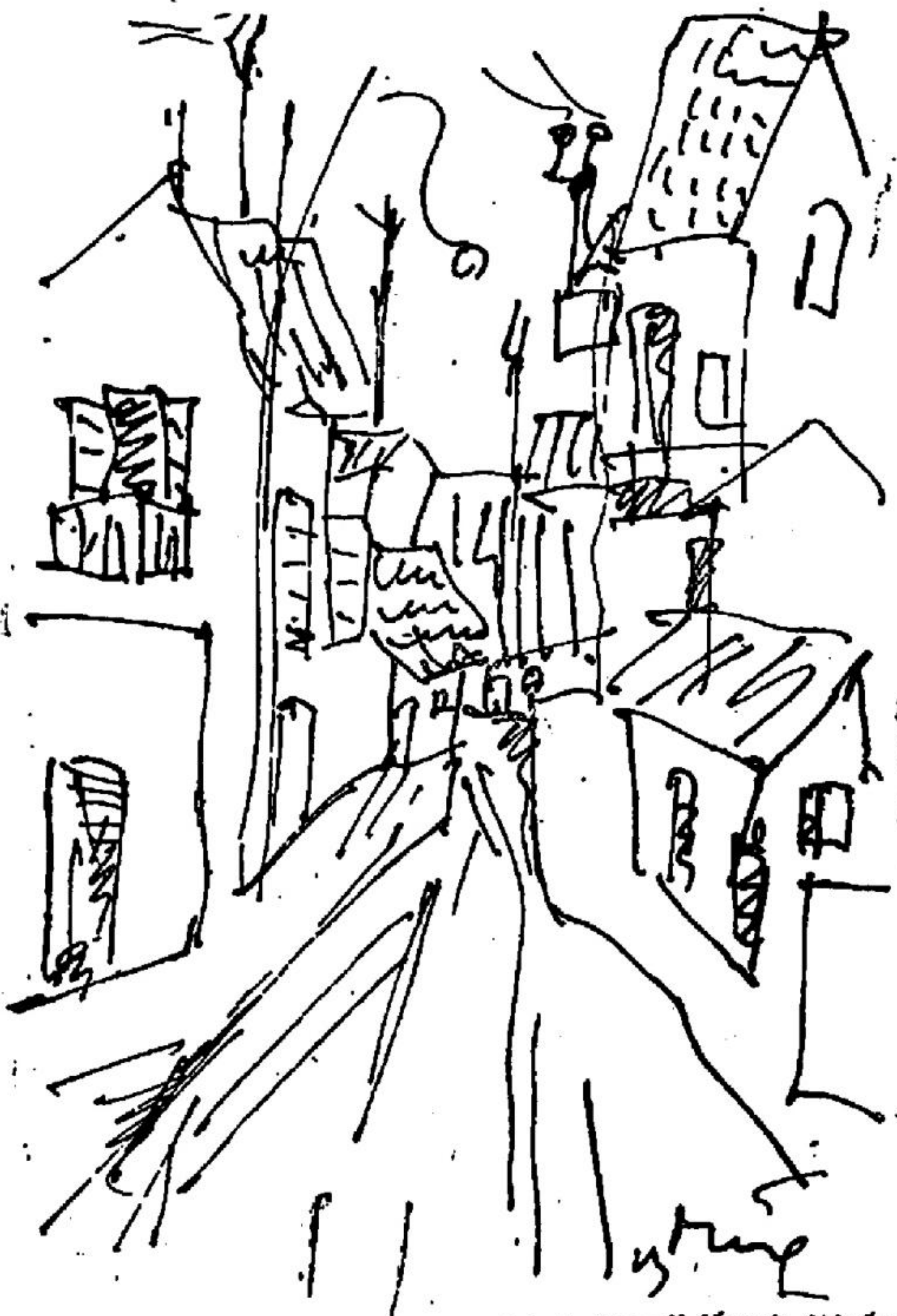
Bàn tay ấy đã lặn rồi tôi chẳng nhìn đến tôi chỉ nhớ mỗi một điều duy nhất về bàn tay này — bàn tay một lần đã nắm được tay người yêu — bây giờ mỗi đêm nhìn đến tôi chỉ thấy những túi hờn. Tôi quên bàn tay khô buồn đã ngửa ra bao nhiêu lần để xin sự bố thí mà nuôi thân thể lớn lên, bàn tay ấy những túi buồn thơ ấu bây giờ tôi mới nhớ lại. Nó chưa mùa xuân nào được một đồng tiền mừng tuổi — mà chỉ là sự bố thí dè dặt. Nó đã nắm lấy bao nhiêu lần những thanh xe tàn để rời đi lên lối.

Bây giờ tôi mới thấy rằng nhìn vào đấy tôi chẳng nhìn thấy gì về tương lai. Bố mẹ tôi chết từ bao giờ? Họ hàng tôi có những ai?

Thu đã lại đi như Long năm trước, người tôi muốn cầu xin đến thì Thu ơi, anh bảo tôi quên đi nhưng tôi làm sao quên: Lòng bàn tay tôi đây chắc chả còn hy vọng nắm lấy bàn tay nào một lần nữa — bây giờ chỉ tay mình nắm lấy tay mình.

Bàn tay trống trơn khô gầy dù úp lên mặt cũng không đủ kín. — dù úp lên để khóc cho lòng bàn tay được ấm và đỡ túi buồn, nhưng bàn tay có nghe thấy gì đâu — cả ngay tiếng khóc nghẹn ngào cất lên. Quyền ơi? Anh biết rằng bàn tay này chẳng còn có hy vọng cầm lấy em một lần rồi chết đi. Và bàn tay khô buồn này chắc cũng không còn đủ sức để tự vuốt lấy mặt mình nữa...

Thu và Long trở về tìm tôi vào một đêm trăng sáng, chúng tôi trải chiếu xuống mặt đất một khoảng trống trong nghĩa địa chung quanh những lá



cây xanh, bóng đêm bí mật âm, thầm. Cả hai đưa nói đến một đời sống. Những doanh trại, đồn lũy, lò cốt, thông hào. Chúng tôi tâm sự với nhau, chúng tôi nói bao nhiêu điều. Chúng tôi gần giống nhau. Chúng tôi là những đứa mồ côi — ngoài ba đứa ra chúng tôi chẳng còn gì. Long rơm rơm nước mắt bão :

TRONG LÒNG BÀN TAY

— Thật không gì đau đớn cho bằng mình có mẹ có em mà lại không được sống bên những người thân yêu ấy.

Thu mê mẩn cây nhị hồ trên tay chỉ nói mơ hồ như một cơn mộng mị :
— Làm sao ?

Tôi muốn nói, mà lại chẳng dám nói ra.

— Sao lại chẳng còn một người yêu nào chịu để cho mình cầm lấy bàn tay.

Nửa đêm một mình. Tôi thức giấc trong một giấc ngủ chập chờn nói với hai đứa :

— Hãy kể một chuyện tình cho nhau nghe được không ?

Chúng tôi không có tất cả. Chúng tôi chẳng có hơi một chút gì vui tươi êm ấm để kể cho nhau nghe mà tiếc thương về một thời dĩ vãng thần thánh. Hoặc đã sống lên trong nhà dục anh, giữa vòng tay những bác họ hàng và đời sống buông trôi chẳng ai hỏi han săn đón.

Trong đời sống chúng tôi cũng đã thăm yêu những người con gái đi qua đời mình một lần. Nhưng những hình bóng ấy chưa đủ cho chúng tôi viết trọn một lá thư trên tờ giấy xanh. Cầm bút trên tay tôi chưa bao giờ viết nổi một câu chuyện tình cho dù câu chuyện tình đầy sự hắt hủi đớn đau, trong tôi chỉ là những mâu thuẫn sự lo âu hoài không hết — nhưng làm sao được khi tôi chỉ có trong mình những ngày thơ ấu đau buồn — gần 10 năm trời tiếng súng thúc trong mạch máu, lời thét la rúc nhói và khói lửa bùng bít trời xanh — và sau nữa khoảng bốn năm luân lưu qua những thị trấn lạ mặt chúng tôi chỉ mới sống như thế nên không thể nào làm khác đi cho được, và vẫn chẳng thể viết nổi một câu chuyện tình dù là một câu chuyện tưởng tượng, giả tạo để lừa dối mình.

Cũng có nhiều đêm nằm với nhau chúng tôi kể những chuyện cổ tích, thần thoại rồi ôm lấy nhau nửa cười nửa khóc cho âm thanh vui một chút đêm tối và sự bùng bít.

Đêm xuống rất khuya. Chúng tôi nằm bên những người đã chết trong nghĩa địa, Long nằm gối đầu vào tay tôi. Thu vẽ cây nhị hồ — những âm thanh tấm tức, tức tưởi, sâu thẳm, u uất, nghẹn ngào trườn lên bọc bọc quấn quai — và tôi chôn vùi vào một giấc mơ.

— Thừa người là ai ?

— Tôi không là ai.

— Người từ đâu đến ?

— Có can hệ gì đâu ?

— Sao người than van sâu thẳm làm vậy. Tôi vốn không ưa làm sự. Sự than van chẳng cần thiết gì...

— Nhưng vốn tôi ưa làm sự, ưa than van. Muốn có một người ngồi trước mặt mình. Anh ghét làm sự ắt hẳn người có quá nhiều làm sự rồi chẳng ?

— Tôi chẳng có chút gì — chẳng có gì để nhớ. Có gì để nhớ đâu ?

— Người nói dối chẳng ? Nhưng nếu người sống giữa một khoảng trống không có tâm sự thì người sống làm sao. Thiếp có tâm sự và muốn được giải bày — người hãy thử ngồi lại cùng tôi một chút. Gặp nhau đây rồi còn gặp nhau nữa không. Có lẽ chúng ta không dám hẹn hò gì nhiều về tương lai. Tôi nghĩ rằng người có tâm sự mà không kể cùng ai. Thời thơ ấu, thuở hoa niên — những kỷ niệm về cha mẹ, anh em — về bạn hữu.. Chúng ta hãy thử nhìn sang bên kia đường. Người có thấy chẳng một cậu bé con đang nó đùa bên mẹ nó — cậu bé nhảy và hát. Đôi miệng xinh tươi, triển mồm điệu ngọt — đôi mắt ngây thơ của trẻ dại đang nhìn vào cuộc đời mong lớn — cậu bé đang nũng nịu gọi : mẹ ơi...

— Tôi nào có thấy đứa bé nó đùa bên mẹ nó. Tôi chỉ nhìn thấy một đứa trẻ đi vất vưởng buồn nản mồm thâm bặm chặt để khỏi cất lên tiếng khóc — đôi mắt ngầu đỏ. Nó thấy cuộc đời lớn lên vượt khỏi tầm tay nó. Cậu bé chẳng biết bố mẹ thế nào nên chẳng thể gọi lên để thấy mình còn được gọi tên.

— Trời xanh lắm không anh ?

— Trời ngầu đỏ vẫn đục và như cơn giông bão sắp về.

— Cây cối xanh tươi làm sao ?

— Những cành khô quơ quạng như muốn cánh tay hối lỗi — già nua : đầy đau đớn.

— Anh hãy nhìn vào vườn hoa đẹp đẽ kia — muôn hoa đua nở, cành lá xanh tươi, hương thơm tỏa ngát. Anh có thấy không một cặp tình nhân đang cùng nhau tâm sự, mặt nhìn mặt, tay cầm tay, nói với nhau những lời dịu ngọt hứa hẹn về một tương lai hạnh phúc sum họp.

— Nhưng tôi chỉ thấy kia là một sa mạc bao la, gió cát bay mù tạt khắp nơi. Ở đó có một kẻ đang ngồi một mình — nghĩ một mình — nói một mình, nghe một mình và tay mình sờ soạng lấy tay mình. Nhìn vào lòng bàn tay hoài hoài những ý nghĩ về tương lai.

— Này chiếc hoa màu hồng.

— Màu tím đấy thôi.

— Có nghe chẳng tiếng hát.

— Tôi nghe tiếng người rên khóc, tiếng thở dài — mà như...

— Kia trong đám hội vui vầy của tuổi trẻ anh có thấy bóng ai quen thuộc đang chung vui kia không ?

— Tôi thấy hân hoan lắm một mình

— Dĩ vãng người đẹp bao nhiêu với những hình ảnh ấy.

— Không. Tôi thấy chẳng có gì — chẳng có gì để than van tâm sự như người.

TRONG LÒNG BÀN TAY

- Sao người than van sầu thảm làm vậy — Người là gì?
- Tôi là gì ư?
- Người là đứa con côi. Kể thất tình vì bị phụ bạc. Người sống lạc loài trong xã hội không ai đoái thương.
- Không.
- Người là hiện thân của kiếp tôi đời, bị áp bức trước đoạt. Tổ quốc bị nô lệ đè nén. Cha mẹ, anh em họ hàng người bị dày ải khổ cực. Nơi những cường bạo lấn áp nhân đạo. Sự bế tắc nhục nhã. Nơi con người sống như thú vật. Vai người chất đầy xiềng xích. Thân người đeo nặng cùm gông, bóng tối ngục tù — người là tất cả sự bất mãn của thế giới này... Sao người kể chỉ buồn thảm làm vậy tôi còn biết làm sao mà chửa sẽ...
- Tôi có là gì đâu nhưng...
- Người ham mê cách mạng? người muốn vùng lên ư? ôi tâm sự người là gì — là gì?
- Tôi không là gì — nhưng tôi có tất cả tâm sự của người nghĩ đến — và còn nữa...
- Người là tiếng khóc
- Không!
- Người là câu cười?
- Không!
- Người là lời hẹn hò?
- Không!
- Người là lời từ biệt.
- Tôi đã khóc, đã cười, đã hẹn hò, đã từ biệt — nhưng... người cái gì làm cho người thấy người?
- Tôi biết thân phận tôi lắm.
- Còn gì nữa?
- Và có tâm sự...
- Tôi biết người có nhiều kỷ niệm. Cha mẹ anh em họ hàng, làng xóm, đất nước quê hương, nhân loại... hãy nhớ mà gọi ra những thân thiết của con người. À còn thương để nữa.
- Tôi không tin.
- Ở trên đầu người.
- Không!
- Sao người quỳ gối? Ở trên tay người?
- Thì tôi đã...
- Thật khổ nạn cho thân phận người. Hãy hát đi cho tôi nghe.
- Nhưng miệng không phải để hát.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

- Thì cười ?
- Miệng không phải để cười.
- Tôi muốn đốt lò than hồng trên miệng ấy.
- Tôi muốn được than van.
- Hãy im lặng.
- Nhưng làm sao để biết tôi còn sống ?
- Tên người ?
- Tên tôi là gì ư ?
- Hãy gọi lên.
- Hư Vô.
- Còn người ?
- Tôi là lời tâm sự đời đời. Các người vẫn tưởng mình can đảm không cần than van, kêu khóc. Sao đời người giả dối đến thế !
- Thôi cũng được để tôi than van — người đã biết thế chưa ?
- Tôi biết thân phận tôi lắm.
- Từ tội ư ?
- Không.
- Người hoàn toàn tự do.
- Tôi muốn nhìn xem người là ai ?
- Hãy nhìn cho rõ.
- Kia người... kia nàng... tôi muốn uống máu, ăn thịt nàng.
- Tôi thừa hiểu.
- Mãn nguyện chưa ?
- Biết đến bao giờ ?
- Hãy nói tên một lần
- Không.
- Tôi yêu nàng.
- Đã bao người nói thế.
- Tôi yêu nàng tha thiết. Xin quỳ dưới chân dấng trọn đời người.
- Nàng hãy nhìn cho rõ...
- Kia loài quỷ dữ, loài quỷ dữ, loài yêu tinh. Hỡi LOÀI NGƯỜI cho tôi quyền lực, cho tôi thần thánh để tôi uống máu quân khốn nạn — và tôi mãn nguyện, vô cùng mãn nguyện.
- Thiếp là...
- ...Than van rằm tâm sự.
- Thiếp là thiếu phụ.
- Là thiếu phụ ?
- Vâng là thiếu phụ.

TRONG LÒNG BÀN TAY

Trăng mười sáu buồn rã một vùng nghĩa trang, tiếng nhị hồ còn như thăm thẳm trên từng đầu mộ ướp trên cỏ xanh tâm sự với người sống, người chết. Thu bỏ cây nhị hồ xuống chiếu rồi đứng lên. Long ngồi ở một góc. Chúng nó đã bỏ trại trở ra tìm tôi. Cái ngày mai chúng tôi sẽ tới đây ra làm sao? Thân phận chúng tôi là một qui định khắc nghiệt ư? với hai bàn tay — hai cánh cùi khô gầy này chúng tôi mạng ra đời sống với lòng kiêu hãnh rồi chúng tôi làm gì?... Từ già *thiếu phụ* — này *hỡi xuân nữ* tôi hiểu rằng tay tôi chỉ ôm qua lưng người nhưng có ôm được gì đâu...?

— Quên ời! Anh tự cho rằng anh không hề có tội lỗi, chưa quỳ dưới chân ai một lần. Cấm vào địa ngục không biết, đường lên thiên đường không hay. Em hãy cho anh tội lỗi để đôi mắt được mù lòa. Vì anh yêu thế anh không phải nhìn vào lòng bàn tay...

dương nghiêm mậu

con sôt

THAOTRƯỜNG

NGƯỜI chiêm-dải-viên báo tin máy bay đã tới không phận Saigon. Phi cơ xuống thấp. Một tiếng dội lên rồi hai ba lần liên tiếp. Tốc độ đang nhẹ nhàng trên không đổi sang nặng nề mặt đất. Cánh cửa mở, tôi nhận nụ cười chào của cô chiêm-dải

rồi bước ra dẫm xuống mặt Saigon.

Bầu không khí nóng-nực và đến chụp lấy tôi không dịu dàng mà cũng không hân học.

Sau năm năm, hôm nay tôi bước những bước chân thứ nhất trên mặt Saigon. Những ngón tay Saigon dài và rộng thêm bỏ lan ra tới những vùng ngoại-ô xa tít, túm chặt lấy tôi. Nhà cửa cũng thay đổi. Saigon đã được rửa mặt, đã trang điểm trong thời gian năm năm qua để có bề ngoài ngày nay.

Trước trang giấy trắng mênh-mông, dưới ánh đèn thu gọn, vấn đề đặt ra cho một bài nghiên cứu trong chuyến về Saigon này mới vẫn chỉ là đề tài. Hàng chữ bơ vơ không nối tiếp, không giải quyết. Hàng chữ đứng ngã nghiêng xiêu vẹo. Tập tài liệu tham khảo đầy cộm nát nhàu. Vấn đề thì vẫn còn đấy, tôi chưa tìm được giải pháp nào cho bài nghiên cứu.

Tôi chưa lên đường mặc dầu tôi đã khởi hành.

Có lần tôi nghĩ rằng tôi nên đi làm thợ trước khi viết một bài nghiên cứu như thế. Ý nghĩ này tôi tiếp nhận được sau cái nhận định rằng con người chúng ta (những người sinh hoạt chung tôi) phần đông muốn làm những công việc « nhẹ nhàng » hơn là chân tay, muốn nhàn hạ hơn là vất vả muốn hưởng thụ hơn là làm việc.

Chiều ngày hôm sau tôi đi dạo phố. Thì cũng vẫn là những con đường mòn thuở của Saigon. Người ta vẫn chỉ đi đông đảo có một bên. Như hồi nọ. Tôi đi kiếm mặt lũ người đó.

Đến một ngã tư, đứng chờ đèn xanh, tôi bắt gặp nó. Nó là một đứa con gái mới lớn. Hồi năm năm trước nó gọi tôi bằng chú và xưng cháu. Tôi thường bắt nó đi mua xôi mỗi buổi sáng. Tôi đưa ba đồng, mua hai đồng xôi cho tôi còn cho nó một đồng. Nó hí hửng làm cái công việc đó cho tôi một cách siêng năng, chăm chỉ. Vì nó có nguồn lợi. Hồi đó nó bán thịt như con vật, một con vật lem luốc. Có nhiều khi tôi

CON SỐT

phải nhét vội cả một nắm xôi vào miệng nuốt đi trước khi cái ý nghĩ về đứa con gái bần thiêu xâm chiếm tôi. Lần nào sai nó mua quà tôi cũng cho nó tiền, vì thế nó thân tôi hơn những người thân tôi.

Bây giờ tôi gặp lại nó ở một ngã tư Saigon. Nó đã lớn, đẹp và yêu điệu. Nó nói với tôi nó đi hát. Tôi « thế à ! »

— Chú lại phòng trà với Hồng không? Hồng hát ở đằng kia.

Nhìn theo ngón tay nó chỉ, tôi gật đầu đi theo. Nó kể nhiều chuyện quý phái cho tôi nghe. Tôi nhìn quần, áo, tóc nó khá đẹp.

— Chú nhìn gì Hồng?

— Nhìn vẻ đẹp và cái lớn khôn của Hồng.

Trong phòng trà sau mỗi bài nó hát, lũ con trai chồm chồm hồ bis, bis. Nó tóet miệng cười, hát thêm một bài. Nhìn tôi. Tôi chợt sung sướng.

Tôi nghĩ, thật khờ; không khéo mình về rồi phải nghĩ nhiều đến nó thối mắc nhiều đến nó và biết đâu chả phải tìm đến nó mà nói rằng « anh yêu em vô cùng ».

Có điều tôi biết chắc từ đây là tôi quên hẳn cái đứa bé bần thiêu ngày xưa.

Đến hết tuần lễ thảo luận và hội họp vẫn chưa làm được gì cho bài thi phiên toái.

Tìm gặp Thảo, người con gái ám ảnh tôi nhiều năm nay, hay nói đúng hơn, một nhân vật ma quái trong các tác phẩm tôi. Một nhân vật tôi bắt đóng nhiều vai trò trong nhiều trường hợp. Thảo ở một ngôi nhà đẹp, trong một phố nhỏ, ngăn và yên tĩnh. Tôi đến nhà Thảo bằng những bước đi hối hận và buồn vì đã bắt Thảo phải sống những vai trò lặn lội suốt trong các tác phẩm tôi. Tôi đã sợ Thảo oán trách, tôi đã bắt nàng phải đóng quá nhiều vai trò trong quá nhiều thời gian đời tôi.

Cuộc đối thoại nhỏ to và tôi nghĩ rằng tôi còn bị ràng buộc nhiều với nhân vật này.

— Anh vẫn còn nhớ Thảo mà đến thăm?

— Còn nhớ, mình mới về Saigon ba hôm nay.

— Ba hôm, số nhiều hay số ít đây?

— Số ít, nhưng là một thời gian dài.

Thảo đặt tách trà trước tôi:

— Hơi bất-ngờ. Cứ tưởng anh quên rồi chứ.

— Đã có một thời-gian mình quên. Mình nhất định đẩy Thảo ra khỏi cuộc đời mình. Nhất định đến độ hơi tàn-nhẫn. Mình định xóa đuổi hình-ảnh

THẢO TRƯỜNG

Thảo đi hẳn nhưng không bao lâu mình lại biết rằng chẳng thể xóa nhòa nổi. Quên chỉ là một tấm màn kéo lên che kín, nhưng nhân vật vẫn còn. Còn mãi. Mà lòng mình thì chứa đựng cả diễn-viên, cả sân khấu, cả hậu-trường và cả khán giả nữa.

— Thế ra anh bắt Thảo là nhân vật của anh. Thảo tưởng những lần Thảo xuất hiện trên các tác phẩm của anh chỉ là những kỷ niệm nhỏ nhất thôi chứ.

Thì đúng là kỷ niệm rồi. Mà là kỷ niệm giữa tôi và Thảo. Thế nên tác phẩm nào có mình ở trong đó là mình phải bắt Thảo đóng những vai về phần Thảo. Vì thế tình yêu Thảo của mình hơi tàn bạo.

— Anh bắt Thảo đóng quá nhiều vai trong truyện của anh kể từ sau ngày Thảo từ chối làm nhân vật thực sự ngoài đời bên cạnh anh.

Tôi chợt buồn :

— Ờ, hồi ấy buồn quá, chẳng hiểu tại sao lại từ chối nhỉ?

— Thảo cũng không biết rõ sao. Có lẽ tại anh yêu Thảo quá. Thảo có cảm tưởng anh yêu Thảo quá vội vàng, quá bất ngờ, quá tàn nhẫn. Tình yêu của anh như sét đánh, như những nhát giao bâm văm xuống mặt Thảo. Thảo thấy sung-sướng nhưng đồng thời Thảo cũng thấy tâm hồn mình rướm-máu, nứt-rạn. Anh yêu tàn nhẫn quá.

— Thế hả?

— Anh yêu như chiếm-đoạt. Có lẽ cũng vì vậy mà thái-độ của anh trước cuộc đời bao giờ cũng trở nên căng-thẳng. Nhận-định về con người trong các truyện của anh, Thảo thường bắt gặp những đồ-vỡ, những tan-nát, Anh sử-dụng ngòi viết như anh sử-dụng thanh-gươm, Thảo thấy sợ-sợ.

Tôi trợn mắt :

— Thật thế hả Thảo?

— Khổ nỗi anh sử-dụng tình cảm anh cũng như thanh-gươm luôn vì thế mà nhân-vật của anh thường bị vùi-dập, đốn-đau. Thảo là một.

Thực tình thì tôi tha thiết yêu Thảo và các nhân-vật của tôi :

— Đàn bà ai cũng muốn đàn-ông dịu-dàng với họ. Anh đến với đàn bà không có những thứ ấy. Mặc dầu anh thành thực vì thế Thảo từ chối. Đau đớn từ chối.

— Vì vậy mình đã hành hạ Thảo đau đớn bằng cách bắt Thảo phải đóng những vai trò tàn-nhẫn trong truyện của mình. Truyện nào cũng có sự hiện-diện của Thảo. Bóng dáng Thảo thấp thoáng trên những sáng tác mình.

— Anh có biết cái nhìn của anh nó như thế nào không? Anh gặp một người con gái, anh gặp Thảo, anh nhìn không bằng cái nhìn từ tốn. Anh nhìn bằng xé-rách, cái nhìn bóc-toạc ra. Cuộc đời đang yên lành, mang vào truyện của anh, anh cũng xé-rách bóc toạc ra như thế. Điều đó Thảo cũng không phê-bình gì anh nhưng Thảo chỉ trách anh đã gây ra thế rồi lại chính anh phản-nản cuộc đời gây-đổ, nứt-rạn. Anh kêu và anh kêu lớn, làm nhiều người tưởng cuộc đời xụp-đổ thật.

CƠN SỐT

Đến đây thì tôi không nói nữa. Tôi chỉ ngồi nghe Thảo nói. Thảo nói nhiều về những căn-bệnh của tôi. Tôi nghe và nghĩ rằng tôi cảm thấy cuộc-đời, tâm-hồn người nết-rạo thật. Cảm thấy thật và tôi viết ra thật như thế. Tôi nhìn sự vật và tôi thấy như thế. Trong truyện tôi là ngoài đời. Bản-thảo là ngoài đời tiếp nhận qua con mắt tôi.

Có một buổi chiều tôi đi chơi với Thảo và một người bạn Thảo. Hai người nói nhỏ với nhau cho tôi nghe «Phải đi số chuẩn đường Lê-Lợi chứ?» rồi nhìn nhau và nhìn tôi cười. Tôi cũng cười nhưng buồn vu-vơ.

Thảo nói thêm:

— Đừng nói nữa, anh ấy giận lại xuống nhà dưới với cô Mai bây giờ.

Tôi trợn mắt, nhìn hai người thân thiết đi bên tôi, tôi thấy gần bọ. Sao người ngoài đời và trong truyện lại yêu nhau đến như vậy? Tôi yêu truyện của tôi và tôi yêu cả cuộc đời bên ngoài nữa. Tôi ăn mang nên tôi khổ. Tôi thua lỗ mất sạch cả cuộc đời. Mất như một tờ giấy bạc bị gió thổi bay đi. Tuy Thảo không là giấy bạc, Thảo là hơi thở ngực tôi, có lúc bay đi có lúc ám lại. Tôi gặp và yêu Thảo từ lâu. Nhưng mỗi tình ấy đang dở vì tôi yêu vô lý quá. Thảo bảo như vậy. Thảo nói rằng Thảo chỉ thấy một người đàn ông nào yêu đàn bà như tôi yêu Thảo. Thảo không tin lại có thứ tình yêu như thế.

Chúng tôi vào một rạp chiếu bóng, thì cũng vẫn là những vô duyên của đời sống nhão nhoét Saigon. Đời sống nhảm và bần, cũ kỹ và trắng trẻo. Phim hôm ấy hay, nhiều lời đối thoại của các nhân vật truyện phim lý thú. Chợt Thảo bảo tôi:

— Truyện của anh hay nhưng khúc cuối bao giờ cũng làm sao ấy.

Tôi kiểm trong trí nhớ các truyện ngắn tôi đã viết. Tôi không hiểu những «làm sao ấy» của Thảo mang ý nghĩa gì.

Thì một câu bên tai tôi, trong bóng tối nhờ nhờ của rạp hát đã nói: — Kết cục không mang đến những điều người đọc mong muốn hay dự đoán. Chỉ đưa người đọc đến những ý nghĩ vô lý.

Tự nhiên tôi muốn thét lớn lên với Thảo:

Em đừng nói nữa. Thảo đừng phê bình tôi. Tôi không muốn ai phán đoán gì tôi cả. Tôi cũng không phải là người giải quyết các mâu thuẫn ở đời. Tôi chỉ ghi chép các thắc mắc của tôi.

Tôi nghĩ đến tập truyện dài thứ nhất viết cách đây mấy năm. Nhiều tháng lao lung suy nghĩ, nhiều ngày lặn đạn viết ra. Tôi đưa mấy người bạn thân đọc. Không ai có ý kiến gì cả. Về sau có một người nói với tôi: «Só như những truyện bán ở ngoài phố — thêm vào đó Thủy khá đẹp» (Thủy là nhân vật chính trong tập truyện dài của tôi.)

Tôi đã đốt cháy nó vì chủ đích của tôi viết truyện không phải để không ai có ý kiến gì cả. Nhân vật của tôi tạo nên không để người ta chỉ nói «Thủy khá đẹp». Nhân vật của tôi không phải là những hạng

THAO TRƯỜNG

người như thế. Tôi không muốn tạo nên những hình hài mỹ miều nhưng vô hồn, ngớ ngẩn như những đóa con gái được tuyển chọn hoa khôi, hiện diện trong truyện tôi. Họ bảo « Thủy khá đẹp » nên tôi đã bóp chết nàng rồi thiêu cháy đi. Tôi đã giết sắc đẹp để một là tôi không bao giờ viết nữa hoặc để rồi tôi sẽ tạo được những nhân vật đặc biệt cho cuộc đời.

Thế rồi tôi viết được một mớ truyện ngắn để đến nỗi bây giờ ngón ngang linh hồn và xác chết, lẫn lộn người yêu và nhân vật, chưa biết đến bao giờ mới thu xếp cho ổn thỏa được.

Mới đây tôi lại phải chịu một sự sa thải chưa xót nữa, tôi phải gạt bỏ đi, dìm lên trên một mớ ý nghĩ trong một truyện ngắn.

Sau nhiều ngày suy nghĩ đơn đau, tôi xé toạc đi mất 5 trang bản thảo. Năm trang đầu của một truyện ngắn viết trong thời gian cái không khí văn nghệ nơi đây im lặng và chính ngay cái cảm hứng trong tôi cũng yên nghỉ luôn. Tâm hồn manh nha nhiều chứng bệnh. Đoạn đầu của truyện này theo quan niệm của mấy người bạn Sài Gòn bảo rằng có tình cách sĩ và lẩn nhau. Họ khuyên tôi nên viết lại, nhưng tôi đã xé đi. Tôi không viết lại bởi chính những khi tôi viết nó, tôi đã thiốt tha yêu các bạn tôi, và tôi có cảm tưởng rằng chính mình đã tự sĩ và mình trong tác phẩm ấy.

Tôi xé bỏ đi một đoạn dài để bù lại chỗ thiếu trống, tôi định trích một đoạn nhật ký ghi trong thời gian tôi viết truyện ấy. Đoạn nhật ký trích ra nhét vào cái hố ấy dĩ nhiên là không liên tục như truyện tôi viết trước, nhưng người viết xin người đọc lượng thứ cho một điều : hãy quan niệm truyện tôi như bó củi; đừng quan niệm truyện tôi như một khu rừng, một cây to có cành, lá, hoa quả, tươi tốt, màu sắc. Xin đừng. Truyện của tôi như những khúc cây, tôi chỉ nhặt nhanh và bó lại rồi quăng ra phơi bày giữa ban ngày.

Tôi còn hình dung như một con đường bị chặt đi một đoạn, ngập nước và bùn, tôi nhặt những tảng đá, khúc cây, thấy người xếp thành lối đi. Tuy nó không là con đường nhưng nó cũng vẫn là lối đi.

Đoạn đầu truyện thuật lại một cuộc thảo luận của Trang với các bạn văn nghệ, trên một căn gác trong một ngõ-hẻm không tên. Người con gái trong truyện này ôm đồm cả đoạn đầu năm trang. Cô ta say mê nói như là muốn yêu tất cả những người trong căn gác và cả những người dưới đường. Để chiều ý các bạn, tôi đã *bịt miệng người con gái ấy lại*.

Nhìn nắm giấy vụn bay lả lơi lốc, tôi có cảm tưởng nàng đang dầy-dụa trong vòng tay tôi và tôi tự hỏi còn thân-phận tôi thì hiện tôi đang dầy-dụa trong vòng tay ai đây ? Vòng tay của Thủy, của Thảo, của Lệ hay của Trang... ? Của một cái tên nào đi nữa thì cũng vẫn chỉ là vòng tay của một người, của một chút xinh xắn kỷ-niệm.

Có lúc tôi sợ kỷ-niệm bởi có lẽ tôi có nhiều kỷ-niệm quá. Giấy xich sịch quẩn nhiều vòng xung-quanh. Tôi dằng co với nó. Muốn đoạn-tuyệt với

CƠN SỐT

Thảo với Lệ với Trang với Thủy... Tôi muốn không còn người nào trong vòng tay tôi cả. Tôi cũng không muốn nằm trong vòng tay người nào cả.

Đoạn phim đến chỗ đánh nhau. Quân lính hai bên đang xung trận. Tôi quay sang Thảo, nhờ ánh sáng của những trái phá lóe trên màn ảnh chiếu xuống soi vào mắt Thảo, tôi thấy tia nhìn của Thảo đẹp như một nhát dao. Tôi nghĩ nên bỏ ý định vùng vẫy ra khỏi kỷ niệm và tôi nói khẽ lẫn trong khói súng nổ: «anh vẫn yêu em như bao giờ». Có người chết trên màn ảnh. Thảo bịt hai tay lên mặt cúi xuống nói: «Thảo sợ!»

Ở rạp chiếu bóng ra, tôi đưa Thảo và người bạn về căn nhà của nàng. Từ già rồi tôi lên một chiếc xe buýt ra ngoại ô. Tôi định đi tìm nhà một người anh ruột. Gia đình anh có bảy người, hai vợ chồng và năm đứa con. Cả lương tháng của anh ít hơn lương độc thân của tôi. Thế mà gia đình anh cũng vẫn dư giả, còn tôi thì thiếu thốn luôn. Anh chị tôi hiếm con trai, có một đứa, nhưng anh chị tôi đều quý con trai con gái như nhau. Anh thường nói từ lâu rằng đời anh chỉ có mỗi một dự định là mua một chiếc Solex để chở mỗi đứa con đi một vòng phố vào mỗi buổi chiều.

Tôi móc mảnh giấy trong túi, đưa em đã vẽ các đường đi ngõ ngách tới nhà anh tôi. Nhìn mảnh sơ đồ, tôi đoán nhà sẽ khó tìm, nhưng tôi cũng phải cố. Từ lâu nay, tôi thiếu ràng buộc với những người thân yêu nên tôi phải đi tìm, để mình khỏi cảm thấy là cô đơn trơ trọi. Rất có thể là gặp nhau cũng chỉ trao đổi vài ba câu chuyện làm ăn, hỏi han vài điều trong thời gian đã quá xa nhau, nhưng như thế cũng đã đủ cho tôi yên tâm rằng tôi còn có những người thương đời sống tôi. Tôi sẽ không bơ vơ như tôi tưởng.

Tôi lại nghĩ tới một người anh nữa. Hắn làm thông dịch viên cho một cơ quan ngoại quốc. Hôm về tới Sài Gòn tôi gặp hắn là người thứ nhất trong họ, hắn vồn vã nói tôi:

— Bây giờ chú làm gì? vẫn thế à? Tôi hiện làm công việc nhàn lắm, ngày có 6 giờ. Mười lăm ngàn nhá. Vô tội vạ không liên quan. Minh có là người phát biểu đầu. Minh chỉ như một cái máy, dịch đúng như lời nó nói, câu nó viết. Không trách nhiệm, khỏi đứng phái, lập trường, thái độ gì ráo trọi. Lại được bảo đảm như người ngoại quốc. Cần quái gì. Thời đại này ấy mà. Minh có là người phát biểu đầu...

Tôi gấp mảnh sơ đồ bỏ túi. Người bạn về đến chỗ tôi. Tôi lấy 3 đồng đưa cho hắn. Hắn không đưa vé cho tôi. Tôi cũng chẳng đòi. Cần quái gì. Thời này ấy mà. Minh có trách nhiệm gì đâu...

Xe lúc này vắng khách, chỉ có hai người xe chạy như lao trên đường ra ngoại ô. Hai bên có hàng cây xanh lá. Người đàn bà ngồi ghế trước đứng dậy. Chị ta quay xuống nhìn tôi. Chị có khuôn mặt sáng ngời, làn da trắng xanh. Xe sắp ngừng, tôi hỏi vội:

— Có xuống đây?

Chị ta gạt đầu dịu dàng:

— Ông cũng xuống chứ? Xe chỉ còn mình ông.

Tôi trả lời chị nhưng là để trả lời mình:

— Tôi biết rằng không xuống đây, tôi sẽ chỉ còn một mình trên đường đi tới. Nhưng một mình tôi cũng phải đi tìm nhà anh chị tôi.

Chị ta cười mỉm đi qua tôi xuống phía cuối xe. Tôi nhận thấy thân hình chị không được tự nhiên, dáng đi như bị lệch lạc.

Người này thuộc loại đàn bà đã bị quằn quại nhiều dưới những sức phá phách.

Xe chạy tiếp, suốt đến cuối đường vẫn chỉ mỗi mình tôi, các hàng ghế bỏ-ngổ chờ đợi. Tự hỏi lòng mình cũng đang bỏ ngổ, chờ đợi cái gì đây?

Tôi xuống xe đi tìm căn nhà theo những nét vẽ chỉ lối trên mảnh giấy. Lối đi nhỏ và ngoắt-ngóe, đường ngang ngõ dọc, nhà cửa nhỏ ra thụt vào. Phía trước cửa mỗi nhà đều có hàng đậu. Con người bây giờ vốn thích ngăn cách từ những điều nhỏ nhất, thích phân chia từ những thứ còn con.

Nhà phần nhiều lợp lá, vách bằng ván gỗ kết hàng ngoại quốc. Có chỗ là những mảnh gỗ kết viện trợ còn nguyên những dấu hiệu của nó. Nhà nào cũng có quần áo phơi trước cửa hay trên những lan can thấp và chênh-vênh.

Ở những xóm như thế này thường xảy ra những truyện cái cọ to tiếng và những lúc ấy trong đám người đông đảo, người ta thường thấy nhiều trẻ con, đàn bà chữa và chó.

Hơn một giờ đồng hồ hỏi thăm không ai biết căn nhà định tìm, tôi đành trở về ra bến xe đi đường cũ.

Đến ngã tư chỗ người con gái chuyển trước xuống. Tôi thấy nhớ-nhớ khuôn mặt chị ta. Tôi hơi tiếc đã không bước theo chân nàng, đi bỏ phí hơn một giờ tìm kiếm cái không tìm kiếm thấy, bỏ qua thời gian hơn một giờ đồng hồ tuổi trẻ.

Tôi xuống xe. Ngã tư đông-đảo người qua lại, tôi quanh-quẩn vài con đường nhỏ, chui vào vài ngõ-ngách với hy-vọng đuổi kịp cái đã mất. Nếu tìm thấy chị đàn bà chung xe có cái cười gọi theo ấy tôi sẽ nói với:

— Lúc cô xuống xe, tôi cũng định bỏ giờ đoạn đường, nhưng lại thôi. Bây giờ thì tôi nói rằng lúc đó tôi đã đại-dột bỏ qua mất một cái gì.

Mong sao người đàn-bà nói được cho tôi một câu như thế này: «Em thì em nghĩ rằng mình đã đại-dột để cho một cái gì đó qua đi».

CON SỐT

Nếu đời tôi có được những câu như thế nói với, có lẽ lòng tôi cũng đỡ hoang vắng đi được phần nào.

Nhưng đến bao giờ chúng ta mới được gặp nhau ?

Tôi tiếp-tục luân-quần trong những ngõ hẹp, lâu rồi cái ý-định đi tìm chị đàn-bà chung xe cũng không còn nữa. Tôi quên cả cuối đường của những bước chân mình. Tôi bước những bước gấp-gheñh trống-trái, những bước chân hoang-vắng trong những lối ngõ rợn-ràng.

Ý-nghĩ tôi chuyển sang vấn-đề nhân-vật trong truyện từ lúc nào, tôi nghĩ đến những nhân-vật tôi đã xua ra ngoài đời. Tôi đã thúc-dẩy đánh-dập, lôi-kéo, đẩy-vô chúng lút bụi trên những dòng bản-thảo. Có nhiều người quen nói rằng vô-phúc cho ai bị tôi nhốt về làm người trong truyện, đúng là một thứ tù-nhân. Tôi thì tôi lại nghĩ rằng chính tôi mới là tù-nhân của những tù-nhân đó.

Tôi đi tìm kiếm nhân-vật của tôi qua những dáng-diệu của họ. Tôi muốn rằng mỗi người khi dẫm chân lên thân-thể tôi để bước vào bản-thảo, họ phải có một dáng-dấp riêng-biệt. Tôi thù ghét những gì là mẫu-mực. Tôi không thể chịu được những tác-phẩm đề ra một mẫu người cho thời-đại. Thời đại phải có nhiều mẫu người, nhiều mẫu người khác-biệt nhau, chống đối nhau, nghĩa là không có mẫu người nào cả. Phá bỏ đi những khuôn đúc để con người được tự-do nảy-nở. Tôi nghĩ sang một nhân-vật tôi đang xây-dựng cho một truyện dài, một nhân-vật tôi đã tạo nên, đã đánh chết, đã chôn vùi và lại moi lên nhiều lần mà vẫn chưa thành hình-thò. Những ý-nghĩ trong tôi dang-co nhau dữ dội làm tôi chưa quyết-định được số-phận nhân-vật đó. Tập truyện dài «niềm bóng tối» vẫn bỏ dở.

Trở về trung-tâm thành phố, tôi ghé tòa-soạn một tạp-chí lấy 800 tiền nhuận-bút rồi đi ăn cơm. Tạp chí này trả tiền bài vở sòng phẳng và có giá. Tôi mỉm cười một mình nghĩ rằng nếu viết những truyện ngắn nhiều trang để được nhiều tiền hơn. Nghệ-thuật đi trước mặt hay sau lưng cũng được.

Tối hôm ấy trở về nhà sửa-soạn viết bài nghiên-cứu đã định để kẹp-gửi cho một tạp chí quân-sự. Nhất định phải viết xong nội đêm nay. Tôi đã bỏ dở nhiều công chuyện rồi, đời tôi đã lỡ-dở nhiều rồi. Tôi phải làm lấy vài điều cho chu-toàn. Những Thảo, những Trang, tôi phải làm lấy vài điều cho chu-toàn. Những Thảo, những Trang, những Thủy, những Lệ, xin hãy yêu tôi và hãy ra khỏi hồn tôi lúc này. Hãy đi ngủ và hãy để tôi được yên thân lúc này. Hãy tạm lánh mặt tôi một thời gian đêm nay. Các người đã và sẽ ám ảnh suốt cả đời tôi cơ mà. Buông tha cho tôi một đêm, hồi kỷ niệm, hồi dáng dấp, hồi nhân vật muốn đời trong truyện.

Trong đêm thâu bên cạnh ngọn đèn, tôi vừa viết vừa nghĩ tới hình ảnh những người lính đang lặn lội trên những vùng biên thùy. Tôi nghĩ nhiều tới họ. Bài tôi nghiên cứu có liên quan nhiều tới họ. Tôi lấy họ làm đối tượng khi viết, những người đang ôm súng ngồi trên những đỉnh núi cao chót vót hay trong những rãnh nước rừng sâu, vấn đề của họ là an ninh cho những người sau lưng mình.

Tôi đã đi như họ nên tôi đã biết sự cần yếu của những nhu cầu vật chất. Chưa nói đến tinh thần, một vấn đề rất to lớn, rất quan trọng và rất khó khăn. Bài nghiên cứu chỉ định xét đến những nhu cầu vật chất thường ngày cho họ.

Tôi đã đi nhiều ngày trong rừng, leo núi. Những buổi sáng, thức giấc trong vùng núi non bao la và nhìn về hướng phải đi cũng chỉ là những đỉnh đồi chập chùng xa tit. Vì thế tôi đã lường được những quan trọng của quần áo, giày, dép, bát tất, mũ, thuốc muối, thức ăn và đạn... Làm thế nào để người lính tin được rằng họ ăn hết ngày lương thực mang trên người thì có những lương thực khác tiếp tế tới; làm thế nào để họ tin rằng họ bắn đến viên đạn cuối cùng thì kịp có những viên đạn khác đăng sau mang đến cho họ. Tất là làm sao gây được niềm tin tưởng và giữ được niềm tin tưởng ấy nơi những người lính biên cương. Sinh hoạt của chúng ta tùy thuộc những liên quan giữa các cá nhân trong đám đông.

Tôi hiểu những người lính đó. Tôi đã sống như họ nên tôi cũng đã có tâm trạng của họ. Tôi có thể chịu đựng được và tôi đã chịu đựng những gian khổ đến cùng cực, những thiếu thốn đói khát, một môi tiêu biểu nhất trong những khi phải dấn thân trên những ngọn núi thăm thẳm trường sơn kia. Những cực khổ đến phát khóc gọi mợ. Tôi đã chịu đựng được.

Những buổi chiều nghỉ phép về thành phố, tôi cũng đã sống trong hoang vắng của phố đông. Niềm cô đơn cũng đã cào xé tôi nhiều lần. Người đâu? Lệ, Thủy, Trang, Thảo đâu? Nhân vật đâu? Ràng buộc nuôi trong lòng với ràng buộc ngoài xã hội?

Thế nên tôi viết bài nghiên cứu với tất cả tấm lòng của tôi đối với họ, đối với tôi, với chính tôi. Bởi vì đó là vấn đề của chúng ta.

Sáng hôm sau tôi viết xong, lúc rửa mặt đi ăn sáng tôi nhớ câu này trong bài nghiên cứu: « chúng ta có nhiều nhân công nhưng thiếu thợ làm việc; chúng ta đông đảo người nhưng thiếu tinh thần ».

Rất có thể có nhiều người sẽ không bằng lòng vì tôi đã bị quan vấn đề. Nhưng thực ra là vậy. Chúng ta cần phải lo lắng lúc này. Khi ở hàng ăn về, tôi ngủ một giấc. Chiều hôm ấy đi lấy vé máy bay về ngoài Trung. Xong công việc tôi ra ngồi uống nước ở một hàng đường Lê Lợi. Tôi ngồi bàn ngoài hiên. Tôi nhìn phố đông, nói một mình. « Anh yêu em. Tôi ngồi bàn ngoài hiên. Tôi nhìn phố đông, nói một mình. « Anh yêu em và anh phải giải quyết vấn đề này. Không thể bỏ dở ». Tôi đã bỏ dở nhiều, đời tôi đã nhiều lần để công việc trôi xuôi không giải quyết. Bây giờ tôi

CON SỐT

phải thanh toán với chính tôi. Thảo ơi ! anh yêu em. Lời nói ấy thật thừa. Thừa như những người trên phố đông này. Anh yêu em dù là ở nơi đâu, lúc nào. Anh yêu em không phải như yêu một nhân vật trong truyện. Anh yêu em trong căn gác, góc phố, bãi biển, đỉnh núi và rừng sâu. Anh yêu em bằng máu và mồ hôi anh. Anh yêu cho tàn lụi cuộc đời anh. Kia Thủy, kia Trang, kia Lệ, kia nhân vật sao lại ủa đến tôi thế ? Hãy đề cho tôi yên. Hỡi nhân vật. Tôi có đòi hỏi gì đâu. Tôi có lợi gì đâu. Buông tôi ra. Tác phẩm lớn mà. Được. Tôi sẽ dừng. Nhưng buông tôi ra, tôi sẽ không trốn tránh nữa. Tôi sẽ không bỏ dỡ nữa. Tôi sẽ thanh toán với các người. Cũng như tôi sẽ thanh toán với chính trị. Tôi không sợ hãi đâu ! Nhưng khổ lắm ! khổ lắm ! Đừng. Đừng ủa đến tôi lúc này, hãy đề tôi yên lúc này. Hãy đề lúc này cho tôi yêu Thảo, để cho tôi yêu tôi. Tôi sẽ đề phần các người tất cả thời gian còn lại đời tôi. Để cho tôi được ngồi nghĩ tới Thảo. Được xao xuyến vì Thảo. Lúc này. Bởi vì Thảo không còn là truyện nữa. Tôi không muốn Thảo lẫn lộn với các nhân vật, với các người. Tôi muốn tách rời người tôi yêu và các người. Em ơi ? Thảo ơi ? Đờ khốn nạn ? Buông tha tôi ra. Để cho tôi yêu Thảo. Rồi tôi sẽ về với các người. Trong đêm thâu.

Kia, đã bảo đề cho tôi yêu. Tôi muốn tôi phải dứt khoát. Tôi phải làm xong xuôi mọi chuyện. Cả chuyện yêu Thảo nữa và chuyện các người. Ít quyết vấn đề của Thảo chứ. Rồi muốn gì hãy hay. Nếu không xong thì cũng bỏ lại một lỗ lã, một dở dang, một chưa xong, một thiếu sót, một sự chưa thành hình. Thì tình yêu của tôi cũng đã có bao giờ thu xếp xong đâu. Cứ gì là tác phẩm, riêng gì truyện các người. Cứ gì là người muốn tôi phơi tâm hồn các người trên giấy nhưng các người cũng phải đề tôi phơi thân xác tôi ngoài đường, phơi tâm hồn tôi trên thân xác Thảo đã chứ. Các người ích kỷ. Các người chỉ muốn đời các người được tôi gói ghém xong xuôi nhưng ai sẽ xếp đặt lại cuộc đời tôi bây giờ ? Tôi có bao giờ tự xếp đặt được cuộc đời tôi đâu. Bởi tôi còn phải xếp đặt cuộc đời người khác. Lệ, Trang, Thủy... ơi ? Nhân vật tôi ơi ? Xin hãy yêu tôi. Đừng cấu xé tôi. Đừng ôm chầm lấy tôi, khi tôi ôm chầm Thảo vào lòng.

Hãy đề tôi tự do thu xếp cuộc đời tôi. Khổ lắm ! Làm sao phân biệt được người yêu và nhân vật ?

Cơn mưa đổ xuống rào rào, gió từ góc phố ủa đến làm tôi thấy ớn lạnh, dạ thật tôi nổi gai ốc. Lũ người đi phố chạy mưa tán loạn, chúng nó nấp vào những mái hiên hai bên đường. Dãy ghế trong quán nước tôi ngồi đã hết chỗ. Từng bầy người xúm vào nhau nói truyện. Cũng có kẻ bơ vơ nhìn ra trời mưa.

Xung quanh tôi người đứng đờ người, tiếng nói ồn ào không bằng phẳng. Tôi thấy nóng bừng ở tai, ở mắt, cơn sốt như kéo đến. Tôi vùng

đường dầy chạy ra đường. Hai ba đứa đang đứng cùng chỗ để dành chiếc ghế tôi bỏ lại. Tôi xăm xăm bước dưới trời mưa. « Thảo ơi ! anh ướt mi mắt. Anh sẽ đến với em ». Đầu tôi nặng trĩu. Hai cánh cổng sắt đóng chặt. Tôi bấm chuông. Thảo nhìn qua cửa sổ. Thấy tôi nâng lấy áo mưa che đầu chạy ra sân. Cánh cổng mở. Tôi chui vào áo mưa với Thảo. Vừa đi tôi vừa nghe tiếng Thảo trong áo mưa : « Lần thứ nhất em thấy anh có một hành động ngờ ngẩn đáng yêu. Anh đã đến tìm em dưới trời mưa ».

Đến dãy hành lang, tôi choàng văng cả người vùng ra khỏi sự bao-bọc của Thảo. Tôi gục đầu vào tường. Thảo sờ trán tôi, kêu lên :

— Thôi chết! Anh sốt.

— Thôi chết! Anh sốt.
Thảo diu tôi vào giường. Tôi thả cho thể-xác mình ngã xấp xuống. Thảo buông hốt buồng mình cúi theo. Tôi nhắm mắt lại. Thảo nâng đầu tôi lên một chiếc gối. Tôi vẫn nhắm mắt. Thảo lấy khăn lau mặt và tóc tôi. Tôi vẫn nhắm mắt. Thảo tháo giày và thay quần áo khô cho tôi. Bàn chân ấm đắp lên người. Hơi ấm bắt đầu ngấm vào cơ thể tôi. Bàn tay lại đặt trên trán, bình như run. Tay Thảo run hay người tôi sốt run lên lúc đó tôi cũng không biết nữa. Tôi vẫn nhắm mắt. Tôi kêu lớn trong ý nghĩ «Mẹ ơi! Từ hai mươi năm, hôm nay tôi mới được một bàn tay săn-sóc. Mẹ bây giờ ở đâu. Tôi nhớ lại ngày xưa, hồi nhỏ, mẹ cũng đã săn-sóc tôi như thế.»

Thảo gọi điện-thoại mời bác sĩ rồi nàng đến ngồi cạnh tôi. Nàng ngồi yên như thế lâu lắm. Không biết có nhìn tôi hay nhìn đi đâu? Nghĩ gì? Tôi vẫn nhắm mắt. Đầu tôi càng lúc càng nặng thêm. Nhiệt độ khá cao.

Bác sĩ tới, hẩn nghe bệnh và tiêm thuốc cho tôi. Hẩn còn cho một ít thuốc uống. Thảo nằng đều tôi lên, tôi há miệng nhận lấy viên thuốc trên ngón tay Thảo. Nuốt bằng một ngụm nước. Tiếng bác sĩ nói về bệnh tình của tôi. Tôi nghe : «cô yên tâm, sáng mai sẽ hết sốt». Rồi hẩn kiêu từ nằng ra về. Thảo đưa tiễn hẩn ra cửa. Tôi nằm nghĩ «Sao hẩn lại biết được trong người tôi, hẩn lại quả-quyết được về số-phận tôi, trong khi chính tôi không biết được gì về số-phận tôi cả».

Tiếng máy xe hân nở ngoài đường, tôi cố nghĩ đến hai ngọn đèn pha của một chiếc xe bật sáng lên. Chiếc xe chuyển bánh và mất hút nơi cuối đường. Gió cuốn theo xe...

Tôi bị gió cuốn theo lòng-lợc. Tiếng gió vù vù vừa xa xôi vừa gần gũi. Bên dưới toàn những gò mả lổm-chổm. Tôi vận-dụng hết sức mình cố quơ, lại mà không đứng vững. Thề xác tôi như một mảnh gỗ lăn đi không tự-ý mình. Tôi chơi vơi đảo lộn, đầu đập phải những bia đá trên

CƠN SỐT

những ngôi mộ. Đau nhói. Tôi đọc thoang thoáng thấy tên những anh hùng trên các tấm bia. Có cả những lời tuyên-dương công-trạng ghi bằng chữ vàng chói-lọi. Nhưng mờ-mả thì vẫn xù-xi cảm-nin. Gió vẫn thổi, tôi lộn theo với một tốc độ khá nhanh. Chợt tôi nhận thấy phía sau tôi có một tấm cánh cửa đang lộn nhào bay theo tôi phía tôi. Nó sắp đuổi kịp tôi, không phải là cánh cửa, mà là một mảnh ván quan-tài. Tôi mừng quá vì tôi không còn cô-độc. Tấm ván bay ngang kịp tôi, tôi nhào người bám lấy nó. Tôi trèo lên ngồi trên nó. Tấm ván lướt đi mang theo tôi trên mình vững-vàng. Lúc đó tôi mới chú ý nhìn quanh mình. Phía dưới vẫn là mờ-mả. Tôi thấy có những cánh tay xương xẩu từ dưới đất thò lên chơi với quả-quang định vùi tôi xuống làm tấm ván và tôi có lúc chao đi. Tôi rút phát thanh gươm, chém lia-lịa vào những cánh tay ấy. Tiếng phăm phạp va chạm đến ghê người. Có lúc tốc lửa vì gươm của tôi chém mạnh phải những khúc xương. Vẫn tua-tủa những cánh tay với chêm, cánh đồng mờ-mả vẫn mênh-mông, rừng cánh tay xương xẩu vẫn níu tôi, tấm ván cứ bay và tôi vẫn phải chống-trà.

Bỗng tấm ván và toàn thân tôi xô vào một cái cột đánh âm. Tôi rơi xuống một bãi cát rộng. Người đông đúc xúm quanh một đừa ý chừng là một ông vua. Tôi thấy y ngồi bệ-vệ trên cao. Y đang ra lệnh. Vun đang phán bảo. Đứng sát chung quanh vua là các đại-thần. Từ vua cho đến các đại-thần đều quần áo giống nhau, trên đầu đội cùng kiểu mũ. Tiếng vua phán:

— Hỡi các người. Ta muốn các người sẽ được thanh-thời sung-sướng. Ta không muốn thấy ai khổ-sở. Muốn thế các người phải nghe ta, ta sẽ dẫn các người tới thiên-đàng.

Đám đông lắng tai nghe, vua nói đến đây thì các đại-thần hô lớn:

— Hoan hô Hoàng đế. Đức Vua muôn năm. Đám đông hô vang dậy một góc trời.

Vua mỉm cười liếp:

— Trước hết chúng ta phải thanh trừng những kẻ từ chối sự sung-sướng của chúng ta, những kẻ không theo chúng ta.

Bây giờ các người hãy làm theo lời ta. Ta sẽ phát dụng cụ và vải để các người may quần áo như ta và các quan đại thần mà mặc; làm mũ như mũ ta và các quan đại thần mà đội.

Có tiếng bàn tán ồn ào. Các quan đại thần bèn la lớn để giữ im lặng.

Mỗi người trong đám đông đều được phát vải và kim chỉ để may quần áo và làm mũ. Đám đông khởi công liền ngay trên bãi rộng, của ai người ấy may, đàn bà con trẻ bắt kẻ ai cũng phải tự làm lấy. Những cánh tay thoăn thoắt. Phút chốc tất cả đều xong.

Lúc đó nhà vua phán cho các quan đi kiểm soát. Các quan đi xúi dục dân chúng tố cáo lẫn nhau, những kẻ may không giống kiểu. Lập tức

một số người bị tổ cáo bị lừa sang một bên.

Nhà Vua, chỉ vào mặt đám người lơ nhố ấy phán bảo mọi người rằng :

— Bọn này là quân phản động. Chúng chống lại bọn chúng ta. Chúng không muốn sung sướng. Hãy thủ tiêu chúng.

Nhà Vua, các quan đại thần và đám đông ùa đến chém giết bọn người quần áo may không giống. Phút chốc bọn người đó đã rơi đầu, phanh thây, chết ngón ngang. Những thây ma, mắt trợn trừng, răng cắn chặt, được vun gọn lại thành một đống lớn như một trái núi. Máu chảy xối mòn đất men theo xuống phía thung lũng thành một dòng sông.

Tiếng reo hò đặc thảng vang dậy. Nhà Vua lại được tung hô vạn tuế, Bỗng tất cả im phắc, vua phán :

— Các người đã thành công, bây giờ ta dẫn các người đến Thiên đàng của ta. Ở đó các người sẽ được sung sướng. Vua đi trước rồi đến các đại thần. Đám đông theo sau. Rầm rộ đi đến nơi sung sướng.

Nơi sung sướng là một vùng rộng lớn xung quanh có thành xây cao và kín bưng vun và đám đông vào trong đó đóng cửa lại, khoá trái ném chia xuống cống nước, và hương-thụ.

Trong đó tất cả các nhu-cầu đều đã do khoa-học tạo-thành. Sản-xuất bằng máy móc và chia đều cho tất cả những ai đi hoan hô và đả-đảo.

Tất cả mọi cử-chỉ, hành-động, ăn uống, vui chơi, thức, ngủ, ca hát... đều được ấn định bằng những tiếng còi.

Những ngày đầu tôi cũng thấy dễ chịu. Về sau tôi thấy chán mửa. Thiên đàng buồn thiu vì vô dụng. Tôi không thể ăn, uống, ngủ, nghỉ, vui chơi ca hát theo giờ giấc và tiếng còi. Nhất là tôi không thể chết theo tiếng còi. Tôi thấy nhớ-nhung một cái gì mơ-hồ xa-xôi... Tôi lẳng suy-nghĩ đề-tướng-nhớ lại. Tôi bỏ ăn và tôi biếng ngủ. Tôi không thể sống được nếu mục-dịch ở đời chỉ có thế.

Thấy tôi thờ-thẫn đứng ngoài đám đông, vua trở tôi thét lớn :

— Tên phản động kia. Mi muốn gì vậy ? Lúc đó tôi chợt nhớ ra cái điều tôi nhớ-nhung quyến-luyến. Tôi lật mủ trên đầu mình vứt đi và la lớn :

— Thảo ơi ! Em ở đâu ? Anh nhớ em vô-cùng.

Vua và các đại thần cùng dùng dùng nổi giận đổ đến phía tôi. Tôi cất cẳng chạy thật nhanh. Đám đông rầm-rộ đuổi tôi. Chúng nó ném đá tôi. Chúng nó chửi rủa tôi. Mồ hôi tôi toát ra ướt đầm-đìa. Tôi vừa chạy vừa liếm môi và thấy miệng đắng ngắt.

Trước mặt tôi là bức tường-thành cao kín, đằng sau là bạo lực và thiên đàng của nó.

Tôi lấy hết sức mình phóng về trước mặt, may sao tôi bay qua được bức tường thành, rơi đánh bùm xuống một dòng nước. Nơi đây trời đất tối-tăm. Mặt trời đã bị đập vỡ. Dòng nước lạnh lẽo và tanh-hôi. Tôi cố sức bơi qua bên kia. Lặn mò một hồi lâu tôi sờ-soạng thấy một bức

CON SỐT

tường nữa. Tôi xắn quần trèo lên. Nhiều lần ngã nhào vì tường đứng xù xì và trơn. Tay tôi cào-cấu cố móc vào tường thành để đu lên phía trên. Lặn lội mãi tôi mới bám được lên bờ thành.

Phía bên kia có ánh sáng. Tôi đã đứng hẳn cả người trên tường cao chênh vênh. Tôi chú ý nhìn xung quanh. Phía dưới trước mặt lại có dân chúng. Tôi phát sợ dân chúng. Tôi quay lại phía đằng sau. Thì ra tôi đã vượt qua hai bức tường và một con sông. Phía bên kia còn đang âm-âm tiếng vua quan và đám đông nguyên rủa tôi. Tôi lắng nghe họ chửi lấy da thịt tôi.

Nhìn hai bức tường cao song-song nhau xây dày và kiên cố. Bên trên lại có hàng rào dây-đặc. Nhìn kỹ hàng rào toàn xương người.

Tôi gục đầu nhìn lại mình, hốt hoảng tôi thấy người tôi ướt đầm máu. Hình hài hôi-hám tanh-trưởi. Thì ra con sông tôi lội qua vừa rồi là con sông máu.

Chợt có tiếng người gọi tôi ở phía dân chúng dưới kia. Nhìn kỹ hóa ra là Thảo. Thảo đang vẫy tôi. Tôi vui mừng tìm được nụ cười. Tôi vẫy nàng.

Tôi cởi bỏ hết bộ quần áo đầm máu lấy tay phủi sạch thân thể mình, sụt xuống dưới dân chúng với Thảo lúc xuống khỏi mặt thành tôi hết nghe tiếng nguyên rủa của vua quan và đám đông bên kia.

Thảo lau mình mây cho tôi và nàng mặc cho tôi một bộ Pyjama của nàng. Hơi Thảo truyền sang ngấm vào tôi. Tôi thấy mình ấm lên được phần nào.

Thảo dẫn tôi đi vào trong dân chúng. Tôi thấy có người cười với tôi. Họ nhìn tôi và Thảo khoác tay nhau đi trên hè phố.

Chúng tôi bỏ ra về đến một khúc quẹo vào một con đường nhỏ và ngắn, thình lình từ trong bụi cây có một kẻ lạ mặt xông ra đập tôi xấp xuống đất. Máu mũi tôi rỉ xuống mép. Tên lạ mặt cúi xuống đỡ tôi dậy, tôi thấy lưỡi liềm dòng máu mũi đang chảy. Tôi nếm máu tôi ngon ngọt.

Thấy thế tên lạ mặt thộp ngực tôi và gấn lên đây một chiếc huy chương. Hấn cái vào da ngực tôi khiến tôi đau đớn thét to.

Tôi tỉnh dậy sau tiếng thét to. Thảo ngồi ôm mặt khóc cạnh tôi. Mồ hôi tôi ra đầm đìa, chân tay rời rã. Tôi nắm lấy bàn tay Thảo. Thảo ngàng mặt hết khóc. Liếc thấy chiếc áo cánh đỏ Thảo đang mặc trên người, tưởng máu, tôi rú lên vùng ngồi dậy tát Thảo hết sức mạnh. Thảo chảy máu mồm ôm tôi khóc theo. Tôi tỉnh hẳn và thấy mình có mặt. Thảo chảy máu, Thảo ôm tôi khóc và như thế Thảo cũng có mặt. Tôi thì thào bên tai nàng :

— Anh xin lỗi. Anh ảo tưởng và đau đớn quá nhiều nên anh đã sống như điên khùng...

THAO TRƯỜNG

Thảo nói nhô trong ngực tôi.

— Anh trở về hiện tại với em. Chẳng cần gì khác. Chúng mình yêu nhau là đủ.

Tôi vừa khóc vừa nói :

— Anh chấp nhận thực tại. Từ nay anh ở lại hẳn với em.

Thao Trường

nhân vật tiểu thuyết

VÔ PHIẾN

Công việc sáng tác thường được ví với việc sinh sản. Người ta nói nghệ sĩ này đang «thai nghén», nghệ sĩ kia đã «đẻ», đã cho «ra đời» vài ba tác phẩm... «Đẻ ra một bài thơ», cách nói ấy bóng bẩy, văn chương quá. Cái đẻ thật phải là đẻ ra sinh vật, ra người chẳng hạn. Hiểu như thế thì công việc của người viết tiểu thuyết thật là hợp với tiếng ấy, bởi vì nghề của họ là sinh đẻ liên miên, đẻ ra người hẳn hoi, gọi là nhân vật, là vai truyện.

Người làm thơ có thể không cần biết tới ai ngoài mình, không cần nói tới ai ngoài mình, tới những gì ngoài cảm xúc tư tưởng của mình. Người viết phóng sự vẽ truyền thần chữ không cần phải sinh sản ra ai. Những kẻ làm nhạc danh tiếng nhất từ xưa đến nay cũng không cho ra chào đời một nhân vật nào. Còn lại các nhà viết kịch, các họa sĩ và các người viết tiểu thuyết, những người này thì phải đẻ.

Những người viết kịch chỉ chú ý đến nhân vật của mình khi họ mở miệng ra nói. Ngoài ra dù họ có yêu tha thiết đến bao nhiêu mà cứ câm lặng, dù họ có lăn quay ra chết cũng mặc kệ nếu họ không chịu lên tiếng. Người vẽ, người tạc tượng nghiên cứu nhân vật trong một tư thế nào đó, ở vào một cảnh trí, một thời gian nhất định nào đó mà thôi, nhân vật trong tranh không cử động và cũng không có thì giờ để lớn lên và già lẫn trong tác phẩm. Còn nhân vật tiểu thuyết thì quấy rầy tác giả khi họ nói cũng như khi họ không nói, khi nằm yên cũng như khi họ vùng vẫy cử động, từ khi họ ra đời cho đến khi họ già lụ khụ, họ hen, họ ốm, rồi chết. Cho nên có lẽ trong số những người làm công việc sáng tạo nhân vật do mình đẻ ra.

Có những tiểu thuyết gia xây dựng tác phẩm của mình khởi đầu bằng hình ảnh một nhân vật. Mãi tới tháng 10 năm 1866 Dostoievski mới bắt đầu đọc cho cô thư ký chép tốc ký câu chuyện *Người đánh bạc*, mà từ tháng 9 năm 1863, nghĩa là trước đó hơn ba năm, ông đã có sẵn nhân vật chính của truyện ấy rồi. Trong bức thư từ La-mã gửi về cho một

người bạn là Strakhov, ông nói: «Đề tài như thế này: một mẫu người đặc biệt, hạng người Nga ở ngoại quốc (...) Tôi vẽ ra một người tánh tình hoàn toàn cởi mở (...) Hẳn mất hết tin tưởng (...) Hẳn (...) Hẳn (...). Nhưng tôi không thể nào kể hết trong thư cho anh được. Nhân vật chính rất là sống, tưởng chừng như tôi đang trông thấy hẳn ngay trước mặt tôi». Cái làm bạn tâm Dostoïevski trước nhất không phải là một luận đề luân lý chính trị, xã hội...: ông ta chỉ nói về tới đến một nhân vật độc đoán mà ông ta rất khoái, và hình dung ra rất rõ ràng trong trí.

Trong quyển *Anna Karénine*, Tolstoï có nói về cách sáng tác của một họa sĩ. Người này phác qua nét mặt một người đang cơn giận, rồi vứt tấm hình đầu đó cho con chó, sau có dịp cần đến lại tìm lược lên, ngắm nghía, sửa chữa thêm, trong khi sửa như thế ông ta chợt nhớ đến cái cảm nhớ ra của người đàn ông bán thuốc xi gà cho mình vừa rồi và tức thì bức hình mượn và cái mặt cương quyết có đường nét dữ dội của người ấy, và bức vẽ phác không còn là một vật mơ hồ, một vật chết nữa, nó linh động và trở nên sống hẳn,» Đề tài bức vẽ là cơn giận, nhưng việc biểu hiện cái giận ấy thành công được là nhờ ở nét mặt có cá tính của một nhân vật rõ rệt. Rồi trong khi người họa sĩ bước vào xưởng vẽ trông thấy cặp nhân tình Anna Karénine đang đứng nhìn mình, người họa sĩ lại quan sát Anna, ghi lấy dáng bộ của người thiếu phụ ấy trong trí chờ có cơ hội sẽ dùng đến trong việc xây dựng một nhân vật nào đó trong một bức họa tương lai. Chúng ta đoán Tolstoï cũng ham quan sát người xung quanh, ham sưu tầm các đặc điểm về hình dạng và tâm lý, ít nhất cũng bằng người họa sĩ của ông ta. Nếu không thường xuyên tìm kiếm mẫu người như thế làm sao ông ta có đủ tài liệu để vẽ nổi 559 nhân vật trong bộ *Chiến tranh và hòa bình* trong đó người nào cũng có bộ mặt riêng.

Ở mọi người cầm bút, tùy theo quan điểm riêng, tha hồ kẻ thì đòi hỏi một tâm hồn cao thượng, người thì đòi hỏi một lý tưởng cao xa, một đức liêm khiết, một tinh thần đa cảm v.v..., riêng ở tác giả viết tiểu thuyết tưởng bất kỳ theo quan điểm nào cũng thấy cần một lòng thương mến những con người đối với đồng loại, họ phải có cái say mê thích tìm hiểu, thích ngắm nghía, tìm tòi tò mò thu nhặt từng những nét tâm lý cao quý cho đến những tật lấm cằn ngô nghê, những cử chỉ vụng về ngược ngáp. Họ mê người chứ không phải mê người đẹp, bất cứ là người nào cũng hấp dẫn được họ. Họ mê người như có kẻ mê sách quý, mê đồ cổ, mê tem... Họ rình rập và lấy làm thú vị khi bắt gặp được một khuôn mặt độc đáo, một cử chỉ bất ngờ giúp họ hiểu được tâm lý một hạng người, một dáng bộ, một câu nói bộc lộ được một cá tính, như mở cửa cho họ bước vào gặp một tâm hồn... Những mẫu người do họ góp tìm rải rác khắp cuộc đời như thế lần hồi ngày một ngày hai bị phân hóa ra trong ý thức họ, rồi hỗn hợp lại, tượng hình, đầu thai thành những nhân vật mới, được để vào giữa các tác phẩm của họ, đem đến cái sinh khí cho tác phẩm.

NHÂN VẬT TIỂU THUYẾT

Cần phải có những nhân vật có cá tính rõ rệt, những nhân vật sống linh động, thực, để làm cho tác phẩm có sinh khí. Còn tác phẩm ấy nói về cái gì — đặt một vấn đề xã hội, triết lý hay chính-trị — cái đó tùy ý.

Lòng mến yêu đồng loại ở nơi con người thật là mạnh mẽ. Trong tác phẩm nghệ thuật không nên để vắng mặt con người, thay vào những hình nộm. Quần chúng độc giả bao giờ cũng mong chờ gặp trong quyển tiểu thuyết những con người thực, có gì gần gũi với mình. Trong tội ác và trừng phạt, Raskolnikov có thể giết người vì một lý do triết lý cao siêu gì mặc chàng, nếu tác giả không diễn tả đúng ghê gớm những cảm xúc kỳ lạ của chàng lúc cầm búa tự sát và trong những ngày khắc khoải sau đó như Dostoïevski đã diễn tả thì quyển truyện cũng không thể có giá trị như vậy. Cho đến cái tính e thẹn, mỗi lúc mỗi đỏ mặt của Sonia, cái nóng nảy bộp chộp trực tính của Rasoumikhine... thực ra không ích lợi gì cho triết lý của câu chuyện, nhưng nó làm độc giả có cảm tưởng được tác giả đưa vào một xã hội có thật. Người đọc tiểu thuyết không thích bị đưa đi quá xa vào cái thế giới lạnh lẽo của ý tưởng thuần túy đến nỗi mất liên lạc với xã hội loài người. Đi đâu thì đi, hãy để cho họ còn được tiếp xúc với cuộc sống âm ập của những con người thực, hãy để cho họ được nghe những tiếng hò hẹn, tiếng khạc nhổ, tiếng cười nghịch của sinh hoạt xung quanh, được trông thấy cái nốt ruồi ngộ nghĩnh dưới cổ ông A, tật nói lắp của ông B v.v... Hãy để cho họ tiếp tục được gặp những con người thực, như họ đã trông thấy ngoài đời, đừng bị xuyên tạc, giản lược đi, biến hình biến dạng đi vì một chủ đích nào.

Vì đồ thậm chí có những tác giả thiết tha với những nhân vật mình đến nỗi nhất định không chịu để cho họ phải vất vả phục vụ một chủ đích nào trái với bản tính họ. Để ra nhân vật nhưng từ chối quyền tự do. Tác giả tạo ra một nhân vật có cá tính hẳn hoi, mở đầu quyển truyện cho nhân vật ấy khởi sự cuộc đời, rồi kết cục cuộc đời sẽ ra sao là tùy nhân vật tự định liệu lấy. Nhân vật cứ làm chủ lấy định mệnh của mình và tự do hành động theo bản tính, tác giả không muốn xen vào để tự tiện hướng cốt chuyện cho hợp luân lý, đạo đức, hợp với luận đề một cách đoá đoán trong diễn biến cốt truyện có thể rằng nhân vật sẽ gặp khó khăn, sẽ có những hành động để tiện xấu xa mà thực lòng tác giả muốn tránh, có khi họ sẽ nhúng tay vào máu khiến nhân giả phải đau lòng, có khi đối diện người yêu tưởng sắp sửa hôn nhau mà rồi cuộc rồi hóa ra hôn thù nhau, tác giả cũng đành chịu vậy v.v... Charles Plisnier bảo rằng «bắt họ làm theo ý mình muốn thì dễ như nhân chữ có khó gì. Nhưng ngay từ khi tiểu thuyết gia bắt buộc nhân vật làm theo ý mình (...) thì, theo tôi, người ấy không còn là một tiểu

thuyết gia chân chính nữa bởi vì bốn phần đầu tiên là phải vâng lời».

Vâng lời những nhân vật tưởng tượng do mình đặt ra ? Các cụ chúng ta . ngày xưa không thể nào ngờ đến một sự nhu nhược như vậy. Để cho hợp với luân thường đạo lý, để cho thiện thắng ác trung thắng nịnh, các cụ có thể giết chết nhân vật mình dễ dàng, có khi còn cho cọp ăn, có khi cho thiên lôi đánh, như thế các cụ còn kiêng gì chuyện điều khiển nhân vật (Điều khiển được, giết chết được là chuyện tương đối dễ, đến như làm cho sống lại mới khó, thế mà ngày xưa tiểu thuyết gia vẫn cứ làm được. Lại như chuyện Khương-Linh-Tá bị chém rụng đầu tự xách đầu mà chạy mới khiếp chứ !»

Đối với quan niệm giản lược đề uốn nắn tâm lý nhân vật theo nhu cầu của cốt truyện trong phần nhiều tiểu thuyết xưa, quan niệm của Charles Plisnier nhắc ta tôn trọng sự thực tâm lý đề cho các nhân vật không có vẽ những hình nộm mà được sống động. Lời nói của Charles Plisnier chắc có kẻ cho là quá đáng, nhưng vẫn có chỗ hữu ích, bởi vì thực tình chúng ta vẫn thường bị cái thói quen bắt nhân vật chịu theo cốt truyện quynh rữ. Chúng ta thường nói : «Độc này tôi bí đề tài», chứ không nói «...tôi thiếu nhân vật». Làm như có đề tài xong chúng ta có thể tha hồ vẽ ra nhân vật và điều khiển họ như hồ hoán âm binh. Chúng ta không ngờ rằng nhân vật tiểu thuyết vốn hèn lấm : họ không chịu hy sinh cho cốt truyện, cho luận đề, cho ý tưởng cao đẹp nào cả. Thật là «hèn như nhân vật tiểu thuyết». Ép họ hy sinh như thế thì họ chết non không kịp thành nhân dạng, đã thiệt hại cho họ mà «việc lớn» cũng không thành. Chỉ bằng cứ đốc tâm trí chăm sóc họ cho «nên người» rồi nhẹ nhàng khuyên nhủ họ, hướng họ về con đường ta định mà vẫn dành một khoảng rộng rãi cho sự phát huy tự do cá tính của họ. Như thế là ta cố gắng dung hòa cái nhu nhược của Charles Plisner với cái độc đoán của các cụ ngày xưa.

Tuy nói vậy, cái nết độc đoán cũng không hẳn là thuộc về thời xưa. Hiện nay nhiều nhà triết học vẫn hay dùng tiểu thuyết để diễn đạt tư tưởng, và dĩ nhiên là bao nhiêu nhân vật của họ đều phải «phục vụ» cả. Họ vẫn thành công và được hoan nghênh, nhưng là vì giá trị sâu sắc của tư tưởng hơn là vì giá trị tiểu thuyết. Thật ra bản chất tiểu thuyết không có gì đối kỵ với tư tưởng, miễn là tư tưởng đừng thủ tiêu đừng hút hết máu tươi và da thịt của nhân vật để chỉ còn lại những bộ xương khô. Đã không đối kỵ, nó còn cần đến tư tưởng nữa là khác. Ở những tác phẩm lớn của nhân loại về tiểu thuyết, tư tưởng cao sâu đều có cái duyên may gặp được những nhân vật sống, có cá tính, mang ra phổ diễn. Nhân vật-linh động là điều cần thiết, nhưng chưa đủ để làm ra tác phẩm vĩ đại. *Chiến tranh và hòa bình* của Tolstoi không phải chỉ vĩ đại vì

NHÂN VẬT TIỂU THUYẾT

559 nhân vật linh động mà còn vì cái nhiệt tình khiến tác giả nhiều lần bất chấp kỹ thuật, ven vào biện luận bừa trong truyện ; ở những tác phẩm khác của ông và của Dostoïevski (đề chỉ kể hai bức thầy không có tranh cãi) cũng thế. Nếu biết rằng chúng ta chỉ thường thờ họ ở cái tài vẽ người linh động mà không đếm xỉa đến những khát khao quân quốc những bản khoan thiết tha tràn đầy tác phẩm họ, chắc họ sẽ khinh và giận chúng ta vô cùng.

vô phiên

cảnh tuyết ở kilimanjaro

ERNEST HEMINGWAY

THE SNOWS OF KILIMANJARO

The Snows of Kilimanjaro là một truyện ngắn kinh điển nhất thế giới: chỉ riêng các nhà làm phim ở Hollywood đã phải trả cho tác giả của nó 125.000 dollars (gần bốn triệu rưỡi bạc V.N) để mua bản quyền quay thành phim ảnh. Nhưng truyện ngắn này cũng còn được coi là «master piece» của Hemingway vì nó là câu chuyện tâm sự của đời ông và ông đã đem vào trong đó tất cả kỷ niệm đời ông đã sống, tất cả hệ thống triết lý về cuộc đời và cái nhìn sinh quan phức tạp của ông. Nhân vật của Hemingway bao giờ cũng là những người trơ trọi trong đêm đông vì kiểu hình và thường thấy sự chiến thắng trong niềm thất bại. Harry ở trong truyện ngắn này đại biểu cho tất cả những nhân vật của tiểu thuyết Hemingway. The Snows of Kilimanjaro là một truyện tâm sự của tác giả bởi vì năm ngoái đây, một thanh niên Pháp đi du lịch bằng xe scooter vòng quanh thế-giới, khi đến Cuba để gặp nhà văn-hào kể cho ông nghe những ngày anh ta lưu lạc ở dưới chân ngọn núi tuyết Kilimanjaro thì Hemingway đã tuyên bố: «Tôi sẽ trở lại Phi-Châu và chết như nhân vật tôi đã viết.»

Về phần phiên dịch, bản Việt-ngữ này dịch từ nguyên bản tiếng Anh in-hành trong tập The Hemingway Reader do nhà Charles Scribner's Sons, New York, xuất bản 1953. Người đọc đã tìm thấy trong bản dịch này nhiều câu rất dài giống rất câu kỳ hoặc có khi không còn là Việt-ngữ nữa (những chữ ngoại quốc — tiếng Pháp và tiếng Mũi — mà tác giả dùng, ở đây vẫn giữ nguyên) xin hiểu đó là dụng ý của người dịch muốn cố gắng biểu diễn một phần nào lối viết của Hemingway, một lối viết mà người ta cho rằng đang gây ảnh hưởng sâu đậm nhất trong đêm nhà văn thanh niên trên thế giới hiện thời.

NGƯỜI DỊCH

CẢNH TUYẾT Ở KILIMANJARO

Kilimanjaro là một ngọn núi tuyết phủ cao 19.710 m và được kêu là ngọn núi cao nhất ở Phi-Châu. Đỉnh núi phía tây người Masai gọi tên là « Ngô Je Ngô », căn nhà của Thượng Đế. Sát với đỉnh núi phía tây có đám sương đã khô của một cơn bão. Không ai đã cất nghĩa được loài báo lên tới độ cao như thế để tìm kiếm gì.

— Cái điều tuyết diệu là như thế đấy, thật chẳng đáng chán tý nào cả, gã nói. Đó là cách người ta biết khi nào thì nó bắt đầu.

— Thật à ?

— Chứ sao. Ngoài ra anh cũng rất khổ vì cái mùi đó. Như thế chắc phải làm em phiền lòng.

— Đứng, em xin anh đứng...

— Nhìn chúng kia. Bây giờ thì ta tự hỏi : không biết là vì nhìn thấy hay là vì cái mùi đó đã khiến chúng kéo lại như vậy ?

Cái giường trên đó người đàn ông nằm ngộp trong bóng mát rộng lớn của một cây trich-nữ và khi gã nhìn qua bóng mát ra cái ánh sáng chói lóa của cánh đồng bằng thì có ba con chim lớn nằm rạp xuống một cách dăm ó trong khi trên trời một lá những con khác đang lượn làm thành những bóng rợp khi chúng bay qua.

— Chúng ở đây từ ngày chuyển xe đồ bị chết máy. Hôm nay là lần thứ nhất anh được thấy có con đậu xuống đất. Lúc đầu anh quan sát chúng bay rất kỹ lưỡng để nhớ có khi nào đem chúng vào trong một truyện ngắn. Bây giờ thấy điều đó thật là kỳ cục.

— Em xin anh đứng nói nữa.

— Anh đang nói truyện mà. Khi anh đang nói truyện thì đỡ mệt hẳn đi.

Nhưng anh không muốn làm em phiền lòng. — Anh thừa biết là em không phiền lòng tý nào cả, nàng đáp. Có điều chỉ làm em giận là không có thể làm được việc gì cả. Em tưởng chúng ta phải dàn xếp cho xong với nhau cho tới khi máy bay tới.

— Hay là cho tới khi máy bay không tới.

— Em xin anh làm ơn cho em biết em có thể làm gì. Nhất định phải có cái gì em có thể làm được.

— Em có thể cưa chân anh đi, thế chắc sẽ hết đau đớn, mặc dầu anh rất nghi ngờ điều đó. Hay là em có thể bắn anh đi. Bây giờ em bắn giỏi lắm rồi. Anh đã dạy cho em biết bắn mà, có phải không ?

— Xin anh đừng nói thế nữa, em van anh. Em đọc cho anh nghe nhé ?

— Đọc gì ?

— Bất cứ cuốn gì trong gói sách mà ta chưa đọc tới.

— Anh không thể nào nghe được. Nói truyện là giản dị nhất. Chúng ta cứ cãi nhau mãi và thế chỉ làm cho thì giờ trôi qua...

— Em không cãi nhau. Em không bao giờ muốn cãi nhau cả. Vậy

chúng ta đừng cãi nhau nữa. Hệ thần kinh của ta có làm sao đâu. Có lẽ họ sẽ trở lại với một chiếc xe khác. Có lẽ máy bay sẽ tới.

— Anh chẳng còn muốn cử động nữa. Bây giờ thì chẳng có nghĩa gì là cử động cả trừ ra để làm em dễ chịu hơn mà thôi.

— Hèn nhát!

— Thế em không thể để cho một người được chết yên tĩnh như ý hẳn muốn à?

— Nhưng anh không phải là người sắp chết.

— Đừng có vớ vẩn. Bây giờ anh đang chết đây. Thử hỏi mấy con chim khốn nạn này xem.

Gã đưa mắt nhìn ra ngoài lều nơi những con chim lớn ngồi chồm chồm, đầu chim vào đám lông cừ. Một con thư tu sà xuống, nhảy nhót rồi bước lạch bạch về phía ba con kia.

— Chúng loanh quanh ở các lều vải. Người ta chẳng bao giờ chú ý đến chúng. Người ta không thể nào chết được nếu người ta không từ bỏ.

— Được được điều ấy ở đâu thế. Em thật điên quá.

— Anh có thể nghĩ về một người nào khác.

— Chưa ơi, gã kên lên, thì đó là nghề của tôi mà.

Nói đoạn gã nằm yên lặng và nhìn qua cái khi nóng lấp lánh của cánh đồng cỏ cho tới bờ những bụi cây. Có một vài hoa linh dương nom nhỏ li-li, trắng vàng lẫn lộn, và ngoài tít xa gã nhìn thấy một đoàn ngựa vằn trắng lẫn vào màu xanh của những bụi cây. Đây là một tốp lều thoải mái nằm dưới những bóng cây cao dựa vào sườn đồi, nước thì lạnh và ở gần, một hồ nước trong có những con bọ nước tung tăng vào những buổi sớm mai.

Nàng hỏi :

— Anh có muốn em đọc cho anh nghe không?

Nàng đang ngồi ở chiếc ghế bố bên cạnh giường gã.

— Có gió hiu hiu đấy.

— Không, cảm ơn em.

— Có lẽ xe sẽ tới.

— Anh không kỳ vọng nhiều lắm ở chiếc xe.

— Em cũng vậy.

— Em thì lúc nào cũng kỳ vọng vào mọi thứ mà anh không khi nào nghĩ tới.

— Không hẳn vậy đâu, Harry.

— Thế nào, uống rượu được chứ?

— Em cho rằng rượu đối với anh không tốt đâu. Sách thuốc đã nói rằng nên tránh mọi thứ rượu chè. Anh không nên uống rượu.

Gã kên to :

— Molo!

— Dạ thưa ông.

CẢNH TUYẾT Ở KILIMANJARO

— Mang Whisky-Soda ra đây.

— Thưa ông vâng.

— Anh không nên, nàg nói. Đó là điều mà em muốn nói khi em dùng chữ «tư-hỗ» ban nãy. Rượu đối với anh sấu lắm. Em biết là rượu đối với anh sấu lắm.

— Không, gã đáp. Đối với anh rượu tốt lắm.

Vậy bây giờ thế là xong, gã nghĩ thầm. Vậy cho tới bây giờ gã cũng chẳng thế nào chấm dứt được nó cả. Vậy là lần này nó đã chấm hết bằng một cuộc cãi nhau bên ly rượu. Từ ngày chứng hoại-thư bắt đầu ở bên chân phải của gã thì gã không còn thấy đau đớn gì nữa, và cùng với sự đau đớn, sự sợ hãi cũng chẳng còn và tất cả còn lại ở gã bây giờ là một sự mệt mỏi ghê gớm và gã tự giận là đã không chấm hết được nó. Lần này, tới bây giờ đây, gã chỉ còn lại tấm lòng tò mò. Đã bao năm trường nó ám ảnh gã. nhưng bây giờ tự nó cũng chẳng còn có nghĩa lý gì cả. Thật là kỳ lạ làm sao cứ nghĩ đến hoàn thành nó cũng đã đủ mệt rồi.

Bây giờ gã không bao giờ còn viết được những điều mà gã vẫn dành để viết cho tới khi gã biết những điều ấy thật đầy đủ. Được, gã sẽ không về những điều đó và đó là lý do tại sao người ta đã gạt chúng ra ngoài và cứ khát lần mãi giờ khởi hành. Được, bây giờ gã không bao giờ viết được nữa.

— Em mong rằng chẳng bao giờ chúng ta tới đây nữa — người đàn bà nói — Nàg vừa cắn môi vừa nhìn gã nâng ly rượu — Anh chẳng bao giờ làm điều gì như lần này hồi còn ở Paris. Anh vẫn thường nói rằng khác. Em có thể đi với anh tới bất cứ nơi nào. Em đã nói rằng em sẽ đi bất cứ đâu nếu anh muốn. Nếu anh muốn sẵn bản ở Hung-gia-Lợi và thế thì đã thú vị biết bao !

Gã đáp :

— Với những đồng tiền nhầy nhụa của em à ?

— Không đúng hẳn, nàg nói. Tiền của anh thì đúng hơn là của em. Em từ bỏ mọi sự và em theo anh đi bất cứ đâu nếu anh muốn, em làm ta đi tới đây.

— Em vẫn nói là em yêu xứ này.

— Thì em vẫn yêu cái xứ sở này nếu anh bình yên vô sự. Nhưng bây giờ thì em ghét cái xứ sở này quá. Em không hiểu chân anh đã bị làm sao. Chúng ta đã làm những điều gì mà đến nỗi bị như vậy ?

— Anh cho rằng điều mà anh đã làm là quên không bôi nước tein-ture diote vào vết thương khi mới bị lằn đầu. Rồi thì anh cũng chẳng chú ý gì đến nó cả vì không thấy mũi hơi thổi xông lên. Sau đó, khi nó trở thành nặng rồi, có lẽ vì đã dùng nước oxygénée khi những thứ thuốc sát trùng

khác đã làm tê liệt cả những mạch máu nhỏ, thế là chứng hoại-thư bắt đầu.

Gã nhìn nàng:

— Còn gì nữa?

— Em không định nói thế.

— Nếu ta đã thuê được một anh thợ máy giỏi thay thế cho tên tài xế mù dờ người Kikuyu thì có lẽ hẳn đã kiểm-soát dầu mỡ trước khi chạy và xe chẳng bao giờ bị chết máy như thế này.

— Em không định nói thế.

— Nếu em đã không từ bỏ cái gia-đình của em, những tên Old Westbury, Saratoga, Palm Beach khốn nạn của em để nuôi anh, thì...

— Sao thế, em yêu anh mà. Điều đó không đúng. Bây giờ em yêu anh. Em sẽ yêu anh mãi mãi. Anh có yêu em không?

— Không, người đàn ông đáp. Tôi chẳng bao giờ nghĩ thế cả. Tôi chẳng hề yêu cô.

— Harry, anh nói gì thế? đầu óc anh đề đầu mất rồi.

— Không. Tôi chẳng có đầu' óc gì mà đề đầu mất.

— Đừng uống nữa, anh, em van anh, anh đừng uống như thế nữa. Ta phải làm những việc mà ta có thể làm.

— Em làm đi, gã đáp. Tôi thì mệt quá rồi.

Bây giờ trong trí óc gã, gã nhìn thấy một sân ga xe lửa ở Karagatch và gã đang đứng cùng với gói hành lý, trước mặt là ánh sáng từ căn nhà Simplon Orient hắt ra cắt ngang bóng tối; hồi đó gã vừa rời khỏi Thrace sau cuộc rút lui. Đó là một trong những điều mà gã vẫn dành để viết lời, với, trong một buổi sáng đẹp trời kia vào bữa điểm tâm khi nhìn ra ngoài cửa sổ thấy tuyết trắng xóa trên những đỉnh núi cao của Bảo-gia-Lợi và người thư ký của Nausen đang hỏi một cụ già rằng không hiểu đó có phải là tuyết không; cụ già nhìn ra ngoài trời và đáp, không, đó không phải là tuyết. Tuyết có bây giờ thì sớm quá. Và người thư-ký nhắc lại với mấy người con gái, không, em thấy chứ. Đó không phải là tuyết, và mọi người đều nói đó không phải là tuyết ta bị nhầm rồi. Nhưng đó quả thật là tuyết và hẳn đã gửi bọn họ đi vào đây khi hẳn trao đổi con tin và những người con gái đã đi dầm mình trong tuyết cho đến chết suốt mùa đông năm đó.

Tuyết cũng rơi suốt tuần lễ giáng sinh năm đó ở Gauerlat, hồi ấy họ ngụ trong căn nhà của một lão liều phu với chiếc lò sưởi lớn bằng xít chiếm đầy nửa gian phòng, nằm trên nệm cỏ lòn bằng lá giẻ-gai; khi một người lính đào ngũ lúi lể bần chán dầm máu trên bụi tuyết. Y nói lên cảnh sát ngay đứng sau y và họ cho y đôi tất len, nói truyện với y cho tới khi tiếng xe xa dần rồi mất hút.

Ở Schrunz, vào ngày lễ giáng sinh tuyết sáng quá đôi làm chói mắt khi người ta ngó qua tấm kính của loa lửa trông thấy những người đi

CẢNH TUYẾT Ở KILIMANJARO

lễ ở nhà thờ trở về. Đó là nơi họ thường cưỡi bộ trên con đường nhẵn vàng khi chạy dọc theo bờ sông với những hàng đồi thông liên tiếp, đồ trượt tuyết thì mang nặng trên vai; chính ở đó họ chạy bộ xuống những vùng băng tuyết dưới Madlener haus. Tuyết nom trơn nhẵn như một lớp kem trên chiếc bánh ngọt và nhẹ như bột, và gũ nhớ lại vẻ yên lặng của những bước chân lao qua sườn dốc hết tốc lực và rơi xuống thấp như một cánh chim.

Họ đắm mình trong tuyết suốt một tuần ở Madlener-haus, hồi đó, dưới ngọn gió tuyết và trong đám khói đen của ngọn đèn lồng họ chơi bài; liên tục cứ cao dần mãi tới khi Herr-Lent bị thua một lần nữa. Sau cùng thì thua mãi tất cả. Tất cả mọi thứ, liên quỹ của hội Skg, tất cả lợi tức của mùa màng và rồi cả dần vốn của gũ. Gũ có thể nhìn thấy gũ với chiếc mũi dài, úp quán bài xuống rồi mở lên, « Sans voir » Hồi ấy ngày nào cũng cờ bạc. Khi nào không có tuyết người ta chơi cờ bạc và khi nào có tuyết rơi nhiều quá người ta lại chơi cờ bạc. Gũ thậm nghĩ thì ra suốt đời gũ, gũ đã dành để cờ bạc đặc dài.

Nhưng gũ dĩ chẳng viết được giòng nào về cuộc đời đó, cũng chẳng viết được giòng nào về cái ngày lễ giáng sinh lạnh lẽo và trong sáng đó cùng với những dãy núi nhìn thấy qua cánh đồng băng nơi mà Gardner đã bay qua biên giới để oanh tạc bọn sĩ quan người Áo vừa xuống lầu, sà súng vào họ khi họ vừa tản ra để tìm đường chạy trốn. Gũ nhớ lại Gardner sau đó trở về câu lạc bộ và bắt đầu nói về chiến công này với mọi người. Câu truyện đã làm tất cả yên lặng, sau đó có một người nói: « Đồ sát nhân giũ man bẩn thỉu ».

Chính những người Áo đã bị giết hồi đó, sau này gũ lại gặp và cùng đi trượt tuyết. Không, không phải là những người Áo đó. Hans, anh chàng cùng trượt tuyết với gũ suốt năm đó đã từng ở Kaiser-Jagers và khi họ cùng nhau săn thú ở trong một thung lũng hẹp bên dưới chiếc xưởng cưa máy, họ đã nói truyện với nhau về cuộc giao tranh ở Pasubio, tràn lấn công vào Perlca và Asalone và gũ không bao giờ viết được chữ nào về truyện đó. Cũng không viết được chữ nào về Monte Corno cũng như về Slete Courmun hay Arzledo.

Trái đã biết bao mùa đông gũ sống ở Voralberg và Alberg? Lần đó là bốn; gũ vui nhớ có một người đàn ông bán một con cáo khi gũ và mấy người bạn cưỡi bộ đến Bludenz, lần đó để mua quà, rồi hương vị của rượu anh-đào, những ngày lướt đi trên con đường bụi tuyết vừa đi vừa hát « Hi ! Ho ! Said Rolly ! » trong khi người ta xuống khỏi con đường dốc cuối cùng tới thung lũng nhỏ bằng phẳng, rồi những buổi chạy vòng qua cánh rừng sỏi ba lần, qua bên kia lạch nước tới con đường tuyết trắng sau quán trọ. Rồi cỡi bỏ những trời buộc, đá đồ trượt tuyết vào một góc tường làm bằng ván gỗ của căn nhà trọ dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu lửa qua khuôn cửa sổ, bên trong, tràn ngập trong

khỏi thuốc và mùi rượu mới, người ta đang dạo đàn phong cầm.

Gã cất tiếng hỏi người đàn bà đang ngồi trên chiếc ghế bố bên cạnh gã, bây giờ, ở Phi Châu !

— Tôi Paris thì ta ở đâu ?

— Ở nhà hàng Crillon. Anh biết rồi mà.

— Tại sao anh lại biết rồi được ?

— Thì đó là nơi mà ta vẫn luôn ở trọ đấy thôi.

— Không, không phải là vẫn luôn luôn.

— Chỉ có ở đó và ở tiệm Pavillon Henri — Quatre ở St. Germain. Anh vẫn nói là anh mê tiệm đó lắm.

— Ai tình là một đồng phạm ngựa. Và tôi là con gà sống đứng ở trên đó để gáy.

— Nếu anh phải tiến lên, anh chắc chắn là phải phá hủy những vật anh bỏ lại đằng sau à ? Em muốn nói là : anh phải mang theo tất cả mọi vật à ? Anh phải giết con ngựa của anh, người của anh và đốt cháy yên cương cùng binh giáp của anh à ?

— Phải. Nhưng đồng tiền khốn nạn của bà thì là binh giáp của tôi.

— Đừng nói thế.

— Được. Tôi sẽ ngừng nói. Tôi không muốn làm bà đau lòng.

— Bây giờ thì hơi muộn rồi.

— Vậy thì được. Tôi lại tiếp tục làm bà đau lòng vậy. Thế có nhẽ vui hơn. Chỉ có một điều mà thực ra tôi thích làm với bà thì bây giờ tôi lại không thể nào làm được.

— Không, sự thật không phải là như thế. Anh thích làm mọi sự và mọi sự mà anh muốn làm thì em đều đã làm.

— Ô, lấy Chúa, đừng nói phách nữa. Gã ngó nàng và thấy nàng khóc.

— Nghe này, gã nói. Em có thấy rằng làm thế này chỉ là để vui thôi không. Anh không hiểu tại sao anh lại hành động như vậy. Cố giết hại đi chính là cốt để em sống lại, anh vẫn tưởng thế. Chúng ta bắt đầu nói truyện thì chẳng sao cả. Anh không định nói là cuộc nói truyện vừa rồi, bây giờ anh diễn khủng như một con chim cuốc và tàn nhẫn với em hết sức. Đừng lưu ý đến những gì anh vừa nói cả. Anh yêu em, thật vậy. Em cũng biết là anh yêu em. Anh chưa bao giờ yêu ai như đã yêu em.

Gã vẫn nói với cái giọng giả dối quen thuộc đoạn cầm lấy miếng bánh ngọt và miếng bơ.

— Anh thật tử tế với em quá.

— Con chó con. Con chó con giàu có. Thơ đấy. Bây giờ từ thơ của anh tràn trề. Thối tha và thơ phú. Thơ phú thối tha.

— Ngừng lại đi, Harry, tại sao anh còn trở lại với thói ác độc làm gì nữa ?

— Anh không muốn bỏ lại vật gì cả. Anh không muốn bỏ lại vật ở đằng sau.

CẢNH LUYẾT Ở KILMANJARO

Lúc đó trời đã chiều và gã thấy buồn ngủ. Mặt trời đã lặn sau đồi, bóng mát bao phủ cả cánh đồng và những con vật nhỏ bò ra kiếm ăn quanh lều. Những chiếc đầu lắc lư, chiếc đuôi ngoe nguẩy, gã nhìn thấy chúng ra ngoài bụi rậm. Những con chim không còn đợi chờ gì trên mặt đất nữa. Chúng đều đã đậu nặng nhọc trên cành cây. Có thêm rất nhiều con khác đến. Người đầy tớ của gã đang ngồi bên giường. Nó nói :

— Bà đã đi bắn rồi, ông có muốn sai bảo gì không ?

— Không.

Nàng đã đi tìm giết vài con vật, vốn biết cái thú săn bắn của gã nên nàng đã đi khá xa khỏi cánh đồng cỏ hẹp mà gã có thể nom thấy. Nàng là một người biết suy xét, gã nghĩ thầm. Về bất cứ điều gì mà nàng đã biết đã đọc được, hay nàng đã nghe, nàng đều biết suy xét.

Không phải là lỗi ở nơi nàng nếu khi đến với nàng gã đã hoan toàn hư hỏng. Làm thế nào người đàn bà hiểu được những lời mà người ta không muốn nói để chỉ định gì cả. Người ta nói những lời đó chỉ vì thói quen và nói ra cho dễ chịu. Sau khi gã nói những lời vô nghĩa thì sự giả dối của gã đối với đàn bà lại thành công hơn là khi gã nói sự thật.

Gã cũng không nói dối nhiều quá mà cũng không có sự thật nào để nói. Gã có cuộc đời của gã và cuộc đời ấy đã chấm dứt, nhưng rồi gã lại tiếp tục sống lại với những người khác nhiều tiền hơn với cái chỗ tốt nhất của khoảng đất cũ, thêm một vài nhân vật mới.

Người ta suy nghĩ chín chắn thì mọi vật đều tuyệt diệu cả. Người ta chuẩn bị những điều hay những điều tốt ở bên trong vì thế người ta không chịu thua ở mặt này, như phần đông vẫn thế, và người ta làm ra vẻ không chú ý gì đến công việc mà người ta thường làm, bây giờ người ta không thể làm nữa.

Nhưng, ở trong lòng người ta, người ta tự nhủ rằng người ta có thể viết về những con người này, về cái bọn rất giàu có đó ; mà thật ra người ta không phải là bọn chúng mà chỉ là một kẻ quan sát trong xứ sở của bọn chúng ; người ta có thể từ bỏ cái xứ sở đó đi để viết về nó và để một lần có một kẻ nào đó viết được nó ra vì đã hiểu biết nó. Nhưng gã thì không bao giờ làm được, bởi vì cứ mỗi một ngày không sáng tác bằng cách tự an ủi rằng những con người đó đáng khinh, thì năng lực của gã cứ dần dần u ám đi và làm mềm cả những dự định về tương lai của gã, sau cùng thì gã không hoàn thành được việc gì cả.

Những con người mà gã biết bây giờ lại thấy dễ chịu hơn nhiều khi gã không sáng tác. Phi châu là nơi gã đã được hưởng những ngày sung sướng nhất đời vì thế gã phải lờ đi để bắt đầu lại. Họ đã tổ chức cuộc đi săn với những tiện nghi cực tiểu. Chẳng có sự khó khăn nào mà cũng chẳng có sự xa xỉ nào, và gã tưởng gã có thể dùng cuộc vui này làm phương tiện để huấn luyện lại. Bằng một

phương tiện nào đó gã có thể làm việc để đuổi sự sang trọng ra khỏi linh hồn, cái phương tiện mà một chiến sĩ leo núi làm và huấn luyện để nó cháy bùng ra khỏi thân thể.

Nàng ham thích công việc này. Nàng nói nàng mê công việc này. Nàng say mê tất cả cái gì quyến rũ liên can tới sự gì thay đổi một khung cảnh ở đó có thêm một số nhân vật mới và mọi sự đều vui vẻ hơn lên. Và gã đã bỏ cái ảo tưởng là trở lại với sức lực cũ để làm việc cho tương lai. Bây giờ nếu nó đã kết thúc ra làm sao, gã biết rõ điều đó, gã không phải quay mình lại như một con rắn tự xé nát mình ra vì tấm thân đã bị tàn phá. Đó không phải là lỗi của người đàn bà này. Nếu không phải là nàng thì là một người khác. Nếu gã đã sống bằng sự dối trá thì gã lại phải cố chết bằng sự dối trá đó. Gã vừa nghe thấy một tiếng súng nổ bên ngoài ngọn đồi.

Nàng bắn rất khá, cái con đàn bà rất tốt, rất giàu có và khốn nạn đó là kẻ vừa giữ gìn vừa tàn phá thiên tài của gã. Vô ý thức. Chính gã đã tự tàn phá cái thiên tài của gã. Tại sao gã lại đổ tội cho một người đàn bà đã đối đãi hết lòng với gã? Gã đã tàn phá thiên tài của gã vì không dùng tới vì tự phản bội gã và phản bội những điều gã đã tin tưởng bằng cách rượu chè nhiều quá khiến cho trí-giác-lực của gã càng ngày càng kiệt quệ mỗi morn, vì lưỡi biếng, vì uể oải, vì tính chuộng sang giàu, vì tấm lòng tự kiêu, vì tổn hại, vì tính vô tâm và vì tấm lòng quanh co lường đảo. Những cái gì còn lại đây? Một băng mục-lục những cuốn sách cũ? Vậy thiên tài gã là những cái gì? quả đó là thiên tài, nhưng để thay thế việc trau dồi nó thì gã lại buôn bán nó. Chẳng bao giờ gã đã làm việc gì vì phải làm mà gã chỉ luôn làm việc vì có thể. Và gã đã chọn cuộc đời của gã cùng với những cái gì khác thay thế cho một cây viết hay một ngọn bút chì. Thật cũng kỳ lạ, khi gã cảm thấy yêu một người đàn bà nào khác thì người này lại giàu có hơn người mà gã vừa bỏ rơi. Nhưng khi nào gã không còn yêu nữa, khi nào gã còn sống bằng dối trá, như đối với người đàn bà này, bây giờ đây, kẻ nhiều tiền nhất tất cả, là có tất cả tiền bạc, kẻ đã có một đời chồng và mấy đứa con, đã có nhiều tình nhân và đã hưởng nhiều sung sướng với những tên tình nhân đó, là kẻ đã yêu gã bằng tấm lòng yêu mến một nhà văn, một con người, bằng tấm lòng yêu một người bạn đường hay một vật sở hữu. Thật là kỳ lạ, khi nào gã không yêu nàng và gã chỉ còn dối trá thì gã lại có thể ban cho nàng sự sung sướng xứng với đồng tiền của nàng hơn là gã yêu thật sự.

Người ta phải có khuynh hướng về những việc mà người ta theo đuổi, gã nghĩ thầm. Bằng cách nào ta có thể sống được thì đó chính là thiên tài. Gã đã bán sinh khí của gã, dưới hình thức này hay hình thức khác, tất cả cuộc đời của gã và khi những sự trêu mến không còn nữa

CẢNH TUYẾT Ở KILIMANJARO

thì người ta lại cho đồng tiền nhiều giá trị hơn. Gã đã tìm ra điều đó, nhưng gã không bao giờ viết được cả cho đến bây giờ. Không, gã sẽ không viết những điều đó ra mặc dầu rất đáng viết.

Bây giờ nàng đã hiện ra, bước qua con đường đi về phía lều. Nàng đi đôi ủng và tay cầm súng. Hai tên đầy tớ lẻo đẻo theo sau vác một con linh-dương. Nàng vẫn là một người đàn bà đẹp, gã nghĩ thầm, và nàng có một tấm thân đều đặn. Nàng có nhiều tài vật và rất khá về sự chần gối, nàng không xinh lắm nhưng gã ưa khuôn mặt của nàng, nàng đọc rộng, cũng như bắn súng và cưỡi ngựa, chắc chắn là nàng cũng uống rượu nhiều quá. Chờng nàng chết khi nàng còn tương đối là một người đàn bà trẻ, trong một thời gian khá lâu nàng miệt mài vào sự săn sóc hai đứa con; chúng nó thì lại không cần đến nàng và rất bối rối khi thấy nàng còn sống bên cạnh với những chuồng ngựa, sách vở và rượu chè của nàng. Nàng thích đọc vào buổi chiều trước bữa cơm và uống rượu Tô-Cách-Lan pha với nước Soda trong khi đọc. Vào bữa ăn nàng uống rượu thật nhiều và sau một ly vang lớn trong bữa ăn nàng còn uống cho thật say để tìm giấc ngủ.

Đó là thời kỳ trước khi nàng có tình nhân. Sau này khi có tình nhân nàng không còn uống nhiều rượu để tìm giấc ngủ. Nhưng mấy anh tình nhân khuấy rối nàng nhiều quá. Nàng kết duyên với một người đàn ông không bao giờ làm phiền lòng nàng, nhưng bọn này lại làm phiền nàng nhiều nhất.

Rồi một đứa con trai của nàng bị chết vì tai nạn máy bay, sau vụ đó nàng cho rời mấy anh nhân tình, bỏ rượu, nàng phải kiến tạo một cuộc đời khác. Bỗng nhiên nàng thấy sợ hãi cái đời cô độc vô cùng. Nàng muốn một người khiến nàng kính nể.

Câu truyện đã bắt đầu một cách rất giản dị. Nàng thu những cuốn sách gã đã viết và nàng thêm thưởng cuộc đời mà gã sống. Nàng tưởng gã sống cuộc đời như những nhân vật của gã viết. Những bước đưa nàng đến gặp gã và sau cùng say mê gã là một cuộc liên triển hợp lệ; nàng đã tự xây dựng được một cuộc đời mới và gã thì bán phát những gì còn buộc vào cuộc đời dĩ-vãng của gã.

Gã bán những thứ đó đi để đảm bảo cho cuộc sống mới, cũng để an ủi, không phản đối, và còn để làm gì khác nữa? Gã không biết. Nàng có thể mua cho gã bất cứ cái gì gã muốn. Gã biết rõ điều đó. Nàng cũng là một người tử tế hết sức. Gã đã chung chạ chung gối với nàng như với những người đàn bà khác, còn nhiều hơn là đàn ông khác vì nàng giàu hơn, giỏi hơn, thú vị hơn và vì nàng không bao giờ biết đóng kịch. Và bây giờ trong cuộc đời mà nàng vừa xây dựng lại này sắp chấm dứt vì đã hai tuần gã không dùng tincture diote để bôi vào vết thương khi bị những cây gai làm xước da đầu gối chỉ vì gã cố nhướn mình

ra phía trước để chụp ảnh một đàn hoẵng nước đang đứng, đầu vươn lên đôi mắt ngó đảo dáo dác lỗ mũi phập phồng hít khí trời, tai vênh rộng ra để nghe những tiếng động đầu tiên khiến chúng lao mình vào bụi rậm. Chúng đã trốn mất trước khi chụp được tấm hình.

Bây giờ nàng đã tới.

Gã ngoảnh đầu lại nhìn nàng và nói :

— Hello.

— Em bán được một chú linh-dương, nàng nói với gã. Để nấu cho anh bát cháo nhé, em sẽ cho cà chua và bột klim vào. Anh thấy thế nào ?

— Đỡ nhiều rồi.

— Thế có phải là đáng yêu không ? Anh biết rằng em đã đoán anh sẽ mạnh khỏe mà. Lúc em đi thì anh đang ngủ.

— Anh vừa đánh một giấc khá ngon. Em đi có xa không ?

— Không. Chỉ loanh quanh dưới ngọn đồi này thôi. Em bán một củ được ngay chú linh-dương.

— Em bán thì tuyệt lắm rồi.

— Em thích bán lắm. Em rất mê Phi Châu. Thật vậy. Nếu anh mạnh khỏe thì thật em đã sung sướng hết chỗ nói. Anh không biết được em sung sướng đến thế nào nếu em được đi săn bắn cùng với anh. Em mê cái xứ này quá.

— Anh cũng mê nó lắm.

— Anh không biết được em đang vui đến thế nào khi được tin anh đã đỡ. Em không thể yên lòng được nếu anh còn nói như ban nãy. Anh đừng nói với em những lời như thế nữa nhé, anh hứa với em đi.

— Không, gã đáp. Anh không còn nhớ là anh đã nói những gì.

— Anh không phải tàn phá em nữa. Có phải không anh ? Em chỉ là một người đàn bà luống tuổi đã yêu anh và làm bất cứ cái gì nếu anh muốn em làm. Em đã bị tàn phá một vài lần rồi. Anh không muốn tàn phá em một lần nữa, có phải không anh ?

— Anh đã tàn phá em một vài lần ở trên giường rồi.

— Vâng. Những cuộc tàn phá ấy thì lại tuyệt lắm. Chúng ta vẫn tàn phá nhau bằng cách ấy luôn. Máy bay chắc sẽ tới ngày mai.

— Làm sao mà em biết được ?

— Em chắc chắn như thế. Lẽ ra nó phải tới đây rồi. Bọn đây tờ đã sẵn củi và củ khô để đốt lửa. Hôm nay em phải xuống đó để coi sóc lại. Chỗ đó rất rộng và có thể đốt lửa ở hai đầu.

— Cái gì đã làm cho em tin tưởng là ngày mai máy bay sẽ tới ?

— Thì em chắc chắn là nó sẽ tới. Đã quá thời hạn rồi. Rồi khi về tới thành phố người ta sẽ săn sóc cho cái bắp chân của anh và chúng ta sẽ lại có những cuộc tàn phá thú vị với nhau nữa chứ không phải là truyện trò suông buồn đến chết được như thế này.

CẢNH TUYẾT Ở KILIMANJARO

— Bây giờ ta uống rượu đã được chưa ? Mặt trời lặn rồi.

— Anh xem có nên uống không ?

— Anh muốn uống một ly.

— Ta cùng uống vậy.

Nàng cất tiếng gọi :

— *Molo, letti dui whiskey Soda.*

Gã nói :

— Em nên đi tắt vào.

— Em đợi tắm xong đã.

Trời tối dần trong khi họ ngồi uống rượu và ngay trước khi trời tối hẳn không còn đủ ánh sáng để săn bắn nữa, một con chó sói lang thang đi qua con đường chạy vòng quanh ngọn đồi.

— Những con khốn nạn đó đêm nào cũng đi qua nơi ấy, gã nói. Đêm nào cũng vậy, đã hai tuần nay rồi.

— Nó làm thành những tiếng động trong đêm khuya. Em không chú ý gì đến nó lắm. Mặc dầu chúng nó là những con thú rừng lớn.

Uống rượu cùng với người đàn bà sự đau đớn không còn chỉ trừ hơi khó chịu vì cứ phải mãi mãi nằm nghiêng theo một phía, đũa đầy tỳ đã khêu ngọn lửa lên, ánh lửa chiếu vào mặt lều, gã cảm thấy đã thuận ý với cuộc đời này như một người qui hàng bằng tấm lòng vui vẻ. Nàng đã rất tốt với gã. Buổi chiều nay gã đối với nàng lại tàn nhẫn và không phải quá. Nàng là một người đàn bà tốt, rất tuyệt nữa là khác. Và ngay lúc đó gã cảm thấy gã sắp lìa đời.

Cái chết đến như một sự dồn dập, không phải sự dồn dập của gió hay của nước, nhưng là một cái gì trống rỗng, tàn ác, một cái gì nghe lạ tai như tiếng chân của con cáo rừng đang lang thang ngoài chân đồi.

— Cái gì thế, Harry ? nàng hỏi gã

— Không. Em làm ơn ngồi soay người sang phía kia đi. Về phía gió ấy.

— Để Molo thay quần áo cho anh nhé ?

— Phải đấy, anh cần dùng nước oxygénée ngay bây giờ.

— Anh thấy trong người thế nào ?

— Hơi chóng mặt một chút.

— Em định đi tắm một cái. Ngay gần đây thôi. Em sẽ trở lại ăn cùng với anh rồi ta đem giường vào trong.

Vậy là, gã nghĩ thầm, chúng ta đã hết cãi nhau rồi. Gã không bao giờ cãi cọ nhiều với người đàn bà này khi gã yêu người đàn bà nào thì gã lại rất hay cãi cọ, và sau cùng, bao giờ cũng vậy, cuộc cãi cọ đã xong, gã lại tàn phá tất cả những gì mà họ đã cùng xây dựng chung với nhau. Gã đã yêu đương nhiều quá, đòi hỏi nhiều quá và gã đã làm hư mòn tất cả.

Gã nghĩ tới những ngày sống cô đơn ở Constantinople hồi đó, sau một cuộc cãi lộn gã đã bỏ Paris mà đi. Gã đã sống dằng dặc suốt ngày rồi khi

cuộc vui đã tàn, gã mới biết gã không giết được nổi cô đơn mà chỉ làm nó tăng lên, gã đã viết cho nàng, người đàn bà thứ nhất, người đã lừa bỏ gã đi, một lá thư nói tại sao gã không bao giờ giết được niềm đau cô độc cả... làm sao mà giết được niềm đau ấy khi một buổi kia gã tưởng đã trông thấy nàng đi qua nhà hàng Regence khiến lòng, gã quên đau và gã đã đuổi theo người đàn bà giống nàng như đúc đó dọc suốt theo đại lộ, trong thâm tâm chỉ sợ người đó không phải là nàng, chỉ sợ mất sự bằng bột trong lòng vừa bốc lên. Biết bao người đàn bà đã ngủ với gã lại càng làm gã nhớ nàng thêm. Nàng đã làm những gì khiến gã biết rằng gã không thể tự chữa căn bệnh tương tư nàng của gã. Gã viết lá thư này trong Hội Quán, trời thì lạnh, và gửi về Nữ Ước nói nếu nàng viết cho gã thì gửi về địa chỉ sơ lam của gã ở Paris. Thư đó chắc tới nơi. Những đêm nhớ nàng quá gã cảm thấy trong lòng vô cùng trống rỗng gã lại bỏ xuống xóm Bình Khang để tìm gái và mời nó đi ăn. Gã tới một tiệm nhậu với nó và sau đó vì nó nhậu rất dở, nên gã bỏ rơi và đi với một đứa con gái khác người xứ Arméní, một đứa con gái khi nhậu lắc lư bụng vào gã đến phát bồng lên. Gã đã chiếm nàng của một tên thiếu úy pháo thu người Anh sau một cuộc đấu đá. Tên sĩ quan đó gọi gã ra ngoài và hai người đã đánh nhau trong bóng tối của khu phố. Gã đâm hẳn hai cú nặng vào quai hàm và khi thấy hẳn không ngã, gã hiểu rằng gã phải đánh mạnh hơn. Tên sĩ quan thôi vào sườn gã rồi một cú ở ngay bên mặt. Gã đưa tay trái ra dằn mạnh vào địch thủ, tên sĩ quan pháo thủ ngã lao vào người gã, nắm lấy chiếc áo khoác ngoài của gã và xé lại một cánh tay áo ra. Gã bới thêm hai cú vào đằng sau gáy hẳn, tay phải đập vào mặt rồi đẩy hẳn ngã ra ngoài. Tên sĩ quan ngã đập đầu xuống mặt đường, và gã vội kéo người con gái chạy vì gã nghe thấy tiếng xe của hiến binh đang lao tới. Hai người leo lên chiếc xe taxi ra khỏi Munmily Hussu, dọc theo đường Bosphorus, lounh quanh một hồi rồi trở về khi đêm đã khuya và lạnh, gã ngủ với nàng, người con gái như một trái cây chín, nhưng thật dịu như một cánh hoa hồng, ngọt như nước mật, bụng tròn nhều, ngực to và không cần phải kẻ gối bên dưới mông nàng; gã bỏ đi khi nàng con ngủ để khỏi trông thấy cái nhun sắc nhàu nát lộ ra dưới tia sáng đầu tiên của ban ngày; gã vòng lại phía công trường Pera với đôi mắt đen, tay cầm chiếc áo khoác vì một bên tay áo đã bị mất.

Cũng đêm hôm đó, gã tới Anatolia và gã nhớ lại, sau cuộc đi chơi này gã cuối ngựa suốt một ngày trời đi qua cánh đồng anh-túc trống để làm thuốc phiện — sau cùng người ta thấy kỳ lạ làm sao, thời gian như lộn bại đi — cho tới khi gã dự cuộc tấn công cùng với những viên sĩ quan mới tới Constantin, bọn này chẳng biết mò tề gì cả, rồi dàn trọng pháo nỏ vào binh đội và một tên phóng viên người Anh khóc rống lên như một đứa trẻ.

Đó là ngày đầu tiên gã thấy những người chết vận y phục của một ban vũ diện ballet. những đôi giày nhầy có gấn búp tơ ở đầu mũi. Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ tiến vừa vững vàng vừa lễ chỉnh, bọn sĩ quan nỏ súng vào

CẢNH TUYẾT Ở KILIMANJARO

đám người mặc y phục của vũ điệu Ballet đang chạy trốn, rồi cuộc bọm cũng chạy trốn nốt và lên phòng viên người Anh chạy xuống đến long phôi, mồm thì đang như ngậm đồng xu; chúng nó dừng lại đằng sau ngọn núi đá và quân đội Thò tiến qua nghiêm chỉnh hơn bao giờ hết. Sau này gã còn được mục kích những cảnh mà chưa bao giờ gã nghĩ tới rồi sau gã lại còn thấy những cảnh tồi tệ hơn nhiều nữa. Vì thế khi trở về tới Paris hồi đó gã không thể nào nói truyện hay để trí nghĩ ngợi về những cảnh đó cả. Gã sống trong một quán cà-phê ở đây có một thi sĩ Mỹ lúc nào cũng ngồi với một chồng đĩa trước mặt, vẽ ngu suàn hiện rõ trên cái khuôn mặt củ khoai của hắn thao thao bất tuyệt nói về tư trào Dada với một người Lô-Mã-Ni tên là Tristan Tzara, ông này lúc nào cũng mang chiếc kính một mắt, gã thấy nhức đầu, trở lại chỗ ở với người vợ cũ mà gã thấy gần như trước, cuộc cãi lộn đã chấm dứt, sự điên khùng đã hết, gã sung sướng trở về nhà. Sở làm gửi cho gã một lá thư. Lá thư đó là lá thư hồi âm của người mà gã đã viết hồi thăm; lá thư đặt trên chiếc đĩa, mang đến cho hắn vào một buổi sáng, khi mới nhìn qua nét chữ gã đã nhìn thấy lạnh cả người và cố giấu nó xuống dưới mấy lá thư khác. Nhưng vợ gã đã hỏi «Thư của ai gửi đây, mình?» và thế là chấm dứt cái công việc vừa bắt đầu lại đó.

Gã nhớ lại những ngày sung sướng gã chung sống với họ và những cuộc cãi lộn nhau. Họ bao giờ cũng chọn được chỗ tốt nhất để cãi nhau. Và tại sao họ lại luôn luôn gây gổ nhau, khi gã cảm thấy sung sướng nhất? Gã không bao giờ viết về những truyện đó bởi vì, trước hết gã không muốn làm tổn thương đến ai và cũng vì gã thấy không viết những truyện đó ra thì cũng đủ rồi. Nhưng gã vẫn hằng nghĩ rằng gã sẽ viết những truyện đó ra vào lúc sau cùng. Có rất nhiều truyện để viết. Gã đã nhìn thấy cuộc thế đổi thay; không phải chỉ ở những biến cố; gã đã chứng kiến nhiều sự việc, đã quan sát kỹ nhiều người, gã đã thấy những sự đổi thay tinh tế hơn và gã có thể nhớ rõ những con người đó ra sao trong những khoảng thời gian khác nhau. Gã đã sống trong đó, đã chứng kiến những cảnh đó, gã có nhiệm vụ phải viết nó ra, nhưng bây giờ không bao giờ gã làm được.

— Anh thấy thế nào?

Nàng hỏi gã. Nàng đã ra khỏi lều sau khi tắm.

— Khá lắm.

— Bây giờ anh đã ăn được chưa?

Gã nhìn thấy Molo đứng đằng sau nàng với chiếc bàn gấp và một đĩa khác tay mang đĩa. Gã nói:

— Anh muốn viết quá.

— Anh phải ăn chút cháo để lấy lại sức đã.

— Anh sẽ chết đêm nay. Anh không cần lấy lại sức.

— Đừng bí thối, Harry, em van anh.

— Sao em không dùng đến cái mũi của em đi. Đùi anh đã mục nát thối tha đến một nửa rồi. Anh còn điên đốch gì nữa mà dùng đến bát cháo này. Molo, mang Whiskey Soda ra đây.

— Em xin anh dùng cháo đi...

— Cũng được.

Bát cháo nóng quá. Gã phải chờ ra chén cho đến khi nguội để húp, đoạn gắp húp một mạch.

— Em là người đàn bà tốt lắm. Đừng lưu ý gì đến anh cả.

Nàng nhìn gã với khuôn mặt dễ thương quen biết, khuôn mặt của những người con gái đã in hình lên tạp chí *Spur* và *Town and Country* nàng chỉ xấu hơn một tý vì đã uống rượu, chỉ xấu hơn một tý vì đã chung chạ nhiều quá, nhưng tạp chí *Town and Country* thì không bao giờ có được những bộ ngực đẹp như thế, những chiếc đùi khá đến thế, những cánh tay chằm chằm nhiều như thế và khi gã ngó nàng gã thấy nụ cười quen thuộc nở trên đôi môi nàng thì gã thấy sự chết lại trở lại. Lần này thì không phải là một cơn dờn dập nữa. Nó là một hơi thở mạnh như một ngọn gió làm ngọn nến lóc lên và tia lửa bốc mạnh.

— Lát nữa bảo chúng nó mang màn ra cho anh, mào lên cành cây này và nhóm lửa dậy. Anh không muốn ngủ trong lều đêm nay. Thật không còn đáng cựa mình nữa. Đêm trong sáng quá, trời chắc không mưa đâu.

Vậy là con người đã chết như thối, trong những tiếng thì thầm mà người ta không nghe thấy. Được, sẽ không còn cãi nhau nữa. Gã có thể hứa chắc như vậy. Bây giờ gã sẽ không làm hỏng cái điều độc nhất mà gã chưa từng có kinh nghiệm. Gã sẽ làm hỏng không biết chừng. Người ta thường làm hỏng mọi sự. Nhưng có lẽ gã thì sẽ không.

— Em có biết tốc ký không?

— Em chưa học tốc ký bao giờ cả.

— Cũng chẳng sao.

Dĩ nhiên là chưa phải lúc mào đầu nó như muốn nhảy sỏ ra và người ta phải cho tất cả vào một câu nếu người ta nhận được đúng nó.

Có một căn nhà ván gỗ, vách sơn trắng đã nứt nẻ nằm lưng chừng đồi ngó xuống một hồ nước. Có một cái chuông điện ở cửa để gọi mọi người vào dùng bữa. Đằng sau căn nhà là cánh đồng và đằng sau cánh đồng là rừng cây. Một hàng cây bạch dương chạy từ căn nhà tới bên lều. Một hàng cây khác mọc quanh đồi. Một con lộ chạy xuống đồi dọc theo bờ rừng và gã đi lang thang trên con lộ đó để nhặt trái dâu. Rồi căn nhà ván gỗ đó bị tiêu hủy, tất cả sừng ống có chân gỗ quanh nơi lửa cháy đều bị tiêu hủy, và sau đó những thùng đạn được bỏ bọc chỉ chĩa ra lều vào ổ đạn, những băng súng cháy bùng, tất cả thành một đồng tro lán, chúng được dùng để cất những chảo làm xà-phòng. Người ta hỏi ông Nội xem có lấy

CẢNH TUYẾT Ở KILIMANJARO

chơi được không và hẳn đáp, không. Các anh cũng biết đấy chúng vẫn còn là súng đạn và gã không bao giờ mua được chiếc súng nào khác. Gã cũng không sẵn tiền gì được nữa. Căn nhà được dựng lại trên mảnh đất cũ bằng gỗ ván, nhà thì sơn trắng và từ cánh cổng căn nhà nhìn ra, người ta thấy những hàng bạch dương và chiếc hồ ở dưới thấp. Nhưng không còn súng đạn nữa. Những thùng đựng súng đạn có chân, trước được treo trên tường của căn nhà nay nằm chổng treo ngoài kia trên đồng tre vụn và không ai còn sờ tới chúng nữa.

Ở rừng Hắc-Lâm, sau cuộc chiến tranh, chúng tôi ngụ bên một giòng suối. Có hai con đường để đi tới đó. Một đường từ Triberg xuống thung lũng chạy quanh con lộ dưới bóng mát của những hàng cây cao bên bờ con lộ trắng rồi quẹo qua một bờ lộ thẳng qua những đỉnh đồi, qua rất nhiều trang trại với những căn nhà lớn của họ Schwarzwald cho tới khi con lộ cắt ngang giòng suối. Đó là nơi những ngày câu cá của chúng tôi bắt đầu.

Một con đường khác leo qua bờ rừng, đi qua những đỉnh đồi qua những khu rừng thông, men theo bờ một cánh đồng cỏ cháy, khỏi cánh đồng cỏ tới một cây cầu. Những hàng cây mọc dọc theo bờ suối, suối thì không rộng mà hẹp, nước trong vắt chảy xiết với một chiếc ao nhỏ ẩn dưới rễ những hàng cây phong. Tại nhà khách sạn ở Triberg, ông chủ nhà đã được một mẻ lớn. Lúc đó thật vui và chúng tôi đều là những người bạn thân thiết. Năm sau vì nạn lạm phát liên tục, những số tiền mà hẳn kiếm được năm trước không đủ để mua vật liệu mở khách sạn và cũng không đủ nuôi miệng ăn của chính hẳn. Điều này thì có thể đọc được, nhưng có một điều không thể đọc được là công trường Contrescarpe nơi mà những người bán hoa nhuộm hoa đầy đường phố, thuốc nhuộm chảy trên bờ hè đến nơi chuyển xe ô-tô buýt khởi hành, những ông già bà cả thì lúc nào cũng uống rượu vang và nước bã cây, và bọn trẻ thì chạy trong sương lạnh; Mùi mồ hôi bản, sự khốn cùng và sự say sưa be bét ở quán Café des Amateurs, và những đứa con gái làm đi ở Bal Musette sống quanh quất đấy. Á gác cửa đón bọn lính kỵ mã của quân Cộng-Hòa vào trong phòng riêng, bọn lính thì đặt mũ sắt lên trên mặt ghế. Mụ chủ nhà ở đối diện, chồng mụ là một cua-rơ xe đạp và nỗi vui của mụ buổi sáng hôm đó ở tiệm Crémérie là khi mô tô báo L'Auto ra mụ thấy người chồng đứng hàng thứ ba trong cuộc đua Paris-Tours, cuộc đua lớn của đời hẳn. Mụ la đồ mặt rồi cười lớn và vừa chạy lên gác vừa kêu to với mô tô báo thể thao màu vàng ở trong tay. Người chồng của mụ chủ tiệm Bal Musette là một anh lái xe taxi và khi gã, Harry, phải đi chuyển máy bay vào buổi sáng tinh mơ kia anh ta đã gõ cửa để đánh thức gã dậy, hai người cùng uống một ly rượu vang trắng ở trong bar trước khi họ lên đường. Gã biết rõ tất cả những người hàng xóm của gã sống trong khu đó vì tất đều nghèo khổ.

Sống quanh công trường đó, có hai loại người: một bọn nghiện rượu và một bọn thể thao gia. Bọn nghiện thì giết sự khốn cùng bằng cuộc say sưa,

bọn thê thao gia thì uống rượu để lấy sức luyện tập. Họ là con cháu của những người đã dự vào cuộc Ba-Lê Công-xã và chính trị đối với họ không thành vấn đề. Họ biết rõ kẻ nào đã giết cha họ, thân quyến anh em họ; bạn bè của họ khi thăm quán Versailles tới chiếm thành phố sau cuộc Ba-Lê Công-xã, tìm bắt tất cả những người nào có hai bàn tay chai vì làm việc, những người nào mang áo mũ hay mang bất cứ dấu hiệu gì chứng tỏ họ là người lao động. Trong cái hoàn cảnh khốn cùng ấy, ở cái khu nghèo nàn ấy bên kia là một dãy phố, giữa một cửa hàng thịt và một hợp tác xã bán rượu vang, gã đã viết đoạn mở đầu cho những truyện mà gã phải viết tới sau này. Không có khu nào ở Ba-Lê gã yêu mến bằng khu này, những hàng cây thẳng băng, những căn nhà lát thạch-cao trắng đã cũ kỹ bên dưới quét sơn nâu, những chiếc xe ô-tô buýt dài màu xanh ở cái khu tròn tròn đó, những cánh hoa màu huyết dụ nhuộm đỏ bờ hè, con đường dốc từ phố Cardinal Lemoine tới bờ sông, và một con đường khác nữa, con đường đông đúc và hẹp của phố Mouffetard. Dãy phố chạy về phía nhà Panthéon trên con đường đó gã thường lọc cọc đạp chiếc xe đạp cũ, con đường nhựa độc nhất của khu ấy, trơn nhẵn dưới bánh xe cao-su, với những căn nhà hẹp mà cao và cái khách sạn rẻ tiền mà Paul Verlain đã trọ trong những ngày cuối cùng của cuộc đời chàng. Họ sống trong những gian chỉ có hai phòng, gã thì thuê được cái rằm thượng của cái khách sạn đó với giá sáu mươi quan một tháng, nơi mà gã đã sống cuộc đời viết lách và từ đó gã có thể nhìn thấy những nóc nhà những ống khói của tất cả Ba-lê.

Từ gian nhà thì người ta chỉ nhìn thấy một cửa hiệu bán gỗ và than. Họ cũng bán rượu vang nữa, những thứ rượu rất xoàng. Cái đầu ngựa vàng bên ngoài liếm bán thịt nơi mà những bộ xương treo lủng lẳng đỏ vàng bên trong cánh cửa sổ mở và căn nhà màu xanh của hợp tác xã nơi họ tới mua rượu, rượu ở đây vừa ngon vừa rẻ. Những thứ còn lại sau cùng là những bức tường lát thạch cao và những khuôn cửa sổ của bọn hàng xóm láng giềng. Bọn hàng xóm đêm nào cũng mở cánh cửa sổ ra khi nào có một đồ đệ của Lưu Linh say bí tỉ ở ngoài đường, gào thét kêu la, dùng cái điệu của dân «ivresse» điển hình của nước Pháp mà người ta vẫn cố tuyên truyền là bọn ấy không còn nữa. Rồi những tiếng thì thầm bắt đầu.

— Ông dời xếp dậu rồi? Cứ khi nào người ta không cần đến bố ầy thì bố ầy lại vào mặt lại đây. Chắc lại đi ngủ với cô ả nào rồi. Gọi thầy dời đi thôi.

Cho tới khi có kẻ nào ném một thùng nước ra ngoài thì tiếng kêu la hết.

— Cái gì thế? Nước hả. À, à thông minh thật.

Rồi những cánh cửa khép lại. Marie, mẹ giúp việc cho gã, kẻ chống lại lối làm việc tám-giờ-một-ngày tuyên bố:

— Nếu một người chồng làm việc tới sáu giờ, khi trở về nhà hẳn sẽ

CẢNH TUYẾT Ở KILIMANJARO

chỉ uống một chút rượu thôi, như thế chẳng phí phạm gì. Nếu hẳn chỉ làm việc tới năm giờ thì đêm nào hẳn cũng chè chén và người ta hết tiền. Rút cục thì chỉ có vợ dân lao động là phải chịu thiệt thòi về cái lối làm việc ít giờ đó.

— Anh có muốn ăn thêm tý cháo nữa không? bây giờ người đàn bà hỏi gã.

— Không, cảm ơn em nhiều lắm. Thế đủ quá rồi.

— Cố ăn tí nữa đi.

— Anh muốn uống Whisky Soda.

— Rượu đối với anh không tốt đâu.

— Không, rượu đối với anh rất xấu. Cole Porter viết nhạc và lời: anh biết rằng em sắp điên vì anh.

— Anh thừa biết rằng em thích để anh uống rượu.

— Thì phải rồi. Chỉ vì nó đối với anh rất xấu.

Khi nào nàng say rồi, gã nghĩ thầm. Ta sẽ có tất cả những cái gì mà ta muốn. Không, không phải tất cả cái gì ta muốn mà tất cả cái gì ta có. Ài, gã thấy mệt mỏi. Quá mệt mỏi gã định ngủ một giấc ngắn. Gã nằm yên lặng, thần chết không còn ở đó nữa. Nó đã phải vòng qua một phố khác. Nó đi từng đôi, cưỡi xe đạp lơ lửng và cử động hết sức lạng lã trên những bờ hè.

Không, gã không bao giờ viết về Paris. Paris đối với gã thân mến quen thuộc. Nhưng sau cùng thì còn lại những gì mà gã chưa biết lời.

Về một trang trại và những bụi cây ngả màu bạc xám, nước thì trong vắt và chảy xiết trong những giòng sông đào, những bãi cỏ linh lăng thảo xanh rờn. Con đường xe ngựa chạy lên tận đỉnh đồi và đám súc vật ngủ dưới trời mùa hạ, ngày thu như loài hươu non. Những tiếng kêu, tiếng ồn ào và cả một khối súc vật chuyển động chậm chạp khi người ta mang chúng đi vào mùa thu. Đứng sau đồng núi, những núi sừng nhọn hoắt trong ánh sáng thoi thóp của buổi hoàng hôn, những đêm trắng cỡi ngựa dọc theo con đường trên đồi, trăng sáng chói bên kia thung lũng. Bây giờ gã nhớ lại những đêm đi xuyên qua rừng cây trong bóng tối đầy đặc gã bám chặt lấy bờm ngựa vì không nhìn thấy đường và tất cả những truyện mà gã vẫn muốn viết ra.

Về một đứa trẻ ngựa điên đã bỏ trang trại đó mà đi, tuyên bố để cho ai chiếm cánh đồng cỏ của nó và cái lão già khốn nạn của nhà Forks, kẻ đã đánh đập nó khi nó còn giúp việc cho lão ta, lão đem bầy súc vật tới ăn trên cánh đồng cỏ ấy. Đứa trẻ chối từ và lão dọa, lão sẽ đánh cỏ ấy. Đứa trẻ chối và lão ra, lão sẽ đánh nó lần nữa. Đứa trẻ rút cây súng ở trong nhà bếp ra bắn lão khi lão đang cố lén vào vựa thóc, khi người ta trở lại trang trại thì lão đã chết được một tuần lễ, khô cứng ngoài bờ đậu, dân chớ đã găm nát người lão. Nhưng những

gì còn lại sau cùng : người ta bỏ dĩa trở lại trong một chiếc xe trượt tuyết, người ta kéo nó ra đường cát, rồi hai người đàn ông dẫn nó đi theo con đường trượt tuyết ra ngoài thành phố cách đó sáu mươi dặm để giao nó cho nhà chức trách. Gã không còn giữ lại được một ý tưởng nào ở trong đầu. Gã nghĩ rằng gã phải làm xong nhiều nhiệm vụ của gã, một người đối với gã đều là bằng hữu anh em và gã sắp được thưởng công. Gã đã dấm lão già một cú để kéo lão ra tỉnh mọi người đều biết tâm địa lão già thế nào rồi, lão đã ăn cắp cái phần ăn lễ ra không phải của lão, và đến khi viên cảnh sát khoát tay dĩa trở lại thì thật gã không thể nào lin được. Rồi gã bắt đầu khóc. Đó là một truyện ngắn mà gã vẫn dành để viết. Gã viết ít nhất cũng có tới hai chục truyện ngắn rất hay rút từ những cảnh ấy ra và không bao giờ gã đã viết được lấy một truyện. Tại sao thế ?

— Vậy thì tại sao thế ? Gã nói.

— Anh bảo tại sao gì cơ ?

— Không.

Từ ngày có gã nàng không bao giờ uống rượu nhiều quá. Nhưng nếu hẳn sống hẳn sẽ không bao giờ viết về nàng, bây giờ gã biết rõ điều đó. Không viết một truyện nào về bọn họ cả. Bọn giàu đều ngu xuẩn và rượu chè nhiều quá nếu không thì lại miệt mài cơ bạc. Chúng đã ngu xuẩn lại còn hay bắt chước. Gã nhớ lại anh chàng Julian khôn nạn sợ hãi bọn giàu quá đời và gã đã bắt đầu một truyện ngắn bằng một câu như thế này : « Bọn giàu sang rất khác anh và tôi ». Và một người nào đó đồng ý với Julian. Phải, chúng nó khác bọn ta vì chúng nó nhiều tiền hơn. Nhưng đối với Julian thì đó không phải là một câu khôi hài. Hẳn tưởng rằng bọn nhà giàu đều là những giống người đặc biệt lộng lẫy và tới khi hẳn khám phá ra rằng không phải thế thì điều đó lại làm hẳn đau khổ hơn bất-cứ điều gì khác.

Gã đã khinh tất cả những lên nào đau đớn khổ sở. Người ta không bị như thế bởi vì người ta hiểu rõ điều đó quá. Gã có thể đánh ngã mọi vật, gã nghĩ thầm, bởi vì không có vật gì làm tổn thương được đến gã nếu gã không chú ý tới.

Được rồi. Bây giờ gã không nghĩ tới sự chết nữa. Chỉ có một sự vẫn đảm gã hoảng sợ là sự đau đớn. Gã có thể chịu đau đớn được như mọi người khác miễn là nó không kéo dài lâu quá hay làm hại đến sinh mệnh của gã, nhưng ở đây gã lại cảm thấy như có một sự gì làm gã lo sợ vô cùng và chính ngay lúc đó, ngay lúc gã cảm thấy nó đang sắp tàn phá thân thể gã lại thấy sự đau đớn không còn.

Gã nhớ lại ngày xưa, đã khá lâu. Williamson, viên sĩ quan của đội phi cơ oanh tạc đã bị một bọn lính Đức bắn trọng thương trong khi hắn vượt hàng rào gậy thép gai để tiến lên, đêm đó hắn kêu la, cầu xin

CẢNH TUYẾT Ở KILIMANJARO

người ta bắn cho hắn chết hẳn đi. Hắn là một người đàn ông lo béo, một sĩ quan rất quả cảm và gương mẫu tuy hắn cũng là một người hay khoe khoang và cuồng tin. Nhưng đêm đó hắn bị bắt bên hàng rào giằng thép gai, một ngọn đèn pha chiếu thấy, hắn trúng đạn ruột hắn bắn tung tóe lên hàng giằng thép vì thế khi người ta mang hắn vào hắn còn sống, người ta phải mò để cứu hắn. « Bắn tôi đi Harry. Trời ơi, bắn tôi đi ». Một hôm họ đã tranh luận với nhau về sự Chúa không bao giờ bắt con người phải chịu những sự gì mà người ta không thể chịu đựng được; và một người đã cho rằng ở một lúc nào đó sự đau đớn của người ta sẽ qua đi một cách máy móc. Nhưng gã vẫn nhớ mãi Williamson cái đêm hôm đó. Không có sự gì đã qua đi khỏi Williamson cho tới khi gã đã cho hắn tất cả những viên thuốc ngủ mà gã vẫn dành để phòng rồi sau thì chúng cũng chẳng thu được một kết quả nào.

Cho tới bây giờ đây, vết thương mà gã có, lại thấy dễ chịu; và nếu nó không tiếp tục tăng thêm thì không có gì đáng ngại cả. Trừ khi gã thích sống ở một đoàn khác khá hơn.

Gã nghĩ một chút đến cái đoàn thề mà gã muốn có.

Không, gã nghĩ thầm, tất cả các việc đã làm đều làm lâu quá, muộn quá, không thể đợi những người vẫn còn ở chỗ đó. Những người đó đã đi khỏi rồi. Cuộc vui cũng đã tàn và bây giờ người ta chỉ còn lại cùng với người nữ chủ nhân.

Ta lại sắp quấy rầy với sự chết cũng như bất cứ sự nào khác, gã nghĩ thầm.

Gã thét lên :

— Đúng là một sự quấy rầy.

— Cái gì đấy, anh ?

— Cái gì ta làm cũng làm muộn quá, trời ơi !

Gã đưa mắt nhìn khuôn mặt nàng, giữa gã và ngọn lửa. Nàng dựa lưng vào ghế và ánh lửa chiếu vào khuôn mặt xinh xắn của nàng; gã thấy nàng có vẻ buồn ngủ. Gã bỗng nghe thấy tiếng động của con sói rừng ngay bên ngoài ngọn lửa.

— Anh phải viết thôi, nhưng anh thấy mệt quá.

— Anh thấy có ngủ được không ?

— Thì vẫn ngủ được. Sao em không vào lều nằm đi.

— Em thích ngồi đây cùng với anh.

— Em có thấy có cái gì lạ không ?

— Không, chỉ thấy hơi buồn ngủ.

— Anh thì thấy rồi.

Gã vừa thấy thần chết trở lại lần nữa. Gã nói với nàng :

— Em nên biết rằng chỉ có một điều anh không bao giờ bị mất là tính tò mò.

— Anh không bao giờ mất cái gì cả. Anh là người đàn ông hoàn toàn

nhất mà em đã gặp được trong đời.

— Trời ơi, trí hiểu biết của đàn bà kém cỏi biết là chừng nào. Cái gì thế? Trục giác của em để đi đâu?

Bởi vì ngay lúc đó, thần chết tới, nó lách đầu vào chân lều và gã ngửi thấy hơi nó thở.

— Đừng bao giờ tin về truyện cái liềm và cái sọ người cã, gã nói với nàng. Nó có thể là hai tên cảnh sát đi xe đạp nhẹ nhàng, nó có thể là một con chim. Hay nó có thể có chiếc mõm to như một con sói rừng.

Nó đã chạm vào người gã, nhưng nó chưa hiện ra hình thể gì cả, nó mới chỉ chiếm một khoảng không gian.

— Đuổi nó đi.

Nó không đi nhưng nó tiến lại gần hơn.

— May mắn kinh quá, gã nói với nó. Đồ khốn nạn, hồi thôi.

Nó tiến sát tới gã và bây giờ gã không thể nói được với nó lời nào khi nó thấy gã không còn nói được nữa, nó tiến sát lại hơn chút nữa bây giờ gã cố đẩy nó ra nhưng nó vẫn tiến lại gần ngay trên thân thể gã rồi cả sức nặng của nó đè lên ngực gã, và trong khi nó ngồi nép mình ở đó thì gã không còn cử động hay nói được nữa, gã nghe thấy người đàn bà nói:

— Ông ngủ rồi. May khe khẽ đem cái giường này vào trong lều đi.

Gã không thể nói với nàng đuổi hộ nó đi, và nó vẫn ngồi đó, nặng hết sức khiến gã không còn thở được. Và rồi ngay lúc bọn đầy tớ nàng giường gã lên, gã bỗng thấy yên ổn và nó bò ra khỏi ngực gã.

Đó là vào một buổi sáng, một buổi sáng đẹp trời kia gã nghe thấy tiếng phi-cơ tới. Mới đầu trông nhỏ li-ti, rồi phi-cơ lượn một vòng tròn lớn. Bọn đầy tớ chạy đi khêu lửa, đồ dầu hỏa, chất cỏ lên rồi nhóm hai ngọn lửa lớn ở hai góc ngang mặt đất, ngọn gió heo may của buổi sáng thổi nhẹ về phía lều, chiếc phi-cơ lượn thêm hai vòng nữa, lần này xuống thấp đoạn lướt xuống và đậu trên mặt đất nhẹ nhàng. Lão Compton chạy về phía gã với chiếc quần rộng ống, chiếc áo len sọc và một chiếc mũ phớt nâu.

— Thế nào, lão gà tồ? Compton lên tiếng.

— Đau chân, gã đáp. Ăn sáng chưa?

— Cảm ơn, vừa dùng trà. Đây là chiếc Puss Moth đấy. Tôi không mang chiếc Memsahid đi được. Chỉ có một chỗ cho một người. Xe hơi của anh đậu ngoài đường cái.

Helen đứng cạnh Compton, nói truyện với hắn. Compton có vẻ vui vẻ hơn bao giờ hết.

— Chúng tôi đem anh lên đây, hắn nói. Tôi sẽ trở lại kiểm chị. Bây giờ tôi sợ rằng chúng tôi sẽ phải dừng lại Amsha, để lấy thêm sáng. Ta đi thôi chứ?

— Chè uống thấy thế nào?

CẢNH TUYẾT Ở KILIMANJARO

— Tôi không để ý đến bữa điếm tám lần, anh cũng biết đấy.

Bọn đây tờ đã khiêng giường của gã ra, mang vòng quanh chiếc lều xanh, xuống dọc sườn núi đá đoạn qua cánh đồng cỏ và theo con đường đèo nơi những ngọn lửa đang bốc cao, cánh đồng thuần cỏ cháy và ngọn gió quạt thêm cho ngọn lửa thấy rõ cả thân thể của gã nằm ở trong màn nhưng chân gã lại buông thõng xuống bên giường. Chiếc áo khoác cũng đã rơi xuống đất và nàng không nhìn thấy; Nàng cất tiếng gọi:

— Molo! Molo! Molo!

Rồi nàng nói:

— Harry, Harry!

Rồi tiếng nàng cất cao hơn:

— Harry, em van anh, ời Harry!

Không có tiếng trả lời và nàng không nghe thấy gã thở.

Bên ngoài lều con sói rừng vẫn kêu lên những tiếng dị kỳ đã đánh thức nàng dậy. Nhưng nàng không còn nghe thấy tiếng gã thở vì những tiếng đập của trái tim nàng.

ernest hemingway

phạm nguyên vũ dịch

DÂN BIỂU

trương-văn-tô

cung chúc tân xuân

DÂN BIỂU

huỳnh-thành-vị

cung chúc tân xuân

DÂN BIỂU

phạm-duy-lân

phó tổng thư ký quốc hội

Cung Chúc Tân Xuân

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ
SẼ LẦN LƯỢT ĐĂNG
TIẾP Ở CÁC SỐ TỚI
NHỮNG TRUYỆN
DÀI CHỌN LỌC CỦA
NGUYỄN SỸ TÊ
VÔ PHIỄN
DUY THANH

giá 15đ.

nhà in tín đức thư xã 25, 27, 29 đường tạ thu thâu saigon — đ.t. 20.678